

VĂN HÒA

NGÀY NAY

NHẤT LINH CHỦ TRƯỞNG



Phước Linh

XUÂN
LAN

PHƯƠNG - GIANG

do NHẬT-LINH chủ trương từ năm 1952

Đ Ặ C

Đi Tây của Nhật-Linh (hết) — Giọng Nước Ngược của Tả Mõ — Thế Rồi Một Buổi Chiều của Nhật-Linh (hết) — Hai Chị Em của Nguyễn-thị-Vinh — Gối Thước Lá của Thế-Lữ (hết) — Vàng và Máu của Thế-Lữ (hết) — Đứa Con của Đỗ-đức-Thu (hết) — Trại Bò Tùng Linh của Thế-Lữ — Mai-Hương và Lê Phong của Thế-Lữ (hết) — Gió Đồi Mùa của Thạch-Lam (hết) — Thương Yêu của Nguyễn-thị-Vinh — Hoa Vàng Vàng của Đỗ-Tồn (hết) — Gió Bắc của Linh-Bảo — Giọt Đường Gió Bụi của Khải-Hưng (hết) — Ngày Mời của Thạch-Lam (hết) — Gió Mặt của Trường-Hùng — Hai Bãi Chiều Vàng của Nhật-Linh (hết) — Năng Trong Vườn của Thạch-Lam (hết) — Đời Mưa Gió của Nhật-Linh và Khải-Hưng (hết) — Thừa Tự của Khải-Hưng — Hạnh của Khải-Hưng — Đợi Chờ của Khải-Hưng

M Ớ I R A

TRÔNG MÁI của KHÁI-HUNG — **XÓM NGHÈO** của NGUYỄN-THỊ-VINH — **HỒN Bướm Mơ Tiên** của KHÁI-HUNG — **ANH PHẢI SỐNG** của KHÁI-HUNG và NHẬT-LINH — **TIÊU SƠN TRẮNG SĨ** (tập I và II) của KHÁI-HUNG — **Bướm Trắng** của NHẬT-LINH — **BẢN KHOẢN** của KHÁI-HUNG — **ĐỘI MŨ LỆCH** của KHÁI-HUNG, **NHỮNG NGÀY VUI** của KHÁI-HUNG — **THOÁT LY** của KHÁI-HUNG — **ĐOẠN TUYỆT** của NHẬT-LINH — **ĐẸP** của KHÁI-HUNG — **NĂNG THU** của NHẬT-LINH — **TÌNH NGHĨA VỢ CHỒNG** của TOLSTOI do BẢO-SƠN dịch **NỬA CHỪNG XUÂN** của KHÁI-HUNG.

S Ẻ R A

Thế Rồi Một Buổi Chiều của Nhật-Linh — Đi Tây của Nhật-Linh — Nửa Chừng Xuân của Khải-Hưng — Gánh Hàng Hoa của Nhật-Linh và Khải-Hưng — Đời Mưa Gió của Khải-Hưng và Nhật-Linh — Hai Bạn của Nhật-Linh — Giọt Đường Gió Bụi của Khải-Hưng — Hai Buổi Chiều Vàng của Nhật-Linh — Sợi Tóc của Thạch-Lam — Hà-Nội 36 Phố Phường của Thạch-Lam — Gia Đình của Khải-Hưng

Quý-vị muốn mua sách của Phương-Giang xin giao dịch thẳng với
NHÀ TỒNG PHÁT HÀNH NAM - CƯỜNG
185, Nguyễn-thái-Học — Saigon



Bột sôcôla

OVALTINE

LÀ MỘT THỨC UỐNG VỪA NGON VỪA BỔ

OVALTINE là một thực-phẩm rất bổ-dưỡng, gồm các chất :
sữa tươi, trứng gà, mạch-nhà, cacao, chứa đựng
rất nhiều sinh-tố cần-thiết cho cơ-thể con người.

TRẺ EM DÙNG **OVALTINE** sẽ được mau lớn, chóng lên cân ;

THANH-NIÊN DÙNG **OVALTINE** sức lực dồi dào ;

NGƯỜI LỚN TUỔI DÙNG **OVALTINE** sẽ thêm tráng kiện như
buổi thiếu thời ;

NGƯỜI ĐAU MỐI MẠNH DÙNG **OVALTINE** mau lại sức ;

NHỮNG THÈ-THAO-GIA DÙNG **OVALTINE** gân cốt nở nang,
sức khoẻ sung-
túc dư sức tranh
lèo đọt giải.

ÁO LEN
 WINTER & CORONA & 5 STARS
KHĂN LEN
 AUSTRALIA

Hiệu mới, mẫu đẹp
** 100% Len hảo hạng*
** Hàng tốt, giá hạ*

Bán sỉ và lẻ tại HÃNG DỆT

CỤ-CHÂN

74 ĐƯỜNG GIA-LONG SAIGON
 ĐIỆN-THOẠI: 23.336

ĐỒNG Y-SĨ
CỤ-THẮT
CHỮA CHÂN TAY

Cấy xương bong gân,
 trật khớp và phong thấp rất
 thần hiệu cùng các bệnh gân,
 xương, nhức mỏi đã được
 tín-nhiệm với đồng-bào Bắc-
 Việt.

Trước & Hàng Điều
 Hà-nội nay đã tiếp khách tại
 287 Gia-Long
 gần Ngã-Sáu (Saigon)

Chủ-nhật chữa làm
 phước & Tịnh-Đồ Cự-Sĩ
 282 Đường Lacaze Cholon
 từ 10 đến 12 giờ

MANUFACTURE INDOCHINOISE
 DE TABACS ET CIGARETTES

« MITAC »



CIGARETTES
MÉLIA
 EXTRA

CIGARETTES
MÉLIA

Cung Chúc Tân Xuân

GIA ĐÌNH HẠNH PHÚC

Cố chỉ vui bằng lúc vợ con của mình bị đau yếu mà động mạnh liền !

Y-S.T. TRẦN-THANH-TÂM

Một vị minh-y thật học kinh-nghiệm. Chuyên trị : Bá bệnh thuộc kinh huyết phụ nữ. Các sắc ban trái, các bệnh khó của trẻ em.

Khi có bệnh cần, quý vị đến sẽ động chiếc chân mau lành mạnh.

Một bảo đảm cho gia đình quý vị lúc nào cũng vui vẻ và hạnh phúc.

Nhà thuốc HOÀN-CẦU

99, Bến Chương-Dương (Cầu Ông Lánh) Saigon.

Anh em tranh đua học tập nhưng vì ở xa, không phương tiện đến trường, xin viết thư hỏi điều lệ nơi trường

HÀM THỤ HẠNH NGHĨA

42, Nguyễn-văn-Thành, GIADINH

Trường-dạy bằng cách gửi bài đến tận nhà, bài anh em học có giảng và bài làm có kiểu mẫu, anh em gửi đến trường chấm, trả lại mau. — Tổ chức có qui củ, đứng đắn lâu niên rất thuận cho Công, Tư chức, quân nhân gần xa dễ luyện thi Tú-Trung-Tiêu. Ghi học lúc nào cũng được, chăm nom từng người — Cấp chứng chỉ đi thi hay xin sẽ làm sau niên khóa. — Giáo sư có tuổi nhiều kinh nghiệm.

— Có dạy trực tiếp — Kỷ Niệm Mười hai Năm Thành Lập, giảm phí 20 o/o cho Bạn nào ghi tên từ nay đến tháng 2 Âm-lịch.

CHỮA BẢO ĐẢM

24 thứ trị : Mạch lương, ỉa máu, táo bón, kiết lỵ CÓ HƯƠNG sản sóc bệnh trị quý bà. Trong uống ngoài thoa, bệnh nào thuốc ấy, không cắt, đốt buộc chỉ. Bảo đảm ít đau mà không tái phát. Trên 20 năm kinh nghiệm với sự khảo cứu rất tinh vi. **CHUYÊN TRỊ** : Đau gan, ruột, bao tử, nhức đầu kinh niên, tim yếu, thiếu máu, có kỳ đau bụng. Có nơi yên tĩnh dưỡng bệnh đủ tiện nghi **NHI KHOA NHÂN SÂM TÂN** : Bổ dưỡng trẻ em đau lâu mới mạnh, hay dễ mồ hôi, ít dãi, ọc sữa, ỉa lỏng, chậm tiêu, trờ dứt nọc ban. **CỒN ĐÀM CHỈ KHẢI TÂN** : Chữa ho gà, ho ban, ho gió, phồng đàm khò khè. Trẻ em mới sanh uống thuốc này ngừa được chứng kinh phong. **KINH NIÊN ĐÀU THÔNG HOÀN** : Chữa nhức đầu kinh niên, đau màng óc, sờ mũi, chóng mặt máu sẫm bất tỉnh rất thần diệu.

Tổng cuộc Nhà Thuốc NGUYỄN-ĐỒNG-DI

379, Đường Phan-Đình-Phùng — Saigon

ĐÃ CÓ BÁN

NẮNG THU

Của NHẤT-LINH

ĐÃ CÓ BÁN

NỮA CHỪNG XUÂN

Của KHÁI-HUNG

ĐỀ PHÒNG BỆNH CÚM

Đạo này mới có bệnh Cúm trở lại, truyền nhiễm nhiều người. Gặp luồng gió lạnh ở Trung Quốc thổi xuống nên bị Cúm càng nhiều. Ở Pháp cũng có dịch Cúm !

Muốn tránh bệnh Cúm rất nguy hại cho sức khoẻ thì trẻ em, ông già, bà lão, và cả trai trẻ đều nên dùng dầu :

KHUYNH DIỆP BÁC SỸ TÍN

dề rảy trên giường, xúc lỗ mũi, xoa cổ, xoa ngực, uống trừ ho, giở trong ly nước súc miệng đánh răng và giở vào khăn mùi soa để hít thường xuyên khi ra đường, vào lớp học, vào công sở.

ĐÃ CÓ BÁN

ĐOẠN TUYỆT

của NHẤT-LINH.

ĐƯƠNG IN

GÁNH HÀNG HOA

của NHẤT-LINH và KHÁI-HUNG

ĐÔI BẠN

của NHẤT-LINH

GIẢI PHẪM

VĂN HÓA



NGÀY NAY

Bảng những bài và truyện có giá trị bất cứ thời nào, nơi nào

NHẤT-LINH CHỦ TRƯỞNG

Lý kết tinh anh
phần gió sương,
Muôn màu muôn
vẻ thoáng muôn
hương.

B.K. ĐẢN

với sự cộng tác thường xuyên của

ĐỖ ĐỨC-THU. NGUYỄN-THÀNH-VINH. NGUYỄN-THỊ-VINH.
DUY-LAM. BẢO-SƠN. BÌNH-NGUYỄN-LỘC. TƯỜNG-HÙNG.

Địa chỉ : 42, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Về ranh và trình bày } Duy Lam, Tường Hùng, Duy Thanh,
Huy Tường, Tường Vũ, Nhất Linh.

vịnh mai

Bên hoa đồi tuyết một trời. (1)

Cảnh thơ sắc đậm lòng người hương thanh

Tiếng xuân chưa gọi chim cành (2)

Cười xuân đã nhuộm mộng xanh đi về (3)

ANH-HOÀ.

*
* *

Hốt kiến hàn mai thụ

Khai hoa Hán-thủy-tân

Bất tri xuân sắc tảo

Nghi thị lộng châu nhân !

Dịch :

Chợt nhìn mai lạnh nở

Sông Hán tuyết phau phau

Xuân mới về không biết

Ngỡ người đùa rắc châu

Bờ sông Hán-thủy trắng phau phau

Chợt thấy hoa bay tuyết một màu

Rực rỡ, ối kìa xuân sớm lại

Còn ngờ trẻ tạo khéo gieo châu !

NHẤT-ANH.

(1) Lấy ở câu «Khử Tuế thanh xuân mai tuyết»

(2) Lấy ở câu «Tiềm xuân phong dĩ hương»

(3) Lấy ở câu «Phù tri xuân mộng đảo Mai-Trang.

diễm nữ từ

Thơ của Lương-Hoàng
Bản dịch của Nhất-Anh

Lộ tinh đào hoa phát,
Song song yển tịnh phi.
Mý nhân tư thái lý,
Xuân sắc thượng la y.
Tự ái tần khuy kính,
Thời tu dục yêm phi.
Bất tri hành lộ khách,
Dao nhạ ngũ hương qui.

LỜI CA NGƯỜI ĐẸP

Thề I

*Bên giếng hoa đào nở,
Lững lờ đôi yển bay.
Hãy hãy cô gái đẹp,
Mơ mộng áo Xuân đầy !
Sắc nỡ soi gương sáng,
Thẹn thùng đóng cửa ngay.
Qua đường đâu biết khách,
Thơm thoả xa mà say ! !*

Thề II

*Giếng thơm Hoa thắm tuyệt vời,
Song song đôi yển ngang trời lững lơ.
Người đâu mơ mộng đào tơ,
Áo là Xuân gọn nếp mơ ghẹo Người !
Liếc gương thấy bóng mình cười,
Thẹn thùng những muốn cửa ngoài khép ngay !
Qua đường có khách nào hay,
Hương thủa xa thoả mà say dạ chàng !*

Nhất-Anh.

tiết phụ ngâm

Thơ của Trương-Tịch
Nhất-Anh dịch

Quán tri thiếp hữu phu,
Tặng thiếp song minh châu.
Cảm quân chiến miên ý.
Hệ tại hồng la nhu.
Thiếp gia cao lâu liên uyển khởi,
Lương nhân chấp kích Minh-Quang lý.
Tri quân dụng tâm như nhật nguyệt,
Sự phu thệ nghị đồng sanh tử.
Hoàn quân minh châu song lệ thù,
Hận bất tương phùng vị giá thì !

TIẾT-PHỤ NGÂM

Thề I

Chàng biết thiếp chồng rồi,
Minh châu tặng một đôi.
Cảm chàng bao ý đẹp,
Vòng ú áo hồng tươi.
Nhà thiếp lâu cao liền Thượng-Uyển,
Chồng em chấp kích Minh-Quang điện.
Lòng chàng vắng biết sáng như gương,
Sinh tử thề chồng xưa đã nguyện !
Trả chàng châu quận hạt châu rơi,
Hận những ngày... xưa ; chẳng gặp người !...

Thề II

Chàng hay em đã có chồng,
Còn yêu còn tặng đôi vòng ngọc châu.
Cảm chàng ý nặng tình sâu,
Vòng kia em ấp áo màu hồng tươi !
Nhà em Vườn Ngự kề nơi,
Chồng em cầm kích vốn người Đền Quang.
Biết chàng lòng sáng như gương,
Thề chồng sinh tử đạo thường dăm sai !
Châu về quận hạt châu rơi,
Hận rằng Ai chẳng biết Ai... những ngày... ! !

NHẤT-ANH.

TRỪ DẠ TÚC THẠCH ĐẦU DỊCH

Lữ quán thù tương vấn ?
Hàn đăng độc khả thân.
Nhất niên tương tận dạ,
Vạn lý vị quy nhân.
Liêu lạc bi tiền sự,
Chi li tiểu thủ thân.
Sầu nhan dữ suy mấn.
Minh nhật hựu phùng xuân.

Đới-thức-Luân.

ĐÊM BA MƯƠI TẾT Ở QUÁN THẠCH-ĐẦU

Thề I

*Quán khách ai thăm tớ ?
— Chỉ đèn lạnh mẩn ta.
Năm cùng đêm sắp hết
Muôn dặm vẫn người xa !
Hiu quạnh buồn thân thể.
Nực cười ngủn chuyện xưa !
Mặt sầu mái tóc cõi
Mai lại gặp xuân mà.*

Thề II

*Quán này ai hỏi thăm ta ?
— Ngọn đèn tàn lạnh ấy là chi âm —
Hết đêm này cũng hết năm,
Dặm ngàn khách vẫn xa xăm bên trời !
Ngậm ngùi chuyện cũ đã rồi,
Nào nùng mà lại nực cười cho thân.
Mặt sầu ót mái tóc cần,
Ngày mai ta lại gặp xuân quê người !*

Nhất-Anh.

A - HẬU

truyện ngắn
của Đỗ-Tôn

*Chiều nay giờ lại trang tình cũ,
Ta viết ra đây một quãng đời.*

Một buổi nóng bức oi ả tôi đương nằm ốm đau ở trên gác một căn nhà tại Quảng-Châu thì anh Danh tới ngồi xuống bên tôi; sau vài câu hỏi tôi về sức khoẻ, Danh bảo: « Đã thuê được người làm rồi đấy ». Tôi đương mệt, chỉ khẽ nhạt héo hỏi:

— Bao nhiêu tiền một tháng ?

— Một đồng-bào ở đây thuê giúp cho bọn mình. Ông ta trả tiền công, ông ta có ý giúp đỡ tụi mình trong lúc này...

Tuy đau ốm mà tôi cũng lên tiếng hỏi về giá tiền công vì hồi đó ở Quảng-Châu vấn-đề tiền là một vấn-đề rất nguy-nạn cho chúng tôi; thời ấy vào năm 1941, thế-giới đương lâm vào cuộc Đại-chiến, mà các anh em ở trong nước thì đương bị nhà đương-cuộc Pháp khùng-bổ thành ra đường tiếp-tế đã trở nên tắc nghẽn, cũng vì thế chúng tôi phải tiết-kiệm, chỉ ăn cơm với rau hoặc si-dầu hoặc muối-vùng thôi Chẳng thế mà « người-ở » trước không thèm ăn như chúng tôi, mà trái lại « bà ấy » mua thức-ăn, ăn riêng. Tôi nói chuyện cùng Danh được một lát thì có tiếng anh Lễ ở trên gác ba vọng xuống gọi tất cả các anh em lên ăn cơm.

Nằm lại một mình tôi đương lịm một thiu thiu nửa thức nửa ngủ thì thấy có tiếng guốc « lách cách » đi tới. Nhìn lên tôi thấy « người-ở mới » đương bung đến cho tôi một bát cháo hoa với một dùm muối trắng. Đó là tất cả thức-ăn để bồi-bổ và thuốc thang cho tâm thân tôi đau yếu đã gần 20 ngày trời.

Anh Danh vẫn thường đùa rôm rỏi nói:

— Ai bảo lại đại-dột đi đau, yếu vào lúc túng tiền ? ?

Tôi thấy cần phải nói là thời đó thành phố Quảng-Châu đương bị quân Nhật chiếm đóng và nạn đói thì đương hoành-hành dữ. Ra tới đường phố là thấy nhian-nhảm những bộ xương bọc da thất-thêu siêu-veo lang-thang. Ngày nào cũng có hàng trăm con người chết vì đói ! Tôi đã từng trông thấy nhiều kẻ đương đi thì ngã gục xuống nằm quằn-quai hấp-hối trên vỉa hè, trong khi ấy thì dân chúng vẫn qua lại như thường: họ đã quen mục-kích những cảnh tượng đó quá rồi; tôi đã từng thấy những tấm thân xương,giơ tay cướp một chiếc bánh đứt vợi vào miệng trong khi những cái đấm đá liên hồi đồ xuống tấm

thân tàn cho tới lúc nó nằm còng queo và chết lịm, bánh phôi ra mép; tôi đã thấy những kẻ quá đói nên không buồn xin ai nữa (vì xin đã nhiều mà không được) nay sức đã kiệt, mắt đã hết thần, họ ngồi xuống vỉa hè đợi chết. Đã biết bao nhiêu lần tôi mũi lòng đứng lại cho những kẻ đó ít tiền, nhưng tuy giúp họ như vậy mà tôi cũng thừa biết rằng nếu sáng sớm hôm sau tôi có đi qua con đường ấy thì sẽ được thấy xác họ nằm lạnh cứng đơ bên rãnh cống: tôi đã thấy nhiều đũa trẻ nít một vài tuổi bị (vì cha mẹ đói quá), vứt bỏ ngồi lê la khóc ở bờ đường, rồi qua một đêm lạnh nó chết cứng, da xám đen lại; những con run-lãi ở trong bụng nó trổn lạnh chui ra lỗ mũi, chui ra hậu-môn và rồi cũng chết tốt ở đó.

Thành-phố Quảng-Châu thời ấy có thể gọi là một cảnh địa-ngục trần-gian. Quân Nhật thì chỉ chiếm đóng được một vùng độ ba bốn chục cây số chung quanh thành-phố. Thế mà tôi thì lại nằm ốm ở đó trong lúc tiền ít thuốc men không có!

Tôi nằm đợi ngày binh-phục chỉ bằng trí ham sống của tuổi trẻ nhưng đôi khi tôi cũng thoáng có ý nghĩ « biết đâu mình chả đương đợi ngày ra đồng nằm lạnh nơi quê người như những kẻ đói khổ kia! »

Thoạt trông « người ở mới », tôi không thấy có cảm tình, vì nàng không có một bộ mặt vui vẻ hoặc sắc sảo gì, mà chỉ có hai cánh tay to, khoe lồ lộ ra ngoài ống tay áo ba lâu ngắn, vôi ít tàn nhang điểm trên khuôn mặt trái soan hơi tro trẽn, tên nàng là Ả-Hầu, nàng độ 23, 24 tuổi.

Vì tiền thì cạn dần nên chúng tôi đã phải tự hạn chế, cả số gạo ăn,

có anh em nào khoẻ, không đủ no, thì cũng phải ráng chịu vậy. Mặc dầu thế, chúng tôi cũng đã phải bảo nhau: « Chúng mình ăn ít một chút chịu được, không sao, nhưng còn người ở thì phải để cho nó được ăn no ». Tuy vậy mà Ả-Hầu cũng chỉ lấy một phần cơm bằng phần cơm của mọi người chúng tôi thôi, và cũng vui vẻ chịu ăn kham khổ xuất thán như chúng tôi.

Cùng sống trong hoàn-cảnh thiếu thốn, tình thầy trò giữa chúng tôi dần dần một ngày một trở nên thân mến hơn.

Sau những bữa cơm quá ư đơn-giản mà thấy người ở vẫn vui vẻ cười nói bông đùa nên chúng tôi cũng đỡ thấy băn khoăn, băn khoăn vì ý nghĩ « mình đã vậy, nhưng nó khác, nếu khổ quá nó không chịu được nó xin ra thì sao? » Ở cái đất Tàu này, người ở vẫn thường được ngồi ăn cùng bàn với chủ cơ mà, hơn nữa người Tàu họ rất chú trọng sự ăn, phải ăn cho ngon đã còn mặc áo có cũ rách cũng được. Thế mà Ả-Hầu ở với chúng tôi thì chỉ có cơm trắng với si-dầu. Chúng tôi lại bảo nhau: « Chúng mình đừng nên gắt máng gì nó và cũng đừng nên bắt nó làm lưng giặt rũ nhiều... nó chịu làm với mình trong hoàn-cảnh này là tốt lắm rồi ». Cũng vì thế chúng tôi thương ai nấy tự giặt khăn mùi-xoa, quần đùi, bi-tát của mình — nói tóm lại là các đồ nhẹ.

Tuy vậy mà Ả-Hầu có chịu để cho chúng tôi yên đâu; ngày nào mà, vì tiết kiệm, chúng tôi không đưa tiền mua sà-phòng để giặt quần áo là y như Ả-Hầu có vẻ bực tức lộ ra, cả ngày kém vui.

Danh và tôi cùng ở chung một căn buồng nhỏ rất xinh, chỉ đủ chỗ

kê hai chiếc giường sắt và một chiếc giường con. Vì e giặt rửa nhiều thêm tốn sà-phòng, nên quần áo thay ra, tôi và Danh thường vút vào một góc phòng, rồi ít hôm sau, khi quần áo mặc trên mình đã đỡ thì chúng tôi lại lấy quần áo ở trong đống kia ra mà mặc lại. Cứ như thế, quần áo ùn lên thành một đống lớn, nồng mùi mồ hôi... nhưng đã quen mùi nên chúng tôi chỉ thấy quấy luyến cái mùi thân mật đó. Có lần tìm một đôi giày để đi phố mà sau khi lục lọi khắp nơi tôi vẫn chỉ tìm thấy được có một chiếc, thế rồi đến tối khi lên giường đi ngủ thì tôi thấy — thực không ngờ — chiếc giày của tôi đang nằm trên đĩnh màn! Lại có một dạo Danh bị ốm, nhiều đêm rét cắt da thịt; tôi đành phải lấy một cái ống bơ để ở góc phòng cho Danh đi tiểu vào đó vậy — nhưng ống bơ, thì nhỏ trong lúc đau ốm hoa mắt lại đêm hôm thì trông sao rõ được nên có lúc Danh đi tiểu ra ngoài ống bơ hoặc có lúc đầy tràn ống bơ, nước tiểu chảy ra sàn buồng và đọng lại thành từng vũng nhỏ ở găm giường.

Là những kẻ chưa vợ, đầy thanh-niên-tính, ưa bữa bãi, nên chúng tôi coi cảnh bữa bộn không ngăn nắp của căn phòng riêng là sự rất thường, nhưng mặc dầu vậy, chúng tôi không muốn cho các bạn khác vào phòng của mình, nên tôi và Danh đùa nghịch đem dán lên cửa phòng tấm giấy, trên viết: « Ai có vào thì xin tìm người hướng dẫn. kẻo lạc ».

...Và mỗi khi có việc đi đâu thì chúng tôi không quên khoá trái cửa lại. Nhưng khoá thì khoá chứ nếu ai nhất-định muốn vào cũng dễ vì các phòng chỉ ngăn cách nhau bằng các tấm tường ván cây cao lơ

lửng hơn đầu người độ 40 phân thôi, cứ việc nhảy lên leo đại qua tấm tường ván cây đó là có thể vào trong được.

Có một bữa trong khi tôi và Danh vắng nhà thì chẳng hiểu anh Tiết leo vào đề định mượn lọ mực chì đỏ nhưng vừa vào tới nơi thì Tiết đã vội leo trở ra ngay, hồn hèn thở mạnh nói với Bằng rằng: « Tôi suýt ngạt vì mùi hôi hám xặc xựa ». Từ bữa đó các anh em đặt tên căn phòng của tôi là « chuồng cọp » vì theo họ thì nó khai nồng như chuồng cọp trên sở thú vậy.

Thế rồi có một buổi trưa kia tôi ngủ một giấc ngon lành, vô tình tôi không khoá trái cửa!... Ồ, thế là tai vạ đến!! Khi nghe có tiếng động, tôi giật mình tỉnh dậy lơ mơ hé mắt nhìn xem cái gì, thì lạ chưa, cả căn phòng của tôi đã trở nên quang đãng sạch trơn. « Trộm? » Ý nghĩ đó vụt làm tôi ngồi nhồm giẫy như điện giật, tỉnh cả ngủ! — Không chỉ là Ả-Hầu, ống tay áo vèn lên tận nách, đương hi-hục dùng bao bố vùi nước lau cọ sàn gạch bông, nhất là những chỗ nước đọng khô.

Thấy có kẻ động chạm tới hàng thiêng của mình — và thú thật cũng vì hơi ngượng về sự dơ bẩn bữa bộn của mình — tôi nhảy chồm xuống đẩy Ả-Hầu ra, — nhưng nặng đầu có chịu, nàng chống-cự cố nhào vô để lau lấy được!... Tôi cáu lớn tiếng gắt và ráng hết sức mới đẩy bật được nàng ra khỏi phòng rồi đóng xăm cửa lại.

Độ nửa giờ sau, khi tôi đã mặc quần áo chỉnh-tề định ra đi chơi phố thì tôi thấy Ả-Hầu vẫn còn đứng ngoài bao lon, mắt đỏ hoe, mũi bóng lọng vì đã khóc., tay vẫn khư khư miếng bao bố.

Biết câu chuyện ấy nên anh X... người cầm đầu bọn chúng tôi, buộc tôi phải để cho Á-Hầu vào lau phòng. Tôi tỏ vẻ hơi bức, nhưng biết làm sao, tôi đành lang thang đi ra vườn hoa ngồi chơi ngắm dân-chúng qua lại vậy.

Từ bữa ấy, tuy đã đề tâm nghĩ mà tôi vẫn không sao tìm được cái trả lời cho hành-động của Á-Hầu. Từ xưa tới nay, tôi đã có định-kiến rằng bản-tính con người ta ở đời là lừa dối cơ mà, nhất lại là khi làm việc cho kẻ khác! Thế mà Á-Hầu lại ưa làm việc là nghề gì? Tôi không hiểu,... thực tôi không thể hiểu được!

Nhiều bữa đi xem chớp bóng đến đêm khuya mới về mà tôi vẫn thấy Á-Hầu còn đương lúi húi ủi từng đồng quần áo của toàn-thể bọn chúng tôi. Lại có nhiều buổi trưa nắng oi bức, ai cũng ngả lưng nghỉ một chút cho đỡ mệt, thì trái lại Á-Hầu như chỉ tìm thấy sung-sướng trong sự làm việc, chăm-chỉ lấy bao bố ra lau sân gạch,... nằng lau, lau nhiều, cũng vì thế những viên gạch bóng của hai tầng lầu sạch bóng lên, và những tấm kính cửa sổ trở nên sạch-sẽ trong suốt.

Thấy Á-Hầu chỉ chăm quét dọn lau chùi căn nhà chứ không đề ý đến chải chuốt làm dáng, nên một bữa đương vui chuyện lúc ăn cơm. thì anh Danh đùa nghịch hỏi Á-Hầu :

— « Bao giờ Á-Hầu lấy chồng ? » thì nàng đưa mắt lờm một cái rồi đáp :

— Sờ chầy nị... Lấy chồng để làm gì, ăn à? Các ông tưởng đàn ông các ông quý lắm đấy hả?

Chúng tôi vui thú cười :

— Không quý à? Không quý mà sao Á-Hầu chả vừa thấy cái bà ở trước cửa nhà ta ghen với chồng khóc lóc âm-ĩ là gì?

Sau đó ít lâu, chúng tôi gặp được một người Việt-Nam làm trên một chiếc tàu chở hàng của Nhật; vì liên-lạc được với nhà, nên chúng tôi mới nhận được một số tiền từ trong nước gửi sang. — Nhưng vì đã có ý nhất quyết rời bỏ Quảng-Châu nên chúng tôi vẫn giả vờ như nghèo lắm cứ để mặc căn nhà cầu-thả bữa-bộn. Anh em quyết để sẵn tiền để đợi cơ-hội trốn đi nên sự ăn uống vẫn kham-khở hết sức, cơm đã trộn khoai mà cũng chỉ ăn có chừng độ. Tuy thế đôi bữa chợt thấy có món ăn thịt nấu ngon lành, chúng tôi ngạc nhiên hỏi « ở đâu ra thế này? » thì Á-Hầu cười đáp :

— Trước kia tôi cần tiền trả nợ nên tôi đã ăn bớt tiền chợ của các ông... nay tôi có tiền tôi trả các ông đấy! . . .

Chúng tôi chỉ biết cười đáp « thế a », rồi đành vui-vẻ ăn vậy... nhưng sau hỏi dò thì chúng tôi được một đồng-bào đã sống ở đây hơn 20 năm cho biết sự thật : thì ra khi thì Á-Hầu vay bạn, khi thì vì mới lãnh lương, và có cả khi nàng bán hoa-tai đi để mua thức-ăn cho chúng tôi nữa...

Kỳ lạ ! Những kẻ phiêu-bạt nơi quê người như chúng tôi sao lại gặp một con người kỳ-lạ như thế này ! Chẳng hiểu Á-Hầu có bao giờ tỉnh nợ không? Nhưng tự nhiên tôi tin rằng không bao giờ Á-Hầu cần chúng tôi trả lại... nhiều lúc nghĩ đến các hành-động của Á-Hầu tôi không sao không liên-tưởng đến những bông hoa chỉ biết thả hương

cho gió bốn phương mà chẳng nghĩ tới thu về cho mình một chút gì bao giờ...

Tới đây tôi thấy cần nói lý-do tại sao chúng tôi cần trốn khỏi đất Quảng-Châu này :

Hầu hết chúng tôi đều là những thanh-niên trên dưới 20 tuổi, đang bị nhà đương-cuộc Pháp ở trong nước lúng bắt nên phải lần tránh sang Quảng-Châu. Ai đã giúp chúng tôi xuất-ngoại: đó là một người tên Sài-Điền — khi quân Nhật tấn-công và chiếm-đóng tỉnh Lạng-Son vào hồi năm 1940 thì Sài-Điền là vị Đại-tá nắm quyền chỉ-huy vùng chiếm-đóng đó. Sài-Điền nói tiếng Việt-Nam thông thạo và tự giới-thiệu là người Việt-Nam đã sang Nhật lâu năm, nay trở về nước để giúp các người cách-mạng V. N. giành lại nền độc-lập cho Tổ-Quốc. Cũng vì Sài-Điền là người V. N. nên dân-chúng ở Bắc-Việt hồi đó đồn ầm lên rằng y là con trai ông Cường-Đề. Ở địa-vị đó Sài-Điền đã liên-lạc được với một số đảng-viên các đảng cách-mạng V.N. hồi đó.

Sau đó ít lâu người Nhật trao trả lại cho Pháp tỉnh Lạng-Son, làm cho hàng ngàn người V.N. phải bạt chạy lần tránh sang Tàu và bao ngàn người khác bị Pháp bắt bỏ tù ; rồi đến khi người Pháp ruộng bắt chúng tôi ở Hà-nội thì Sài-Điền liên-lạc đưa chúng tôi lên tàu binh Nhật để sang Quảng-Châu ; nhóm ra đi chúng tôi hầu hết là thanh-niên ngoại trừ vài người cầm đầu. Vì chúng tôi còn trẻ, ưa hoạt-động, nhiều hiếu-thắng, thích xa lạ, nên khi Sài-Điền hứa đi Quảng-Châu rồi sẽ đưa chúng tôi sang học trường quân-sự tại Nhật thì chúng tôi nhận lời ngay.

Khi đã tới Quảng-Châu, Sài-Điền thuê một căn nhà cho chúng tôi ở,

căn nhà này có hai tầng gác mà Ả-Hầu vẫn thường lau chùi như tôi đã nói ở trên.

Sài-Điền dạy chúng tôi văn-ngữ Nhật ; hần dạy rất giỏi, rất có thứ tự mạch-lạc. Chúng tôi hấp-thụ rất mau được văn-mẹo Nhật-ngữ, với tin-tưởng rằng rồi đây sẽ vào trường Quân-sự Nhật.

Sau hơn nửa năm ở thành-phố Quảng-Châu mà nạn đói đương hoành-hành thì càng gần Sài-Điền chúng tôi càng hiểu về thân-thế Sài-Điền hơn: hần là một tay đánh kiếm cừ khôi, đã từng đi dự các cuộc đấu kiếm tranh giải, hần lại là giáo-sư giầy về lịch-sử các đảng cách-mạng thế-giới ở trường Đại-học Oa-Sê-Đa (Nhật). Chính-phủ Tưởng-Giới-Thạch lại đã treo giải-thưởng cho ai lấy được thủ-cấp hần vì hần là một tên gián-điệp lợi hại của Nhật. Hần lại rất giỏi Hán-văn và nói tiếng Tàu quan-hỏa văn-hoa như các nhà trí-thức Tàu vậy (1). Cũng vì tài văn-chương và nói tiếng Tàu của hần nên trước kia Sài-Điền đã giả danh là người Tàu và đã len lỏi được vào giữ một địa-vị quan-trọng trong Bộ Ngoại-giao Tàu, và cũng nhờ ở địa-vị đó nên hần đã mật thông-báo cho Nhật biết được nhiều điều quan-trọng bí-mật của Tàu trước khi Nhật tấn-công ở Lu-Cầu-Kiều : khi chính-phủ Tưởng-giới-Thạch biết được sự thật thì hần đã cao chạy xa bay về Nhật rồi. Sài-Điền hơi thấp nhưng có một tấm thân rất to khỏe, hần cạo thì phải đeo kính và ước trạc độ 45 tuổi, Sài-Điền rời V.N. từ khi hần mới 11 tuổi do các nhà tiền-bối cách-mạng đưa đi. Nhưng vì ở Nhật quá lâu lại đã hấp-thụ nên

(1) Tôi không biết tiếng Quan-hỏa, nhưng những ai biết thứ tiếng đó đều khen Hi-Thạch.

văn-hóa Nhật, nên ngày nay hẳn đã trở thành một người Nhật thực-thụ rồi, tôi muốn nói « Nhật từ tâm-hồn đến thể-xác ».

Đó mới là điều tai-hại cho chúng tôi; hẳn tuy vẫn tự nhận là người Việt-Nam đấy nhưng xét lại thì điều đó có khác gì xưa kia hẳn nhận là người Tàu và làm việc cho Bộ Ngoại-Giao Tàu !

Sau khi nhận xét càng nhiều, càng kỹ, thì chúng tôi thấy tâm-hồn hẳn không có chút Việt-Nam nào cả; chúng tôi đành phải đắng cay kết-luận là chúng tôi đã lọt vào tay một tên gián-điệp đại-tài của Nhật, đấy thôi !

Sau khi đã biết vậy, chúng tôi càng đề ý dò la cùng nhờ những đồng-bào đã ở Quảng-Châu lâu năm dò la giúp thêm thì chúng tôi biết là hẳn cần nắm vững chúng tôi trong tay không phải cốt để hại chúng tôi mà chỉ cốt tỏ cho nhà đương-cuộc Nhật thấy là các đảng cách-mạng Việt-Nam liên-lạc với hẳn chặt-chẽ. Hẳn ở giữa lấy tiền của nhà đương-cuộc Nhật nói là để nuôi chúng tôi, rồi hẳn lại lấy cả tiền của chúng tôi đem theo và cả tiền mà anh em ở trong nước gửi ra cho chúng tôi nữa. Hẳn ở giữa sống một cuộc đời vui thú dễ-dãi.

Sài-Điền không muốn chúng tôi hoạt-động chính-trị gì hết cả tuy rằng thực ra thì ở Quảng-Châu cũng chỉ có mười mười lăm người Việt mà phần lớn đã luống tuổi, chỉ mãi lo làm ăn buôn bán. Từ khi biết rõ Sài-Điền và tin rằng hẳn có hành-động như vậy cũng chỉ là theo lệnh của Bộ Tư-Lệnh Nhật nên chúng tôi luận ra là người Nhật không thật lòng giúp cách-mạng Việt-Nam mà chỉ có ý lợi-dụng

chúng tôi, sẽ dùng chúng tôi trong một trường hợp nào đó-khi cần. Do đó chúng tôi không còn có ý muốn sang Nhật theo học quân-sự nữa.

Sau khi biết các điều vừa nói ở trên chúng tôi liền họp bạn với nhau để tìm một lối thoát : chúng tôi đi đến quyết-định là sẽ tìm hết cách để thoát ra khỏi chốn này dù phải trả bằng giá nào, dù có phải đổ máu, chúng tôi quyết phải đi nơi nào có nhiều con người cách-mạng Việt-Nam ở Hải-ngoại để liên-lạc với họ... Và nơi có nhiều người cách-mạng Việt-Nam nhất-định không phải ở đây mà ở khu do Tưởng-giới-Thạch kiểm-soát : đó là các miền Quảng-Tây, Vân-Nam.

Muốn rời đất Quảng-Châu này thì phải vượt qua độ 40 cây số do quân Nhật kiểm-soát, qua phòng-tuyến của họ — nhưng điều cần trước hết vẫn là phải làm sao thoát khỏi tay Sài-Điền đã.

Chúng tôi lấy cớ rằng đã hết tiền, buộc hẳn phải tìm biện-pháp đưa chúng tôi về nước thì hẳn hứa hẹn lần này đến lần khác rồi tuần này đến tuần khác, rồi tháng này đến tháng khác !... kết cục là cuối cùng cũng chẳng thấy có tàu để đưa chúng tôi về, Chúng tôi bực, làm dữ thì Sài-Điền chịu đơm chúng tôi đến bộ Tư-Lệnh Nhật. Hẳn vào trong độ một lát rồi trở ra bảo « trên mặt biển bị giới-nghiêm vì thủy-chiến đương diễn ra nghiêm-trọng giữa hải-quân Nhật Mỹ ! Không có tàu nào để về được ! Sài-Điền rất nhiều thủ-đoạn hẳn không chống lại làn sóng ý muốn của thanh-niên trong lúc làn

sóng dương dương mạnh mẽ bao giờ ; hần dùng thời-gian làm cho ý chí thanh-niên nhụt dần !... Hần hứa hẹn tháng sau sẽ có tàu đưa về, rồi lại tháng sau nữa?... «Đề lâu cứ trâu hóa bùn» đó là chiến-thuật của hần ; thêm vào đó hần có những lý-lẽ cứng rắn như : thủy-chiến trên mặt bè v. v... rồi hần lại vỗ về giả vờ đi vay tiền đem về đưa cho chúng tôi nói là hãy tiêu tạm trong khi chờ đợi tàu... nghĩa là Sài-Điền rất nhiều thủ-đoạn. Chúng tôi mà cương thì hần nhu, mà hề chúng tôi hơi yèn đi là hần lại cương ngay nạt-nộ chúng tôi về tinh-thần và đàn áp bằng bóp chẹt kinh-tế v. v... Cuối cùng số lớn anh em trong bọn chúng tôi đi đến quyết-định là phải giết hần đi dù có phải đổi mạng. Cần phải hành-động như vậy, một là để mở một đường thoát cho một số anh em đi nơi khác hoạt-động, hai là để các anh em còn ở trong nước khỏi bị lừa thêm mãi, có hại lớn về sau.

Trong một buổi họp, anh X., người cầm đầu bọn chúng tôi lên tiếng hỏi : « Ai tình nguyện giết ? » - Tôi còn đang trẻ măng, tôi cảm thấy tôi không thể giơ tay lên giết một mạng người, tôi không đủ can-đảm !... Có lẽ ra lệnh cho tôi thì tôi sẽ giết đấy, nhưng «tình-nguyện» thì không ! Tôi ngồi im lặng. Giây phút nghiêm-trọng như có điện trong không-gian. Tôi không rõ thời-gian nhanh chậm ra sao nữa nhưng tôi nhờ rồi có hai cánh tay giơ lên, tôi nhận ra Danh và Tiết.

Danh mới 21 tuổi đầu, và Tiết mới 18. Danh giơ tay thì tôi không lạ, nhưng còn Tiết?... Tiết là con một gia-đình buôn-bán khá lớn ở Hà-nội lại là người công-giáo sùng-mộ, ngày ngày vẫn đi nhà thờ cầu kinh và trên cổ lúc nào cũng đeo một tấm ảnh Đức-Mẹ ! Tôi cúi đầu

im lặng, tôi không thể hiểu được những động-lực sâu xa của lòng dạ con người, thực tôi chưa thể hiểu được.

Từ bữa đó trở đi có thể nói là chúng tôi đã sống những ngày cực kỳ nghiêm-trọng. Nghiêm-trọng vì thêm nỗi lo âu là biết đâu không có một người trong bọn chúng tôi đã bị Sài-Điền mua chuộc rồi ? Mà nhất là Sài-Điền có thừa thủ-đoạn, còn các anh em thì ở trong tình-trạng tâm-thần quá căng thẳng và thiếu thốn-vật chất ! Ai biết rằng khi đứng trước nhiều ngang trái lòng dạ con người không bị lung lạc ?

Nhưng quyết-định nói ở trên mới là quyết-định hạ thủ thôi, còn ngày nào thi-hành quyết-định đó thì chưa rõ !

Chúng tôi ngày này sang ngày khác, tuần này sang tuần khác vẫn tiếp tục vui đùa, đọc sách, đi chơi, nghĩa là vẫn sống cuộc sống bình thường mọi ngày ; và vẫn tiếp tục ăn cơm kham-khổ với Ả-Hầu, cũng ngong ngóng lo âu nhờ có một sự phản-bội thì đầu mình sẽ rơi trước, rơi giữa thời 20 tuổi miệng cười tươi mơn.

Có một buổi sáng kia, Danh gọi tôi dậy sớm hơn mọi ngày, bảo là đề cùng mấy anh em tới nhà Sài-Điền hối-thúc hần việc về V. N..

Sài-Điền ở một căn gác có hai phòng ngủ và một phòng tiếp khách. Bọn chúng tôi có 9 người nhưng chỉ có 4 người đi tới nhà Sài-Điền. Anh Danh gõ cửa phòng ngủ rồi mời Sài-Điền ra phòng khách là nơi chúng tôi đang ngồi, Sài-Điền mặc quần áo chỉnh-tề rồi đi ra chỗ chúng tôi một cách rất bình tĩnh tuy rằng thực ra hần thấy chúng tôi đến nhà hần vào lúc 7 giờ 30 sáng thì ắt hẳn cũng thừa biết là có chuyện quang trọng rồi.

Vừa thấy chúng tôi, hấn đã phủ đầu nói ngay :

— Các anh cần chuyện gì đó... tôi đã ra Bộ Tư-Lệnh đề điều-định về việc đưa các anh về nước rồi đó...

Nhưng Danh gạt đi, nói :

— Tuy chúng tôi còn trẻ tuổi,... nhưng chúng tôi cần phải nói cho ông biết là chúng tôi chưa thấy ai làm việc nước như ông bao giờ ! Từ nay trở đi chúng tôi không coi ông là một người cách-mạng Việt-Nam nữa...

Thấy có vẻ gay gắt, Sài-Điền liền giở chiến-thuật tri-hoãn-chiến của hấn ra, hấn giờ tay cất lời ngắt ngang :

— Các anh nên bình tĩnh,... các anh muốn về nước thì tôi cố chạy đề có tàu đưa các anh về... các anh đợi tôi một lát rồi tôi sẽ đưa tới Bộ Tư-Lệnh hỏi xem ngày nào có tàu...

Sài-Điền vừa nói tới đó thì tôi thấy Tiết nhảy vào giờ tay đập như tát khê vào mặt Sài-Điền một cái rồi lại lùi trở ra ngay. — Bị đập vào má, Sài-Điền vừa lùi vào phía tường vừa đưa tay lên má rồi giờ tay hót hải nói :

— Các anh đừng nóng, các anh đừng nóng, các anh hãy bình tĩnh để chúng ta nói chuyện.

Tôi hãy còn hoang mang chưa kịp hiểu vì sao Tiết lại nhảy vào tát khê thế ? mà tát để làm gì ?... thì kia, tôi chợt thoáng hiểu : Sau khi Sài-Điền đưa tay lên vuốt má rồi giờ tay lên can ngăn thì tôi thấy

bàn tay đó ướt đầm máu tươi ! tôi liền liếc mắt thấy một ngón tay của Tiết cũng bị thương máu chảy ra nhiều, thì ra lưỡi dao con chó mà anh dùng đâm vào má Sài-Điền khi nãy, trôi dao đã gập trở lại cắt sâu vào ngón tay anh trông thấu đến tận xương.

Ngay khi ấy Danh đã nhảy vô đập một cục sắt nhỏ vào đầu Sài-Điền làm cho y chập choạng ; Sài-Điền đã lùi bước vào tới sát tường, vẫn giờ bàn tay đổ máu nói :

— Các anh hãy bình tĩnh, các anh hãy bớt nóng để chúng ta nói chuyện...

Có một giày đồng-hồ trống rỗng mà không ai hành-động gì cả.

Tôi và Lễ thì còn bỡ ngỡ chưa hiểu rõ ý-định sẽ đi đến đâu ! Còn về phần Danh và Tiết thì tuy đã ..h. n được lệnh hạ-sát Sài-Điền rồi, nhưng vì còn ít tuổi, mà lại là lần đầu, nên còn ngỡ-ngàng quá.

Vết thương ở má, máu chảy giòng chắc làm cho Sài-Điền thấy buồn buồn vì tôi thấy hấn luôn luôn đưa tay lên vuốt má ! Chắc khi trông thấy máu ướt bàn tay mình thì hấn đã chợt hiểu nên tuy lùi tới sát tường rồi mà hấn vẫn đưa hai tay quờ quạng trên mặt tường phía sau như muốn tìm lối để cố lùi nữa... lùi nữa !... Bàn tay hấn đưa tới đâu là in vết máu đỏ lôm lôm tới đó. Hấn lộ vẻ sợ hãi ra mặt... Có lẽ hấn muốn tẩu-thoát nhưng các thanh-niên trước mặt hấn đã trở thành các thú-dữ.

ĐỔ-TÓN.

(Còn nữa)



GỬI NGƯỜI LUÂN LẠC

Gửi L..

*Hưu quáit thanh sơn hoàn thô
Thiên cồ đồng luân lạc chi bi
Bộc bản đa tình, cảm thông đồng điệu,..*

Chu-mạnh-Trình.

*Ngán nổi non xanh đất đỏ
Đề riêng ai luân-lạc đau lòng
Ta cũng nời tình thương, người đồng điệu.*

Đoàn-Quý dịch.

*« Ta-Đã-Van-Nàng-Tha-Thiết » đó
Chiều nào phiêu-lãng tới nơi đây
Tâm tình hẹn với ngàn phương lạnh
Gió bụi khôn tròn một ý say
Quán nước lữ-làng ai chót sống
Thành sầu luân-lạc bạn nào hay
Trang thơ đốt gửi hồn hoa thảo
Ôi, Cửu-long-giang ! Hận muốn đầy*

Một chiều xuân trên cô-thành
Savannakhet (Ta-Vang-Nàng-Tha-Thiết).

NGÀY XUÂN NHỚ CHUYỆN THU

Nơi đây non nước chờ xuân mới
Có những lòng xuân đợi dáng hoa
Thủa ấy thơ rung hồn đất lạnh
Ngày nao ý hẹn mộng trời xa.
Hương theo giấc bướm còn vương vấn
Lời gửi đường chim vẫn thiết tha
Muốn mượn men nồng say thế sự
Lẳng vào xuân-tửu chút tình ta

TAY ĐÃ RỜI TAY

Vì đâu gió nổi đê hoa bay
Chuyện cũ ta thường nhắm mắt say
Tà áo năm xưa còn thấp thoáng
Bài thơ buổi ấy vẫn chua cay
Miền Nam lặn-độn đôi mùa gió
Đất Bắc mơ màng một hướng mây
Cũng bởi non sông tình cách biệt
Bàn tay đành lỡ bỏ bàn tay.

DỨT TÌNH

Một chiều sách « sáng » chuyện ngày xưa
Vội gác U-sầu, rú Tóc-tơ
Đập chén dâu gò men bụi bấc
Chia tay lại hóa ý duyên thừa
Phấn son ai rắc tàn phong-vũ
Bút mực ta đem dẫn hải-hồ
« Dương-tử giang đầu » thêm chuyển nữa
Ó hay, trước mắt bóng lay mờ

LƯU BIỆT

Vừa mới yên-hoa đã hải-tần
 Chén sầu đượm mãi vị tương-thân
 Đành cho cát bụi là tan-tác
 Sao buộc bèo mây cứ nợ nần
 Hò hẹn muốn quên trời tám hướng
 Lâm ly đừng nhắc chuyện ba xuân
 Lên đường tai vãng lời lưu biệt
 « Chốn ấy Dương-quan ai cố-nhân ».

TẶNG MỘT « CHIA RẼ »

Bỏ cảnh liễu, tiễn người đi.
 Những sự đau thương sá kể gì
 Chẳng hẹn cố-nhân ngày tái ngộ
 Thà chôn cựu-niệm buổi phân ly
 Lòng xuân đã phụ hồn hoa thảo.
 Ý thắm rồi say điệu trúc ty
 Ta viết lời thơ tung trước gió
 Sương mờ sao đọng dưới hàng mi

ĐÀO-NGUYỄN MỘNG

Nơi nao đẹp mộng thắm chiêm bao
 Mầu sắc lung-linh nhịp đón chào
 Hương tỏa lòng hoa, hương Thượng-uyên
 Nhạc rung đầu gió, nhạc Quỳnh-dao
 Chim dao cành yếu lời hoan-hỉ
 Suối ngọt dòng trong tiếng rạt-rào
 Người hỡi! Hào-quang tinh tú quá
 Đôi đầu chụm lại ngả trăng sao.

ĐÀO-NGUYỄN MỘNG

(Bài họa của N. G.)

*Dương-thế phong-trần có quản bao
Mơ về động cũ, suối hoa chào
Gốc mai Thúy-linh duyên tri ngộ
Hạt ngọc Lam-diễn nghĩa cổ giao
Thơ rượu đầy vơi oanh nhẩn nhủ
Áo xiêm phất phới liễu ngẩn rào
Vào khuya... thạch cốt tàn mưa gió
Những mát đầu xanh tằm ánh sao*

GỬI BẠN

*Những áng thơ vàng nét chữa phat
Than ôi! hồng-phấn lụy trần-at
Con tim đã nát tình dâu bề
Thân thề khôn toàn nghĩa trúc mai
Dù chẳng duyên hương đôi ý vẹn
Dám đâu ước hẹn một lòng sai
Ngập ngừng trăm ngã đường tâm-~~ơ~~
Bao nỗi băng-khuàng đã ghen lời.*

B. K. Đ.



CÒN YÊU

Bạn trẻ,

*Đọc gần xong mẩu truyện cơ
lẽ bạn ngạc-nhiên không tìm thấy
một chuyện tình. Đây này, tôi có
quên bạn đâu...*

ĐOÀN người đi nối đuôi nhau, bây giờ đã dồn lại nơi đầu cầu sắt gầy. Những người yếu đuối, tới sau hết, vừa muốn căn-nhấn lớp người trước sao có đừng chơn nghỉ một nơi trần, nắng chang chang như vậy, thì vừa chợt thấy rõ cái cầu nên lại thôi, đứng nhìn không nói gì hết.

Có một người đàn ông mạnh bóng vía, lại sát bờ rạch, chồm đầu ra dòm xuống. Rạch sâu thăm-thẳm, dưới ấy chỉ có một giòng nước nhỏ chảy xiết. Anh ta lui lại, lượm một cục đá bỏ rơi xuống rạch. Mọi người lắng tai. Lâu, lâu lắm... họ không nghe tiếng gì hết.

— Sâu quá, nó trùng nước mình cũng không nghe được. Tư Sen, người ném đá, nói xong câu ấy rồi đi lại ngồi trên lề đường với những người khác.

— Cây sắt nhỏ quá, làm sao qua được, các người? Bà cả Hiệp hỏi bàng-quơ.

— Mình đi vòng.

— Đi vòng thì mấy tháng nữa mới qua tới bên kia rạch được. Rạch này nó sâu như vậy tới tận trên nguồn.

— Ồi, thôi các ông, các bà, mình trở về cho xong.

— Ai đòi trở về đó? Ba Lâu, một dân quê đứng tuổi, đứng dậy hỏi

câu đó với một giọng gằn. Tôi hỏi ai?

Mọi người khiếp sợ, im thin-thít.

Đề đánh trống láp, thiếu hương-hào Chọn giễu :

— Thi cứ đi qua chờ có khó gì. Cầu này, tôi nhắm mắt mà đi qua cũng... té xuống hố.

Cả bọn cười một cái rần, cả Ba Lâu cũng cười.

Thấy được việc, Tư Lê giễu thêm :

— « Cầu này hỏi trước, có một lần tôi đi qua, đứng trên đó mà dài xuống. Tôi dài xong vài phút, thì nước dài mới xuống tôi mặt rạch.

Lần này không ai cười hết.

— Khờ quá, lấy nón xuống quạt cho đỡ nóng thì lại bị nắng.

Mồ hôi họ toát ra đầm-dề, trộn lớp bụi đất đỏ trên da họ thành một chất dẻo-dẻo, nhầy nhầy. Quần áo đen của họ đã biến ra màu dà, và mỗi cử-động của họ tung lên một vầng bụi hồng mùa-miền trong nắng lòa.

Họ híp mắt nhìn lại quãng đường vừa qua. Con đường đất đỏ uốn khúc giữa hai dãy ruộng gò lôm-chôm rạ khô. Không có lấy một chòm cây nhỏ để mắt họ được nghỉ-ngơi trên màu xanh của lá.

Lớp không-khí bị nắng trưa đốt cháy, rung-rinh trong không, xem như là nước dao-động trong một bồn cá khổng-lồ bằng thủy-tinh.

Nhưng bên kia rạch, có cây trồng dựa đường, có cả một giàn bầu che rợp một mái tranh.

Bấy giờ, một người con trai — cũng mặc đồ bà ba vải đen như

mấy người đờn ông khác, nhưng quần áo anh không lùn-cùn cũng không xúng-xính, màu đen của vải mượt chớ không bạc màu — đứng dậy bước lại cái thúng của vợ anh Tám Hên, moi trong đó ra một sợi dây mũi bò dài lối năm sải. Anh cột một đầu giây nơi eo-ếch của anh, rồi kêu :

— Anh Tư, anh cột đầu kia vào eo-ếch anh đi, rồi đưa lần lần đờn bà con nít qua. Tôi một đầu, anh một đầu, ở giữa một người đờn bà với một đứa con nít. Cứ ôm cây sắt mà bò. Minh thì vững rồi. Còn đờn bà con nít có ngộp, trượt té thì có dây níu lại.

Tư Tràm làm y theo liền. Nhưng người đờn bà và đứa trẻ đầu tiên được chọn để cột mình vào đoạn giữa sợi dây lại không chịu nhúc-nhích. Và tất cả đờn bà con nít đều dòm lại cái cầu.

Chỉ còn một cây đà sắt dọc nối liền hai bờ rạch. Cả cái cầu sắt đều đứt ngon, dính lại trên đà kia, treo lơ-lửng trên vực sâu thẳm, xem mảnh-mai, nhẹ-nhàng như là một cái vĩ tre lớn. Bò trên cây sắt ấy mà qua cầu thì quả là làm trò xiếc.

Một lần nữa, Ba Lâu ra oai :

— Thiếm Năm Căn, thím có chịu cột con thiếm không thì nói đi.

Không đợi thiếm Năm nói đi, nói lại, Ba Lâu xách thẳng nhỏ bảy tuổi cột bừa. Nó khiếp sợ quá, khóc ré lên. Rồi những đứa bé khác phụ-họa theo, khóc inh trời như đám ma ngoài cánh đồng, sắp hạ huyết.

Nhưng Ba Lâu lay-hoay mãi mà không làm sao cột được.

— À, đầu đuôi chỉ có hai đầu dây, hai cậu cột vào mình rồi, tôi làm sao cột thiếm này và thằng nhỏ vô ?

— Đâu anh rán tìm cách thử coi, Thùn, người con trai bày ra vụ cột dây nói như vậy. Dây này ngắn quá không thể cột chung.

Trong đám đờn bà, bước ra một cô gái mặc áo bà-ba vải rằn.

Cô Lam, con gái bà Cả Hiệp trông thật khác những cô gái quê kia nhiều. Cô cũng đen-đúa nhưng không thô. Gương mặt sáng rỡ, dáng-điệu thông-thả, dịu mà vẫn mạnh.

Cô cầm sẵn nơi tay hai sợi dây mũi bò khác, đi lại vuốt-ve đứa bé, rồi một đầu dây cột vào eo-ếch nó, đầu khác cột vào sợi dây cái. Thiểm Năm Căn cũng được cột như vậy.

— Thấy hôn anh Ba, phụ-nữ đời này có giỏi hôn? Thân hỏi ba Lâu.

— Ha hả hả! Ai mà biết. À, vậy chớ cái cách này anh bắt chước ở đâu?

— Tôi thấy trong hát bóng.

— Tích hát gì.

— Anh không biết đâu. Trong hát bóng họ đi chơi nút như thế này.

— Cũng xài dây mũi bò?

— À cái đó thì không?

— Bỏ thùng đi, Ba Lâu day lại hết. Nồi niêu gì cũng quăng hết. Dem quần áo thôi.

— Đọc đường, cứ mỗi chặng, tôi phải bỏ một mớ. Giờ còn có bấy nhiêu dây thôi, anh biếu bỏ nữa, rồi tôi lấy gì mà dùng.

— Nữa rồi sẽ tính. Bỏ, bỏ hết.

Trong đám đờn bà còn ngồi chờ phiên mình, có nhiều người lo lạng lưng những cái hộp gì không biết và xé vải làm dây, cột nồi đồng vào lưng, sợ e Ba Lâu thấy ôm xách kè-kè biếu bỏ nữa.

Bọn qua cầu, đi bốn chơn như khỉ, và chậm như rùa bò. Thăng Mẹo khóc thúc-thít, mặt ngược lên trời để khỏi ngó thấy hổ mà chóng mặt. Tuy vậy nó cũng giỏi lắm, không trượt lần nào, trong khi mẹ nó run cầm-cắp và chực rơi lúc nào không biết chừng.

Các bóng cây bên kia lần lần đông khách. Những người qua tới trước, ngồi nghỉ mát, nín thở theo dõi bước bò của lũ người sau.

Lâu lắm, có hằng nửa ngày, gần xế chiều họ mới qua hết bên rạch. Bấy giờ mọi người vui lên, mừng thấy không ai có việc gì hết.

Đoàn người nhà quê mở cơm mo ra ăn.

Bấy giờ họ không họp-quần nữa. Hình-thức gia-đình hiện trở lại từng khóm năm, khóm ba, trong những bóng mát mà nắng tà đã kéo dài ra.

Xắn ngon một cục cơm đồ để đặt ép trong mo, đưa lên miệng, chỉ Tư Sâu vừa trợn-trạo nuốt, vừa hỏi chổng:

— Còn bao xa nữa mình đến Xóm Đèn?

— Chắc cũng tới đó đèn. Chớ mày không thấy họ kêu là Xóm Đèn đó sao. Hể đi tới đó là đó đèn?

— Chưa chắc a. Rủi mình ở xa, hay ở gần hơn mà đi tới thì sao. Tui chắc tại xóm đó, người ta thức khuya làm bột, nhà nào cũng chong đèn, nên mới kêu Xóm Đèn chớ.

Thăng Giáp hít rút vô hai giòng nước mũi đặc thò ra trên môi trên của nó:

— Rồi chừng nào mình trở về xóm mình má?

— Hỏi cha mày.

— Không về nữa, mình cất nhà luôn ở trên Xóm Đèn.

— Rồi bỏ vườn bưởi sao, cậu? Ưông quá, mía má trồng lên cao rồi.

Cha thằng Giáp như nhớ sự điều gì, nhìn về phía dưới làng. Mắt anh soi môi trong khoảng không, miệng ngậm mãi miếng cơm không nuốt.

— Gì như là khói!

— Ở đâu?

— Trên ngọn cây.

— Đâu?

— Đó, ngón xit qua bên trái cái ngọn cây cao hơn hết đó,

Chị Tư Sâu và hai đứa con nhìn theo ngón tay trở của người đờn ông, nín hơi mà dòm.

Khói thật, mà rất nhiều. Khói từ từ từng đống lớn bay lên khỏi các ngọn cây, như côn trùng đùn đất lên.

— Làng cháy, bà con ơi! Chị Tư Sâu kêu lên.

Mọi người đều dòm về phía dưới. Họ im lặng nhìn...

Đó là cả một đời cần-cù, dành-dụm đang biến ra tro. Cả hai bà thế-hệ gây dựng đang sụp-đổ. Cả một quá-khứ nặng trĩu truyền-thống đang tiêu-tan để biến thành những cái gì mới lạ họ chưa biết mà vẫn mong mỏi.

Họ im lặng nhìn...

Nhưng những bộ ngực phồng lên, phồng lên, rồi xẹp xuống. Trong lồng ngực họ, tim đập mau... Thương tiếc chẳng? Hay khắp khởi mừng phút cuối cùng của một đời đen tối?

°°°

Nằm ngửa trên cỏ, sau cái chòi

tranh độc nhứt nơi ấy, hai bàn tay chắp lại dưới đầu làm gối, cô Lam nhìn tàu chuối lay động dưới gió chiều bắt đầu nổi lên.

— Chắc anh còn đi nữa?

— Thì lẽ tự nhiên. Chị tưởng tôi tản-cư lên Xóm Đèn như bà con đây sao.

— Em đâu có tưởng gì, hỏi vậy thôi chớ. Mà anh đi đâu?

— Lên nhà in, ở mãi trên kia.

— Ngộ quá, em tưởng-tượng như mãi trên kia là một châu-thành lớn có cả nhà in.

— Biết đâu, tu về đông-đảo, lâu ngày quá, chúng tôi lại không cất châu-thành nơi ấy.

— Cất được sao?

— Chớ chị tưởng châu-thành khi không mà mọc lên à.

Lượm những cục đất đập vào nhau cho nó bẽ, Thân hình như muốn nói gì. Anh ngồi chèm bẹp dưới đất, bên cạnh cô con gái bà cả Hiệp, thỉnh thoảng liếc sang người nằm, ngáp-ngưng rồi lại thôi.

— Anh đi lên trên ấy mạnh giỏi nhé.

— Cám ơn chị. Hay là chị vào ban Văn-hóa với tôi.

Lam mỉm cười:

— Em hiểu ý anh rồi. Mà chưa nên.

— Tôi vẫn biết là chưa nên. Nhưng xa chị tôi nghe buồn quá. Nhứt là tôi chưa chắc gì hết về chị. Biết đâu tôi không đi xa năm ba năm gì đó. Rồi chị có còn nhớ tới tôi nữa hay không.

Thân thấy Lam cắn mạnh môi dưới. Nàng nhìn trời, nháy mắt lia-lịa. Thân nhìn xuống cái cầm tròn

vo của Lam, cái cô no, bộ ngực khoẻ-khoắn pháp-phồng đều đều, một thân ong chắc nịch.

— Thôi, hay là ít lắm chị cũng hứa với tôi điều gì chứ.

— Có nên hứa hay không cái đã. Trong khi người ta kháng-chiến rầm-rầm, mà mình hứa hẹn tình yêu thì...

— Cuộc khởi-nghĩa bắt gặp tôi đang thương chị từ lâu, chứ nào phải tôi đợi cuộc khởi-nghĩa tới rồi mới đa mang sự vương-bạn này. Tôi, chúng ta, có tội gì đâu, miễn ta đừng để tình yêu lên trên hết.

*Nắng bấy lâu giấy bầu không héo,
Mưa sụt gió sùi bầu lại héo giấy.*

Tiếng ai hát ngoài trước, dưới giàn bầu.

— Trời nắng, cảnh cháy như vậy mà họ còn thơ mộng được.

— Chị lắm, chứ còn thơ, thì luôn luôn, ở đâu cũng có được.

— Nói chuyện thơ thì phải có mùa thu, có liễu rủ, hay ít lắm cũng gió mát trăng thanh...

— Chị ngộ-nhận lớn lắm. Mà không riêng gì chuyện thơ đâu. Phần đông người ta quan-niệm sự tranh-đấu, quan-niệm nền văn-hóa mới một cách khô-khan thiển-cận.

Theo họ, hễ tranh-đấu thì không còn được hưởng cái gì đẹp nữa. Thơ, nghệ-thuật, ái-tình cũng bị coi là những mối hại lớn. Vì ngộ-nhận nền phần đông nghệ-sĩ rất sợ nền văn-hóa mới. Tôi tin rằng con người tranh-đấu để vươn tới những cái hay, cái đẹp, cái thú ở đời.

Mà khi vươn lên chưa được, ta cũng vẫn có cái đẹp trong tay rồi, cũng hết. Như cái đoàn người phủ bụi hồng đi trong nắng cháy bữa nay, đi bằng mấy mươi cây số ngàn,

bỏ cả miếng vườn, thửa ruộng sau nhà, bỏ cả túp lều tranh thân ái mấy đời, bỏ ngôi mộ tổ, để từ chối không nhận một sự việc mà họ không thích. Đó là cả một bài thơ. Tôi say bài thơ đoàn người Việt bỏ quê hương bị nước Sở thôn-tính, để lang thang đi về miền Nam lập quốc. Tôi say bài thơ hành-động quay cuồng. Tôi say bài thơ khối xi-măng của những nhà máy lớn vĩ-đại trước con người bé tí-tí. Tôi say bài thơ nguyên-tử-lực đào tung lên cả một vùng hoang-vu để biến nó thành đất phì-nhiều, nuôi sống loài người đang đói. Tôi say bài thơ phá hoại cả một cuộc đời cũ, một tấm lòng già, để thay vào đó một sức sống cứ vươn mình lên. Tôi say bài thơ khoa-học làm phép lạ, thay thế cho những bài thơ tiền.

— Khoa-học làm phép lạ?

— Chờ sao. Tôi kể cho chị nghe một chuyện cô-tích khoa-học, tên là *Có một khi kia* mà tôi được xem trong một phim:

« Một cô gái xấu-xi bị đời khinh-miệt, trở nên ác và bất-lương, rồi theo một bọn trộm. Một hôm vào trộm tranh ở nhà một bác-sĩ chuyên sửa mặt người. Bác-sĩ về bắt gặp, cả bọn bỏ rơi chị ta lại vì chị ta bị thương. Bác-sĩ không giao chị ta cho pháp-luật mà lại đem chị ta vào phòng mổ để chỉnh sửa mặt. Chị ta trở nên đẹp, rồi lòng dạ cũng thay đổi, trở nên lương-thiện, biết thương yêu và được yêu-đương, kính-nể. Đó có phải là phép lạ của khoa-học chăng?

— Mà đó là tích tuồng.

— Nhưng có thật. Sửa mặt người xấu ra đẹp là chuyện rất thường bây giờ. Đó là những bài thơ mới, những điệu nhạc mới.

« Chị tưởng chỉ có cái gì cũ mới nên thơ sao ? Thơ mùa thu cũ buồn chết người, thì thơ mùa xuân mới lại làm ta ham sống ra. Chị không nên ngộ-nhận như phần đông. Chị hứa-hẹn thế là đã phó-thác cho tôi một bài thơ phần khởi, kích-thích. Tôi sẽ có sự nung đỡ của tinh-thần để làm việc nhiều thêm. Trái lại như người ta tưởng, tinh yêu không chỉ làm ứ-rũ lòng người. Không có nền văn-hóa nào cấm đoán yêu-đương, cho dẫu trong một thời tranh-đấu nóng hổi nhưt.

Cô Lam làm thỉnh mà nghe, lòng xôn-xao lên những ý, tinh lộn-xộn.

— Trời mưa !

Nước rơi ào-ào trên lá chuối. Sương nước bay tới nhẹ nhẹ hạ xuống trên người cô Lam.

Những giọt nước nhỏ xiêu phẩn chiếu nắng chiều, óng-ánh trên ngực Lam như áo nàng nạm muôn ngàn viên ngọc quý nhỏ.

— Không phải mưa, mưa gì mà còn nắng chang chang. Chủ nhà tưới trà mà.

Thật vậy. Lam day đầu lại thì thấy chị chủ nhà đang giải nước lên mấy nọc trà bằng gàu giải.

*Mưa lâm-râm trên núi mưa về,
Ướt cây, ướt lá không dè ướt em.*

— Không biết ai đặt ra câu hò, câu hát mà hay dữ vậy anh hờ ?

— Tự nhiên nó có chờ ai mà đặt. Những câu hát ấy giống như những con đường mòn trong làng.

Thuở nào không ai nhớ, một người nào đó dẫm chân lên cỏ của đám đất hoang để đi về đâu không biết. Vài ngày sau, người khác thấy cỏ rạp lại nơi theo, rồi người sau, người sau nữa, cho đến bây giờ thì ta có một con đường sạch-sẽ, láng quỳn.

« Ai đã bập-bẹ thốt ra những câu hát vụng-về mà không thiếu mùi thơ. Một anh si-tình vô-danh nào đó, hay một góa-phụ ngần-ngợ giữa đêm dài, nào ai biết đâu. Rồi có kẻ lặp lại những câu thơ đó, thêm, bớt, cho đến bây giờ mình hát thì nó đã hay từ lâu rồi ».

Nhưgió chiều đang lên, lòng Lam nhẹ thênh thang. Cô day lại... Những cái nhìn bắt chọt nhau, bên-lên rồi dạn lần ra, tìm kiếm nhau để quỳn lấy nhau... Đòi môi cô gái bập-bẹ những lời khó hiểu, và tai cô mở rộng hứng lấy những điều chưa bao giờ nghe...

— Em hứa đi.

— Ừ, mà em chỉ hứa thôi ná.

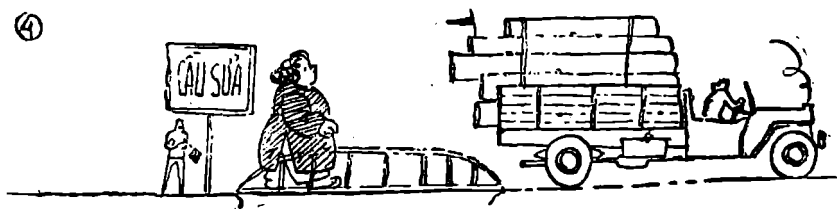
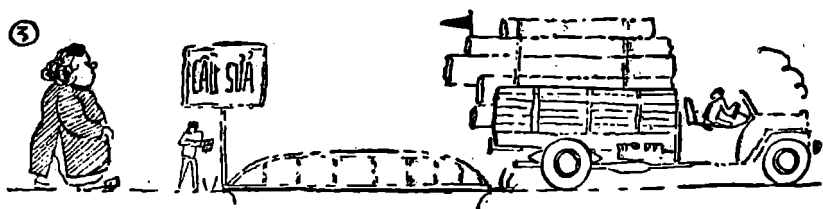
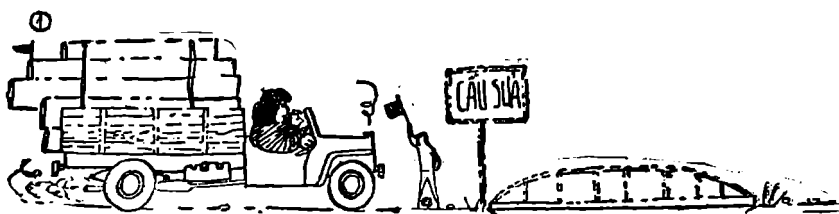
— Trời ơi, anh... em... anh được một bài thơ tình suông, một... một say sưa mới, trong và sạch, đem theo trên đường...

Tự-nhiên tay hai bạn trẻ tìm kiếm nhau...

Tay chạm nóng, ấm lấm, hương thơm vương đầu đây, say ngây, em như ru, lòng bần-thần, bàng-hoàng, rồi lần lần chiều vàng hoà nhiều màu...

BÌNH-NGUYỄN-LỘC.

TRANH KHÔNG LỜI...



ĐÔNG SƯƠNG KỶ

Bốn người đàn bà ngồi ti tay bên cửa sổ nhìn nhau, tuy chẳng có gì đáng nhìn cả. Họ không phải ghét nhau nhìn một cách hằn học, cũng không cảm tình nhiều nhìn nhau triu mến, âu yếm như muốn ghi lấy hình ảnh thân yêu. Họ nhìn nhau lơ đãng đứng đưng. Bốn người đàn bà, nhà đều không có đàn ông, họ thuê bốn căn gác đối diện này và sống lẳng lẽ như những cái bóng ma. Ngõ hẻm đưa vào đây không có lối ra. Giữa sân là chỗ để xe rộng rãi. Mỗi cô có một số bạn rất ít, họ cũng ít khi đi chơi đâu, và chỉ nhìn cảnh cửa sổ đóng hay mở cũng khó biết họ có nhà hay đi vắng. Vân ở căn gác số 1, Trân căn số 3, Lại căn số 2 và Lý số 4.

Chiều 30 Tết, ai cũng lo sửa soạn ăn Tết, tô điểm cho gia-đình hay sân sóc con cái và sửa soạn đón ông bà. Các cô ngồi ti tay bên cửa mơ mộng những thứ mọi người có, các cô không có. Họ không bước sang nhà nhau vì sợ nhìn gần nhau quá. Còn gì khó chịu hơn phải nhìn thấy rõ từng nét răn sắp thành hình của người bạn gái cùng trang lứa. Nhìn họ cũng như soi thấy mình trong gương, trên mặt mình cũng đang có những nét mơ hồ sắp thành hình như thế. Chuyện với

nhau thì nhạt lảm. Trời không nắng cũng không mưa, không nóng cũng không lạnh. Thế giới họ, không thiết tha. Nói một lúc động đến chuyện lòng thì phiền, vì ai cũng muốn đấu cả. Ai cũng muốn đấu cái vẻ mùa thu của cuộc đời mình. Họ nhìn nhau xa xa, thấy đáng mặt và màu sắc vẫn còn phong độ, các cô yên tâm hơn một chút. Nhưng cuộc sống như thế cuối năm tính sổ vẫn không hề đem lại một cái gì. Đâu đâu cũng vẫn thấy trống rỗng và vô nghĩa. Mọi vật đều như thiếu linh hồn.

Nhà cô nào cũng có bánh mứt và hoa quả nhưng những thức ấy cũng không thể tạo ra cho họ một cái vẻ Tết. Hay có chăng, chỉ giả tạo bên ngoài. Cái mùi vị Tết ở bên ngoài mà không thấm nhuần đến bề trong làm cho họ bàng khuâng. Họ gặp mặt nhau, khẽ nhếch một nụ cười xã giao rất gương rồi lại nhìn lên trời. Cái sân xe đúc bằng xi-măng không có một gốc cây nào để vươn cành lá lên không trung, bên dưới cũng không hề có bóng mát. Trời thì chỉ là một mảnh con con lọt vào giữa cái sân xe và mây không hề lảng vảng đến gần cái khung trời này. Họ đành lại phải nhìn ngay mặt nhau. Vân thấy cô

Là nhà đối diện số 2 hôm any hình như già thêm một chút. Nàng nghĩ thầm :

— Quái lạ, biên giới của năm này sang năm kia đúng là chiều 30 sao chứ ! Chả nhẽ người ta chuẩn bị để sau giao thừa là già một cái rụp. Khô đến thế thì thôi !

Nàng chú ý nhìn Lại thấy già có đúng buộc cái đuôi ngựa theo lối tóc thơ ngây kia trông còn thuận mắt hơn. Thân hình Lại thon nhỏ nhưng nhiều xương ít thịt. Cô làm ra vẻ ngây thơ nhí nhảnh như cô bé mười hai tuổi, lối ăn mặc của cô giống bọn trẻ con mười tuổi bên Âu Mỹ, và trong ánh mắt cô, người ta đọc thấy cái mơ mộng háng khuâng của cô gái hai mươi. Nếu muốn biết tuổi thật của cô có lẽ phải cộng tất cả những thứ ấy lại thì vừa đúng.

Lại sống một mình với con chó bông lông ngắn Nhật-bản. Đi chơi đâu nàng cũng bế đi theo. Vân không biết Lại làm gì vì không thấy cô bận rộn háy quan tâm đến việc gì hết. Mỗi ngày cô gói tiền nhờ chị Tư bếp của cô Trần mua giùm thức ăn. Cô tự nấu lấy xong cùng ăn với con chó. Thấy một cổ tở một cổ. Hai cái bóng đen in lên tường mỗi tối như một bức tranh linh động và bất di bất dịch. Có lúc Vân tò mò muốn biết nàng làm gì để sống nhưng không dám hỏi. Nàng sợ làm phiền lòng cô bạn gái ở bên mái tây. Nhưng một hôm Vân bỗng tìm thấy sự thực. Hôm ấy nàng đang ngồi bên cửa sổ ngắm « cảnh » và đang thấy buồn vì không có gì để ngắm cả. Hai cửa sổ nhà mái tây vẫn đóng im ỉm. Có lý đi vắng từ trưa chưa về. Lại, chắc cũng không có nhà. Vân lơ dềnh nhìn vào khoảng không. Ai trông thấy vẻ mặt đăm chiêu lúc đó

chắc tưởng Vân nghĩ chuyện gì ghê gớm lắm, kỳ thực đầu óc nàng trống rỗng, chả có một ý nghĩ gì cả.

Vân đang nhìn bỗng thấy một người đàn ông từ trên cầu thang chung của Lại và Lý bước xuống. Ông ta người có vẻ bề vệ lắm, mồm ngậm một điếu xì gà to tướng, mặt mày có vẻ phê phỡn. Ông lên chiếc xe màu nâu và lái ra khỏi sân. Chiếc xe nâu ấy mấy hôm lại ghé đây một lần, thì ra cô bạn mái Tây là một môn « quốc cấm » của chủ nhân chiếc xe nâu.

Cửa sổ nhà cô Lại hé mở, cô nhìn xuống đường định mở rộng, nhưng chợt thấy Vân ngồi ở cửa đang nhìn sang, cô vội vàng khép lại.

Vân tự bảo thầm :

— À, người ta lắm lúc chỉ nên « thông cảm » mà thôi ! Hiền nhau vừa vừa là đủ rồi, một vài bí mật phải tôn trọng.

Chiều hôm nay 30 Tết, chiếc xe nâu ấy cũng đã đến một lúc. Bức rèm trúc buông xuống cửa sổ rung rinh theo làn gió nhẹ. Nhưng nó được vén lên rất chóng vì chủ nhân chiếc xe nâu đã phải vội vàng ra đi, trên môi vẫn dính chặt điếu xì-gà như thường lệ.

Vân đoán chắc hẳn phải về vội vì sợ vợ rầy. Hẳn phải tiếp khách, lo trang hoàng nhà cửa, hay đi phố với vợ. Hẳn có thể quên không nhớ đến cô Lại trên cửa sổ nhìn hẳn ra đi, mà hẳn cũng có thể làm tất cả những công việc nhà mà tâm hồn để cả nơi đây. Tội nghiệp cô Lại, tối nay cũng lại như mọi tối chỉ có con chó Nhật cúng giao thừa, ăn Tết với cô thôi.

Bên cạnh gác cô là buồng của cô Lý. Cô đóng cửa ban ngày để ngủ và đi chơi, đóng cửa ban đêm để

đi làm. Vì thế nếu có người nào đến tìm cô cũng chỉ tần ngần trước cửa một lúc, mân mê cái khóa cửa, nhìn quanh nhìn quẩn rồi ra về. Cô Lý là ca-sỹ, lúc đầu cô hát với tất cả tâm hồn. Lòng cô rung cảm với ý tình của bài hát, nhưng lần lần cô thấy không thể lên được bèn theo thời đại, đổi lối hát thích hợp. Từ đó cô nổi tiếng hơn, hát được nhiều tiền hơn, tuy cô chỉ hát nghề ngao chẳng biết là mình đang hát gì; lắm lúc bài cũng chẳng cần thuộc, cứ cầm đại bản hát lên máy vi âm. Thịnh giả không cần cô phải diễn xuất, phải trình bày với tất cả tâm hồn để nói lên tình ý trong bài hát thì cần gì phải thuộc cơ chứ! Cô thấy tiền nhiều hơn, làm việc đỡ vất vả hơn, nhưng tâm hồn cũng trống rỗng hơn bao giờ hết!

Liền bên cạnh Vân là gác cô Trân số 3. Cô này trẻ tuổi và xinh đẹp nhất. Nhà cô ngoài con chó bông Nhật ra còn có một chị bếp. Trước kia cô là một vũ-nữ danh tiếng, bạn bè rất đông nhưng từ ngày một ông chủ hãng tàu đem cô về đây « kim ốc tàng kiều », cô sống rất ngoan ngoãn. Có lẽ một cô gái nhà lành cũng không ngoan bằng. Mỗi sáng cô dậy tập hát và học thêm tiếng Anh một mình. Trưa cơm nước xong cô ngủ cho đến chiều; thức dậy tắm trang điểm xong thì chiếc xe màu da trời đến. Chủ nhân cao lớn to béo từ trên xe bước xuống đóng cửa xe đánh sầm một tiếng, tay nắm xâu chìa khóa lắc kêu reng reng bước lên cầu thang. Hai phút sau chị bếp cầm cái bát ra cửa, con chó Nhật lẻo đẻo theo sau. Chị Tư mua phở đem về nhà để lên bàn ăn, xong chị lại dẫn con chó ra đi, người ngẩn mặt nhìn trời; chó, cúi đầu xuống đất tìm một mùi hơi gì quen thuộc.

Một giờ sau Trân ra đứng cửa sổ lấy mắt tiễn chiếc xe da trời ra khỏi sân.

Vân đoán anh chàng này dấu cô bé ở đây, mỗi ngày ở sở về sớm nửa giờ, về nhà « báo danh » muộn nửa giờ. Hai phương diện công tư đều không có gì trở ngại lắm, thế là ông ta lợi được một giờ đến đây thăm Trân, ăn một bát phở, hàn huyên mấy câu, mắt lăm lét nhìn đồng hồ, lỡ hôm nào câu chuyện dài dòng một tí, trễ giờ là ông hốt hoảng chạy ra xe, nhấn hết ga, phi một hơi về nhà « trịnh diện ».

Chị Tư đi dạo xong đất chó về thì trời cũng vừa tối. Cơm nước xong, nếu buồn Trân đem cả chị Tư đi xem xi-nê, nhốt con chó trong phòng khóa cửa lại mặc nó cào cửa kêu ầm ỹ.

Trong đêm 30 Tết hình như người ta không chú ý đến nhau mấy. Bốn cô gái nhìn nhau mà vẫn như không trông thấy gì cả. Chắc là họ đang suy nghĩ nhiều lắm hay là đầu óc phải trống rỗng vô cùng.

Có tiếng người cười nói đơai sần, bốn cô cùng nhìn xuống, mong đây là bạn mình, nhưng họ đi làm nhà nên nhìn ngóng một lúc trở ra ngay.

Cô Lý đã ăn mặc chỉnh tề đóng cửa đi làm. Còn lại Vân, Lại và Trân, lúc này càng cúi xuống sần như muốn tìm một vết chân, hay đợi một kỷ tích hiện ra.

Trời đã hơi tối, ai cũng quay vào nhà lên đèn. Vân vịn bóng đèn nhỏ màu xanh nhạt, nâng mở tập thư nhận trong tuần lễ ra đọc, toàn là của những ai đầu đầu, độc giả yêu văn lắm lúc có cái ý muốn kỳ lạ. Có người hỏi thăm đời tư của nàng. Ai lại thế kia chứ, đời tư của người ta sao lại moi móc ra làm gì?

Cái đời sống «ngoại cảnh» của nàng thì dễ biết lắm ai cũng trông thấy sờ sờ ra đấy. Nàng ở căn gác này, sống bằng một nghề thủ công, thỉnh thoảng viết lách lãng nhãng, những câu truyện vô thưởng vô phạt. Ban đầu Vân đăng báo nhưng sau thấy đăng dễ, lấy tiền khó nên viết xong Vân cắt vào ngăn kéo, bỏ thêm mấy con dán vào cho có «sinh khí» và có bạn rồi quên hẳn. Nguyên do chỉ vì có một tờ báo đăng của nàng một mách 13 bài, xong đến khi lấy tiền ông chủ nhiệm trốn mất. Và có khi nào gặp nàng, ông làm cái bộ mặt lạnh như băng. Hình như ông cho tiền là một thứ bẩn thỉu nhất trên đời, không đáng cho ông nhớ đến và nhắc đến.

Muốn tránh cái cảm tưởng nhục nhã lúc nhận tiền hay hối tiền, Vân không đăng báo nữa. Vân tức giận vì thấy quá thực mình có quyền đòi, và cũng đã có sự thỏa thuận trước, thế mà lúc lấy tiền người ta coi mình như ăn mày đi xin, cùng lắm họ trả với một bộ mặt miễn cưỡng không vui tí nào, coi như mình là một kẻ phá hoại «an ninh và trật tự» vậy. Từ đấy những kẻ sòng phẳng đối với văn-hữu đón hỏi bài và hứa bút phí sẽ bỏ phong bì cho người đem lại tận nhà trả, Vân cũng chỉ cười lắc đầu :

— Tôi độ rày đầu não rộng lắm. Chẳng viết lách gì cả!

Người ta tỏ vẻ thương hại nàng. Tội nghiệp thực đấy chứ! Đầu não đã trống rỗng thì còn làm ăn viết lách gì được nữa.

Đây là «ngoại cảnh», còn phần «nội tâm» ra sao, chính Vân cũng hoang mang. Đầu óc nàng tuy có trống rỗng thực, nhưng tim nàng lại chan chứa cảm tình. Cái hình ảnh ấy đến với nàng lần đầu, tràn ngập trong tim nàng, rồi xây dựng «thủ đô» ngay tại đấy không chịu

đời đi đâu nữa. Phong độ, học vấn tư tưởng, dáng người, cách ăn nói, cái của chàng Vân đều vừa ý tất cả. Trái lại, chàng cũng thế. Chàng thấy Vân đúng là người chàng ao ước. Chàng thấy mình trẻ lại, và ngạc nhiên vì mình yêu say sưa mơ mộng như lúc ban đầu, với mỗi tinh dầu. Rồi họ đã hạ nhau từ kiếp trước. Chỉ khổ một nỗi là Nguyệt Lão ngồi làm việc dưới trăng mà không có cà-phê, mệt mỏi quá nên đã xe nhàu tơ! Tình chàng dù có thắm thiết đến thế nào, lòng nàng dù có say đắm đến thế nào, «minh châu» của người yêu cũng đến «Hè tại Hồng la nhu» là cùng! Họ dừng lại ở một «vĩ tuyến» và lặng lẽ nhìn nhau. Chàng nghĩ :

— Mình không nên «vượt tuyến» xâm lấn vào cuộc đời của nàng. Mình cho đem cho nàng cái gì được đâu! Đời mình đã thuộc về vợ con hết tất cả rồi, chỉ còn trái tim, nhưng chỉ có trái tim như thế có đủ không? Sẽ đi đến đâu mà đề làm gì? Mình sẽ mỗi ngày đến ăn một «bát phở 5 giờ» như ông láng giềng của nàng rồi về chăng? Nếu quả thực như thế thì đáng buồn cho đời nàng lắm. Tình yêu của nàng phải được sưởi ấm dưới ánh mặt trời, không thể nào âm thầm giấu giếm như thế được. Nàng đáng được sung sướng đi bên cạnh người đàn ông của mình! Không, không thể được! Chàng không đem lại cho nàng được cái gì cả. Sự giấu diếm sợ hãi làm cho bàn tiệc con người! Cả hai cùng không muốn.

Còn Vân, nàng cũng nghĩ thầm :

— Người ta có hôn phạm rồi, rắc rối vô ích. Dù yêu nhau đến thế nào đi nữa cũng chỉ là đề lụy cho nhau thôi. Gây ra gánh nặng mà không ai gánh nổi cả thì tốt hơn nên tránh. Và lại xâm phạm đến «sở hữu» của người khác là một

việc làm không đẹp. Trong hai người ai sẽ thành ra « người quân tử » cũng đều không nên!

Ờ, nhưng nàng định sống suốt đời thế này sao? Viết bài vút vào ngân kéo, sống lơ mơ trên đường đời như người say rượu tìm lối về. Có một căn nhà ấm cúng quá nhưng của người khác! Chỉ có kẻ hành-khất trộm đạo mới bồi hồi trước ngõ nhà người ta. Người say rượu nghĩ thế nên dù khát nước cũng không dừng lại xin một hớp.

Bây giờ Vân mới thấy sợ cô đơn. Vân tưởng tượng nếu yêu nhau, lúc chàng ra về lòng nàng sẽ trống trải sâu tủi đến như thế nào. Ấy là chàng không hề ăn « bát phở 5 giờ », nếu không còn ai oán cho người đứng bên cửa sổ nhìn theo nhiều hơn nữa.

Vân bất giác thấy thêm một tiếng động, một giọng nói. Ừ nếu không ngọt ngào âu yếm thì gắt gỏng la mắng cũng được. Ít nhất cũng làm cho gian phòng vắng lạnh, không gian, và tâm hồn cô một âm thanh xao động.

Nhưng sự thực chỉ có một mình nàng, hay cô lẳng giềng của nàng cần xao động thôi, còn ngoài ra thiên hạ ai cũng thích bình yên êm

đềm. Vậy hãy cứ để cho họ yên. Vân chợt nghĩ ra như thế... và trong chốc lát nàng quả quyết muốn rời bỏ nơi này.

Pháo giao thừa bắt đầu nổ vài nơi xa xa vang lại. Vân đứng dậy ra cửa sổ nhìn sang. Hai cô lẳng giềng đã ngồi bên cửa từ lúc nào. Họ đang mơ một tiếng giày hay một tiếng chìa khóa đụng nhau leng keng, mắt họ nhìn vào khoảng không thất thần.

Vân nghĩ đến mai đây khi nàng dọn đi rồi, không biết một tâm hồn như thế nào sẽ đến ẩn dưới cái cửa sổ mai đông này!

Vân bỏ căn phòng để trốn chạy, con người nàng cảm thấy hình như mình đã chờ đón mơ ước suốt nửa đời người.

Sự thực Vân đã quá lo xa. Nàng không cần phải bỏ đi đâu, trốn chạy ai hết. Đêm giao thừa, mọi người đều say sưa trong không khí ấm cúng của gia-đình. Dù họ có « ăn phở » đâu đâu đi nữa, giờ ngày ấy, lá rụng vẫn về cội, họ vẫn là người của vợ con. Vân không hề làm khổ ai, nàng chỉ tự làm khổ mình.

LINH-BẢO.

ĐÒ DỌC

Tiểu thuyết dài của
BÌNH-NGUYỄN-LỘC

Do nhà BẾN-NGHÉ

233/20, Võ-Tánh — Xuất-bản và phát-hành

Sách dày trên 300 trang chữ nhỏ li-ti, ấn loát tuyệt mỹ, bìa đôi, chữ vàng-lá-nương, in lõm sau trên nền lụa xám — 65\$ MỘT QUYỀN.

Vì sách không phát-hành lan rộng nên nơi nào không thấy bày bán, xin mời bạn đọc của BÌNH-NGUYỄN-LỘC, cứ gửi thẳng bưu-phiếu về địa chỉ nói trên. Sách sẽ gửi tận tay bạn, cước phí **BẢO ĐẢM** do nhà xuất-bản chịu.

Bưu-phiếu đề cô **TÔ-LOAN-ANH.**

XUÂN KHÔNG MÙA



Thơ của N. D.

Một ít nắng, vài ba sương mỏng thấm,
Mấy cành xanh, năm bảy sắc yêu yêu,
Thế là xuân ; tôi không hỏi chi nhiều :
Xuân đã sẵn trong lòng tôi lai láng.
Xuân không chỉ ở mùa xuân ba tháng,
Xuân là khi nắng hạn đến tình cờ,
Chim trên cành há mỏ hát ra thơ,
Xuân là lúc gió về không định trước.
Sương lạnh lẻo bồng một hôm trở ngược,
Mây bay đi để hở một khung trời ;
Thế là xuân ; — ngày chỉ ấm hơi hơi,
Như được nắm một bàn tay son sẻ.

XUÂN KHÔNG MÙA

— Xuân ở giữa mùa đông khi nắng hé,
Giữa mùa hè khi trời biếc sau mưa,
Giữa mùa thu khi gió sáng bay vừa,
Lùa thanh sắc ngẫu nhiên trong áo rộng
Nếu lá úa trên cành bàng không rụng,
Mà hoa thưa ởng màu quá ngày thường,
Nếu vườn nào cây nhãn bỗng ra hương,
Là xuân đó ; — tôi đợi chờ chi nữa.



Bình minh quá, mỗi khi tình lại hứa
Xuân ơi ! Xuân vĩnh viễn giữa lòng ta,
Khi những em gặp gỡ giữa đường qua
Ngượng mắt lại đề trao nhìn bờ ngõ.
Ấy là màu báo tin lòng sắp nở
Thêm một phen, tuy đã mấy lần tàn ;
Ấy là hồn giăng rộng khắp không gian,
Đề đánh lướt những duyên hò mới mẻ
Ấy những cánh chuyền trong lòng nhẹ nhẹ,
Nghe xôn xao rộn rợn đến hay hay,
Ấy lá thư hồi hộp đón trong tay ;
Ấy dư âm giọng nói đã lâu ngày,
Một buổi sớm bỗng dịu dàng đồng vọng.
Miễn trời sáng, mà lòng ta rộn sóng,
Thế là xuân ; — hà tất đủ chim hoa ?
Kề chi mùa, thời tiết với niên hoa !
Tình không tuột, và xuân không ngày tháng.
Ôi lòng ta ! hôm hay sao mà yêu.



NGÀY XUÂN TRÊN HẢI-VÂN-ĐÀO

*Non, biển, trời xanh, lối chập-chùng
 Một vùng thăm-thẳm giữa mênh-mông
 Gió đàn nhạc đón khoan-thai dạo
 Mây tản màu dăng thấp-thoáng lồng
 Cây cỏ giao duyên ngày đại-hội
 Chim muông hoan lạc buổi tương-phùng
 Tim ta rộn nhịp cùng Cao-Rộng
 Đem cả Thiên-Nhiên thấm xuống lòng.*

NGẬP-NGỪNG

*Én về nào thấy báo tin Xuân
 Mảnh giấy mong-manh ý ngại-ngần
 Chí gã : hải-hồ đưa Phạm-Lái
 Tình nàng : quan-tái tiễn Huyền-Trần
 Lời thơ ví đượm màu tri-kỷ
 Chén rượu hồ phat vị cố-nhân
 Bến nước chia đôi, chiều ngả bóng
 Trùng-đình dáng liễu lạnh giang-lân.*



LỜI HOA

*Chỉ sợ canh-khuya mình ngủ mất
Chàng Tô cao-đuốc chiếu xiêm hồng.
Thoa nghiêng làn tóc rối
Gác quạnh Trâm-Hương tựa say-lịm một bóng
Giấc xuân chưa đầy, ngại ngừng.
Đẹp ơi! Cô gái Đường-cung má đào l...
Khói sầu mưa nhớ
Tình cũ chiêm-bào
Rầu-rĩ muông kêu giọt máu trào.
Mà ai trích-dạ tiêu-tau
Thơ-Xuân Thành-Gấm nở nào quên ai?
Hương thua tút giá trùng đật
Ngàn năm hận già Uyên-tài có không?
Thương nào khuây!
Nhớ nào khuây!
Mai kìa xanh đậm hồng gầy;
Một cơn... biết có
Vì Hoa nói tay?*

VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG.

1946.

VÀI Ý KIẾN VỀ TIỂU THUYẾT

của Thạch-Lam

MẤY năm gần đây (1), các tiểu thuyết xuất bản rất nhiều, và số người đọc tiểu thuyết mỗi ngày một tăng. Trong các nguyên do khiến cho tiểu thuyết được hoan nghênh tôi có thể chỉ cái do này: sự nầy nở của đời sống trong tâm hồn riêng của từng người. Khi ta bắt đầu có một đời sống bên trong, hay tìm xét những trạng thái của tâm hồn mình, người ta thích đọc tiểu thuyết. Trái lại, tiểu thuyết lại giúp đời sống bên trong được đời vào sâu sắc thêm. Một quyền tiểu thuyết là để xem, chứ không phải để đọc cho nhau nghe như các văn khác; người đọc tiểu thuyết là một người đọc yên lặng, hay nghĩ ngợi, suy xét, và tìm trong tâm lý các nhân vật của truyện những tư tưởng và ý nghĩ của chính mình.

Tiểu thuyết là thể văn từ xưa đến nay được yêu chuộng nhất. Ngày trước, ta có rất ít tiểu thuyết, chỉ có những tiểu thuyết phỏng theo hay dịch của Tàu. Rồi chúng ta bắt chước viết tiểu thuyết từ quyền: « Cảnh lệ diễm tuyệt » của Đặng-trần-Phát, đến quyền « Tố Tâm » của Hoàng-ngọc-Phách, qua những tiểu thuyết dịch của Từ-trâm-Á như « Tuyết hồng lệ sử » và « Ngọc lệ hồn »; đó là thời kỳ tiểu thuyết bắt đầu nầy nở trong văn-chương ta.

Quan niệm tiểu thuyết của chúng ta hồi trước là cái quan niệm một vai chính hoàn toàn « anh hùng hay liệt-nữ ». Tiểu thuyết nào đại khái cũng có một trai tài, gái sắc. Trai thì trung hiếu, gái thì tiết-trình, đều là những người hoàn toàn tốt cả. Nhưng muốn tỏ cái tốt của họ ra thì phải làm thế nào? Tất phải đặt họ vào một hoàn cảnh khó khăn, khiến họ gặp những điều trở ngại; và họ vẫn thắng được những sự khó khăn đó, trai vẫn giữ được toàn trung hiếu, gái vẫn giữ được tuyệt sạch giá trong. Rồi cục, hai bên lấy nhau, lập một gia-đình sung sướng và đời đời con cháu hiền-vĩnh; tác-giả không dám để cho họ phải thất bại và tiểu-thuyết không thể có một kết-cục xấu; cái đức bao giờ cũng phải thắng.

Tiểu thuyết bấy giờ chỉ có giá trị luân lý. Một cuốn tiểu thuyết là một tấm gương luân lý gọt rũa khéo hay vụng để cho mọi người soi chung. Thời kỳ tiểu thuyết luân lý rất dài trong văn chương ta.

Nhưng tiểu thuyết luân lý phải cái là nhạt nhẽo và vô vị. Cứ nhắc đi nhắc lại một cái đề, tác giả làm cho người đọc buồn ngủ và chán nản. Các nhà văn biết rằng phải tìm một cái gì khác hơn.

Sự phản động đến rất nhanh

không; đó là thời kỳ tiểu thuyết có kết cục xấu; trai tài, gái sắc không lấy được nhau nữa, trái lại bị chia rẽ và đau đớn. Người ta muốn nhìn nhận cuộc đời đúng hơn, và một ý chua chát lẫn vào cái luân lý của truyện. Người ta thành ra bi quan bởi muốn tỏ ra người thức thời. Đa sầu, đa cảm thành ra một niềm hay của tâm hồn. Người ta muốn nhìn thấy sự thanh nhã và cao quý trên vầng trán xanh xao của nhà văn sĩ. Những tiểu thuyết sâu thẳm: «Bề oan», «Bề khổ», «Thuyền tình bề ai», «Kiếp trầm luân», mà báo Phong-Hóa đã gieo một cách ý vị, thì nhau xuất bản. Đó là thời kỳ các văn sĩ tự cho là minh họ lao, lúc nào cũng có vẻ đau xót cho thân thể.

Lâu dần, về sau, người ta thấy rằng hai thái độ đó, cái lạc quan dễ dàng của tiểu thuyết luân lý và cái bi quan quá đáng của tiểu thuyết sâu đều không đúng với cuộc đời. Sự sống không phải cái này, cũng không phải cái kia. Sự sống phiền phức hơn, và các nhà văn muốn diễn tả cái phức tạp ấy. Nhưng họ chưa đến được ngay.

Vào quãng này, có sự phản-động gây nên bởi Phong-Hóa, trong hình thức và tinh thần. Về phần hình thức, Phong-Hóa hết sức phá bỏ các sáo cũ trong cách viết văn. Một câu văn sáo là một câu có những chữ đối chọi nhau cho kêu, và những ý nghĩ, những hình ảnh sẵn sàng, chỉ việc chấp nối với nhau, Phong-Hóa phá bỏ lẽ lối, và gây nên một lối giản-dị, dễ hiểu, bình dân hơn và hết sức tránh dùng chữ Hán. Chính lối văn ấy, mỗi ngày một mềm dẻo hơn, giàu thêm vì những cách hành văn của chữ Pháp, là lối văn thịnh hành đến bây giờ.

Về tinh-thần, Phong-Hóa phần đầu với sự cam chịu thất bại của con người, bày tỏ rằng đa sầu là cái hại, buồn thẳm là một cách trốn tránh; trước những hỗn-phận phải làm. Sự vui vẻ không phải là thô tục và đáng khinh nữa. Cái cười lấy lại giá trị của nó, trở nên sâu sắc và thanh nhã.

Sự phản-động trên này đến vừa hợp lúc, đánh tan cái văn chương sâu thẳm đi, và gây lên một nền văn mới. Từ năm 1938 trở đi, văn chương ta đến thời kỳ loạn lạc, không quy củ nhất định, nhưng mang ở trong nhiều mầm giống mới. Cuộc tranh luận «Nghệ thuật vị nghệ thuật» và «Nghệ thuật vị nhân sinh» của một vài nhà văn trên các báo là một chứng cứ.

Nhưng phong-trào ở nước ta, bất cứ phong-trào gì, đều có một tính chung: là nông nổi, chỉ hơi hợt bề ngoài. Cái mà chúng ta thiếu nhất, là cái sâu sắc. Bởi ta không chịu phân tách và suy xét kỹ, nên bất cứ một vấn-đề gì chúng ta cũng không biết được rõ ràng chu đáo, biết một cách thấu suốt. Mà tâm-hồn người ta lại là một vật khó biết nhất. Những trạng-thái tâm-lý trong lòng người rất là phiền phức, kín đáo và uyển chuyển. Biết mình xưa nay vẫn là câu châm ngôn của các nhà hiền-triết. Nhưng không một ai dám tự phụ là thực-hành được câu ấy cả.

Trong văn-chương ta, năm 1935 trở đi, có hai phong-trào: phong-trào bình-dân và phong-trào xã-hội. Nhưng ở đây cũng như ở trường hợp chính-trị, những người hiểu biết và thành thực rất hiếm, phần nhiều chỉ là a dua. Nhiều nhà văn xưa nay không hề chú ý đến tình cảnh sinh-hoạt của dân què, bỗng một sáng tinh dậy tự thấy

minh là văn-sĩ bình-dân. Rồi họ viết những tác phẩm tả những nỗi đau khổ của các người nhà quê, và thợ thuyền. Nhưng người đọc chịu suy xét không bao giờ mác lữa. Những cảnh mà các nhà văn ấy bày ra trước mắt ta không làm cho ta rung động ; và những hành-vi và tâm-lý của các nhân-vật trong truyện, bởi không nhận xét đúng, nên để cho ta nhận thấy rằng những nhân-vật đó không thật. Sự khéo léo, cái nghệ-thuật vững trãi, có khi làm cho chúng ta phục. Nhưng chỉ lòng tin tưởng, sự thành thực sâu xa của tác-giả mới khiến chúng ta cảm động được.

Văn-chương bình-dân chỉ nảy nở khi nào có những nhà văn ở đám bình dân mà ra, hay có những liên-lạc mật thiết và chặt-chẽ với đám người lao khổ đó. Cách sinh hoạt của những người nhà quê Việt nam, cũng như cách sinh hoạt của các hạng người khác trong xã-hội, cần phải nhận xét đúng lắm mới diễn tả được. Tôi lấy làm lạ rằng trong các tiểu thuyết của ta, chưa có quyển nào viết về dân quê nếu không phải chỉ là phở bày những hình ảnh sáo, những tâm lý nông nổi và bịa đặt. Chưa có nhà văn nào làm hoạt-động những người dân quê thực, bày tỏ những hành vi và tâm trạng thật của bác Nhiêu, bác Xã Việt nam, không nhìn lữa,tre qua cái lăng mạn mơ màng, hay cái khuôn sáo đẹp đẽ của văn-chương.

Phong trào thứ hai là phong trào xã-hội. Ở đây, cũng những điều thiếu thốn ta thấy trong phong trào bình dân. Những tiểu thuyết có luận đề thi nhau xuất bản. Một chứng cớ này đủ tỏ sự nghèo trí trọng trọng của các nhà văn ta : sau quyển « Đoàn Tuyệt », có đến

hai quyển tiên thuyết nữa, cũng dùng buổi xử ở tòa án để kết cục truyện. Không có gì không thực và « nhân tạo » lằng. Những lời kết tội nghiêm khắc của ông chương lý đại diện cho lẽ lối phong tục cũ và những lời cãi hùng hồn của trạng-sư, khiến chúng ta buồn cười.

Trong phong trào xã-hội, có vấn-đề được các nhà văn ta chú ý và theo nhau nói đến, là vấn-đề thanh niên truy lạc. Nhưng với một đầu đề như thế, tôi lấy làm lạ chưa có nhà văn nào diễn tả được đúng những tâm trạng và các nỗi băn khoăn của thanh niên (mà các nhà văn đều là thanh niên). Bọn thanh niên chúng ta không thấy mình ở trong những tác phẩm đó ; chúng ta chỉ thấy những ý nghĩ và tâm lý của tác giả, một tác giả không biết người, cũng không tự biết mình, quyết đoán một cách sai lầm ; bởi thế chúng ta đứng đưng và lãnh đạm với tất cả những hành vi của các nhân vật trong truyện.

°°°

Đến đây, lại thấy cái cần, đối với các nhà văn, phải biết suy xét tâm hồn mình. Qua tâm hồn người ta, chúng ta có thể đoán biết được tâm hồn mọi người. Và chỉ khi nào chúng ta hiểu biết những trạng thái tâm lý của mình một cách sâu sắc, chúng ta mới hiểu biết được trạng thái tâm lý của người ngoài.

Tôi còn nhớ, trong một số báo « Nouvelle Revue Indochinoise », bà Christine Fournier có viết đại ý như thế này : « Các nhà văn Pháp, các nhà văn trong hoàn-cầu, đã viết về tất cả những vấn-đề mà một nhà văn có thể viết được. Vậy chúng ta — các văn-sĩ Việt nam — còn viết về cái gì nữa ? Còn cần viết gì nữa ? Bà C. Fournier trả lời : « Các anh còn tâm-hồn các anh.

Đó là sự phong phú nội-tâm của các anh, các anh không cần tìm đâu nữa ».

Chúng ta không cần bắt chước ai, (mà công-việc bắt chước không phải là công-việc sáng tác). Chúng ta cứ việc diễn tả cái tâm-hồn Việt nam của chúng ta, những tư tưởng, những ý nghĩ mà chúng ta ấp ủ trong thâm tâm. Chúng ta chỉ có thể bằng các nhà văn ngoại-quốc, khi chúng ta đi sâu vào tâm-hồn của chúng ta mà thôi.

Tôi đã có dịp đọc được nhiều tác-phẩm chưa xuất bản của các nhà văn. Tôi phải buồn rầu khi nhận thấy, trong vài chục văn-phẩm đó, một sự nghèo nàn không ai ngờ. Các nhà văn đó hình như không biết viết cái gì, nên chừng ấy nghệ-sĩ chỉ quanh quẩn trong vài cái đầu đề giống nhau. Vẫn biết cái đề không phải là cái quan-hệ, trái lại nữa; nhưng tôi muốn nói rằng những tư tưởng và tâm-lý của các nhà văn trên kia cũng gần giống nhau trong vài khuôn sáo sẵn. Họ đi nhầm đường. Họ mang trong người một cái quý vô hạn mà cứ đi tìm những đầu đầu, tựa như người vác gói bạc trên vai mà không biết, lại ngửa tay đi ăn xin. Của quý ấy là tâm-hồn của họ. Đáng lẽ đi theo những khuôn sáo sẵn, họ trở về trong lòng, suy nghĩ và phân tách những sự thay đổi của tâm-hồn mình, thì hay biết bao nhiêu.

Do đấy, sự thành thực mới là cái then chốt của nhà nghệ-sĩ. Muốn viết một tác-phẩm bất hủ, một tác-phẩm mà giá-trị không theo thời, ta phải để hết nội rung

động trong tác-phẩm đó. Jacques Chardonne nói có hai hạng tiểu-thuyết gia. Một hạng chú ý làm cho người đọc giải trí bằng sự diễn-tả các phong-tục trong xã-hội, bằng một cốt truyện ly kỳ hay ngoắt ngoéo. Một hạng viết tiểu-thuyết để bày tỏ những ý tưởng, những cảm-động của mình bằng hành-vi của nhân-vật trong truyện. Hai hạng có những độc-giả khác nhau và lối văn khác nhau. Theo ý tôi, một tác-phẩm nào của nhà văn cũng có một ít nhà văn trong ấy; muốn dùng danh từ gì mặc lòng, tả chân, khách quan, hay chủ quan, cái bản ngã của tác-giả, cũng lộ ra trong những câu văn tác-giả viết. Ta thấy rõ cái địa-vị quan trọng của tâm-hồn tác-giả. Bởi vì tài năng không phải ở cách xếp đặt các văn, sắp đặt cốt truyện cho có mạch lạc; cái thực tài của nhà văn nguồn gốc ở chính tâm-hồn nhà văn; một nghệ-sĩ phải có một tâm-hồn phong phú, những tình cảm đời đời. Nếu không, nghệ-sĩ đó chỉ là thợ văn khéo mà thôi.

Chịu theo tâm-hồn mình lại còn bao hàm cả cái can đảm mình dám là mình. Mấy người có cái can đảm ấy. Tuy nghệ-sĩ đã phải là một người khác thường, không chịu bắt chước ai, không chịu ép mình vào khuôn sáo nào. Ngày xưa mình bắt chước văn Tàu, bây giờ lại bắt chước văn Pháp. Ta thấy nhiều nhà văn cóp cả một vài đoạn cho vào tác-phẩm viết ra. Cũng như khi họ bắt chước cái cốt truyện và cách diễn-tả của một nhà văn có tiếng. Họ không có cái tự kiêu của người độc lập và tâm-hồn thanh cao. Những văn-phẩm của họ chỉ là những công-trình vô giá trị.

Thạch-Lam



LAN HÀM TIÊU

DƯỚI ÁNH ĐÈN

Tối hôm ấy, mà đã lâu lắm rồi, tôi không còn nhớ được ngày nào, tháng nào, chỉ tôi đương khâu, cô tôi ngồi bên cạnh đọc báo, còn tôi trong rạp hát, tôi được anh tôi kể lại, câu tôi hôm ấy cũng ngủ rồi, chắc có lẽ khuya rồi, tự nhiên anh, một người mạnh khỏe đã kể cho tôi nhiều chuyện du ngoạn anh ta tính nét vui cười và hay thích đi chơi và vào lính tráng.

Dưới ánh đèn mờ mờ, những con ruồi đã vấy chung nhầy nhót như những hạt bụi, chị tôi lâu lâu, giờ hai cái tay nhỏ bé từ từ nắm lấy cái cốc có thuốc mà chị vẫn uống cả ngày. Còn anh mà kể lại cho tôi, ngồi trong bóng tối nhìn ra . . .

Anh ta, anh mà kể lại cho tôi rằng anh ấy tên là Yên — từ từ bước nhẹ bên tai cô tôi và nói :

— « Cô con di » chàng rời nhà ra đi, cô tôi ngạc nhiên, dưới ánh đèn mờ mờ, văng vẳng mấy tiếng « Yên, Yên, Yên » nhưng được đầu chàng ra đi và có lẽ không hẹn ngày nào.

KHÓ CHỊU

Sáng dậy nằm trong giường, nhìn ra cửa sổ, nhưng ánh sáng mờ mờ ngoài trời đưa vào, không khí lúc ấy đã bắt đầu trong một cảnh vật thiên nhiên, từng cơn gió lạnh lẽo, thớm từ từ xuyên qua mấy ống mũi, làm con người mạnh thêm và có lẽ khỏe thêm nữa. Chợt bên cạnh mình, một bà bần thiêu, những sợi tóc bù sù sòa xuống như muốn riết tôi một cách mau lẹ, liền đó bà ta vồ lấy chân và đắp kín vào người. Bây giờ bắt đầu đến chỗ lạnh, quay lại định đắp chăn lại cho bớt lạnh nhưng than ôi bà ta đã lấy hết rồi lúc đó một cơn khó chịu từ từ làm tôi tức giận vì, người nào đó có lẽ ai mà không thể đoán được vì người ta là một người, hết nhà này nhà nọ ở trọ, một cách sung sướng và bần tiện.

Bà ta từ từ ngồi, một cách nặng nề, bước ra công tiếng cửa làm mọi người trong nhà, đều trở mặt nhìn bà ta khẽ cười làm như đã xin lỗi rồi ra luôn.

Tôi rất ghét những cái dáng điệu kỳ cục mà tôi đã từng hưởng rất nhiều lần.

Tường-Cường (11 tuổi).

KIÊNG



Kịch vui của KHÁI HUNG

HỒI THỨ NHẤT

Ở giữa bầy bàn thờ ông vải, bên trái bầy bàn thờ ông Công. Bên phải là bàn giấy và phòng tiếp khách, giáp với phòng ngủ.

Mợ. — (Đặt đĩa ngũ quả lên bàn thờ) Đấy ! Không kiêng có hại đến thế. Cậu đã thấy quanh năm chúng mình làm ăn ra sao chưa ?

Cậu. — (cười) Giá mợ đừng chơi họ, chơi hàng thì đâu đến nỗi.

Mợ. — (gắt) Mọi năm tôi không chơi họ à ? Thế mọi năm có bao giờ bị nhà cái lường gạt thế không ?

Cậu. — (liều cợt) Vây xin kết luận : mợ bị lường gạt là vì đầu năm tôi không kiêng.

Mợ. — Chứ sao !

Cậu. — (ngờ ngẩn) Thế độ nợ mợ ốm có lẽ cũng vì đầu năm tôi không kiêng ?

Mợ. — (Đặt nghìn vàng lên bàn) Tại cậu ráo !

Cậu. — (nhún nhặn và làm ra mặt biết hối hận) Vâng, thì tại tôi ráo.

Năm nay tôi xin kiêng kỹ. Những điều phải kiêng tôi đã ghi chép và cất cẩn thận trong ngăn kéo kia, sẽ xin lấy ra ôn lại.

Mợ. — (quắc mắt) Ấy này, tôi bảo, đừng có trêu tôi như đầu năm vừa qua nhé. Kiêng là kiêng cả những câu gắt, câu mắng, câu chửi, câu rủa, câu nói bần, câu nói nặng... !

Cậu. — Thì cần thế nào được lời nói mà biết nó nặng hay nó nhẹ cơ chứ !

Mợ. — (giọng dạy đời) Cậu trẻ con quá, ai lại gần ba mươi tuổi đầu rồi mà còn luôn mồm bông đùa, chẳng còn biết đứng đắn tý nào cả.

Cậu. — Dạ.

Mợ. — Vây nhớ đấy nhé... Mẹi mà cậu lại làm tôi phải phát câu như ngày mồng một đầu năm thì tôi thề với cậu rằng nhất định tôi bỏ, tôi về nhà, tôi ở với mẹ tôi, đề mặc cậu muốn làm vua làm tướng gì thì làm.

Cậu. — (sùng sốt) Ấy, chết ! Ai lại thề độc thế !

Mợ. — (được thề) Ấy, tùy cậu

đấy, muốn từ-tế thì được từ-tế, mà muốn nhà cửa om sòm chẳng ra sao thì cậu cứ trêu vào tôi.

Cậu. — (nụm cười) Vậy tôi muốn từ-tế mẹ ả (vờ ngắm nghĩ). Nhưng sáng mai năm mới, mẹ cũng phải kiêng cho tôi nhé.

Mợ. — (cười) Cái đó cậu chả phải dặn.

Cậu. — Tôi dặn mẹ thế là vì ngày đầu năm mẹ bảo tôi gàn, thành thử tôi gàn quanh năm. Mẹ lại kỳ kèo tôi, vì thế mà suốt năm, ngày nào mẹ cũng kỳ kèo tôi.

Mợ. — (trời cười) Thôi em xin lỗi cậu. Vậy sáng mai, cậu đừng làm rống em nhé, cậu nghe em nhé.

Cậu. — Vâng, tôi xin nghe. Đấy mẹ coi, mẹ bảo gì, tôi cũng theo hết cả đấy nhé. Thế mà có ba điều tôi xin mẹ, mẹ cũng không thềm ban cho.

Mợ. — (bầy lại cây nển) Ba điều gì thế cậu? Tôi quên mất rồi đấy.

Cậu. — Mẹ vờ mái.

Mợ. — Không, tôi có vờ đâu?

Cậu. — Vâng thì mẹ không vờ, tôi xin nhắc lại. Ba điều ấy là: Đừng cúng ông Công, đừng mua vàng mã, bẻ hai cây mía kia đi, trông chường mắt lắm.

Mợ. — (núng nịu) Thôi cậu chiều em tí, nếu trông chường mắt cậu đừng để ý nữa là xong. Chứ em mà bỏ vàng, bỏ mã đi, ngày mai các chú, các cô ấy đến lễ không thấy thì họ cười cho chết.

Cậu. — Thế còn hai cây mía? Làm gãy cho các cụ chóng phải không?

Mợ. — (hơi gắt) Đã biết còn hỏi làm gì?

Cậu. — (làm lành) Nói đùa mẹ đấy chứ. Ba thứ ấy chả nên bỏ, Mẹ ả. Không cúng vàng thì ông vải lấy gì mà tiêu! Mà không thờ ông Công thì ai phù hộ cho nhà mình! Còn như không có gãy thì các cụ lấy gì mà đi chơi cổ?

HỒI THỨ HAI (không lời)

Đêm hôm ba mươi Tết cũng cảnh trước. Khi kéo màn lên, sân khấu không có người. Ánh sáng đèn nền lơ mờ. Ở buồng bên cậu vận « py-jama » rón rén sẽ mở cửa bước ra. Khi đã khép cửa buồng lại rất cẩn thận và lắng tai nghe, biết vợ vẫn ngủ kỹ, thì cậu lần đến bàn thờ lấy hết vàng tháo tung ra từng thoi, vút cả vào sọt giấy vụn để bên bàn giấy. Xong đến bàn thờ ông Công, cầm cái mũ thờ đội lên một quả bưởi và để xuống dưới gầm bàn.

Cậu đã toan vào buồng ngủ thì lại thốt nghĩ đến hai cây mía. Liền đi tìm dao cắt cả hai cây ra từng đoạn, để lên bàn rồi lấy một đoạn róc vò tiện thành khâu bỏ xuống dưới gầm trấu của vợ. Các việc xong đâu đấy, cậu lại vào buồng ngủ.

HỒI THỨ BA (vẫn cảnh trên)

Cậu y phục chỉnh tề: mặc áo gấm, đội khăn nhiễu bông, đi giày kinh, ở buồng ngủ bước ra, ngồi xuống ghế ở phòng tiếp khách và đưa mắt nhìn quanh một lượt. Vừa thoáng thấy bóng vợ ở trong buồng bước ra, cậu tươi cười đứng dậy:

Cậu. — Năm mới, chúc mẹ quanh năm mạnh khỏe, phát tài, sai lộc và cuối năm sinh em trai.

Mẹ. — Cám ơn cậu, và em chúc cậu văn hay bằng năm bằng mười năm ngoài... .

Cậu. — Và yêu em bằng năm bằng mười năm ngoài.

Mẹ (cười). — Cám ơn cậu nhé !... Năm mới cậu ngoan quá.

Cậu. — Mà em lại ngoan hơn nhiều.

Mẹ. — Năm nay chúng mình vui vẻ lắm nhỉ cậu nhỉ. Cậu có thấy thế không ?

Cậu. — Có, mẹ ạ, vui vẻ lắm.

Mẹ. — Chắc thế nào năm nay vợ chồng mình làm ăn cũng khá lắm, nhỉ cậu nhỉ.

Cậu. — Mà thủy tiên thờ lại có một hoa hàm tiếu đấy mẹ ạ.

Mẹ. — (cười khanh khách) Ồ, thú nhỉ ! Đâu cậu ? (thì thầm) Điềm quý tử đấy cậu ạ.

Hai người ra chỗ bàn thờ.

Cậu. — (vờ) Ồ, mẹ ngoan nhỉ, mẹ thật là người yêu quý của cậu.

Mẹ. — (ngơ ngác không hiểu)

Cậu. — (nhìn vào cái sọt giấy vụn dề cạnh bàn giấy, bên cạnh bàn thờ) Tôi mới nói qua thế mà mẹ nghe ngay, mẹ đã rờ vàng ra từ lúc nào và vút vào sọt giấy.

Mẹ. — Vút vào sọt giấy ?

Cậu. — Phải ! Mẹ làm thế phải lắm. Vàng giấy thì các cụ tiêu sao được mà thờ vô lý như thế. Nhỉ, mẹ nhỉ.

Mẹ. — (tức nhưng vì kiêng róng nên không dám gắt).

Cậu. — Tôi đã biết ngay, mẹ chỉ vờ cái lại thôi, nhưng trong bụng mẹ vẫn kính trọng và vâng lời tôi. Kín đáo lắm ! Chờ chồng đi ngủ rồi lên ra làm theo lời chồng dặn. Đáng phục lắm.

Hai người yên lặng sang bên bàn thờ ông Công.

Cậu. — Tôi sung sướng quá mẹ ạ. Mẹ có sung sướng không ?

Mẹ. — (cổ tươi cười) Có chứ.

Cậu. — Tôi sung sướng là vì đầu năm mẹ đã ngoan ngoãn và tỏ cho tôi biết rằng mẹ yêu tôi.

Mẹ. — (nhìn lên bàn thờ ông Công) Ô hay !

Cậu. — (nhìn xuống gầm bàn thờ cười sằng sặc) Lại cái mũ nữa này.

Mẹ. — (cúi xuống nhìn theo).

Cậu. — Trời ơi ! Mẹ đưa một cách có duyên và thông minh quá. Đem mũ ông Công đội cho quả bưởi. Vì quả bưởi ăn còn ngon hơn.

Mẹ. — (hơi gắt) Ngon hơn ! Cậu bảo ngon hơn cái gì ? Ngon hơn ông Công à ?

Cậu. — Vâng, ngon hơn ông Công nhiều chứ.

Mẹ. — (Biết chồng trêu tức, nhưng đầu năm không dám lời thòi, đầu dụ tươi cười, đặt mũ ông Công lên bàn thờ, rồi ra ghé phòng khách ngồi).

Cậu. — (Rót rượu ra cốc, đưa vợ) Năm mới xin mừng mẹ một cốc rượu (rồi mở nắp bầu) Tôi

mừng vợ một miếng trầu nửa nhé (trông thấy mía, vờ ngạc nhiên) Ô này ! Mời vợ sơ mía (nhìn tới chỗ chổng hai cây mía) Phải rồi, tôi hiểu rồi. Mía gậy ông vãi vợ tiện ra đây — Tôi cảm động quá, vợ ạ. Tôi xin vợ có ba điều, vợ cũng nghe theo tôi cả. Thôi, năm nay vợ chồng ta tha hồ may mắn.

Mợ. — (tức chảy nước mắt).

Cậu. — Ô kìa ! Sao tự nhiên vợ lại buồn thế kia ? Năm *mới* kiêng đấy. À, tôi biết rồi, *tại mợ* cảm động.

Mợ. — (tức uất, vào buồng đóng cửa) Rõ bỡm già !

Cậu. — Ấy chết ! Kiêng ! (ôm bụng cười).

Hạ màn
KHÁI - HÙNG

CÂU ĐỐI

— Về ra :

Sao hôm mai mọc sớm

— Về đối của các bạn (những câu đáng chú ý) :

Nhà nông thương tiếc công.

Công.

Canh bạc đỏ thành đen.

Hàn-Vy.

Đắc ý bị ngay anh

Vụ hạ thu thuế đông.

Phạm-khắc-Vệ.

Người Nam đông hơn Tây.

Trần-quang-Phát.

Chú nhỏ nhớ làm to.

Tàn-Băng.

Nhà nghèo sang nhà giàu.

Giục-Tăng.

Lúa tám chín tháng mười.

— Câu hay nhất :

Cửa Bắc Tây ở đông.

Lê-Giác.



NGÀY XUÂN HÁI HOA

Thơ của Thạch-Lam

*Ngày xuân chị em đi hái hoa
Vườn mai, đứng dưới gốc mai già*

✱

*Hoa mai trắng xóa trong xuân tươi
Một chị, một em xuân mấy mươi*

✱

*Gió xuân! dịu dàng tà áo lay
Gió xuân! hoa mai tan tác bay!*

✱

*Em tay nâng giỏ chị vịn cành
Bè đóa hoa mai vói lá xanh*

✱

*Ngày xuân cánh hoa đượm hạt móc
Hái hoa, hoa rơi vương mái tóc*

✱

*Tiệc hoa nên hái giỏ hoa đầy
Một giỏ hoa xuân nặng trĩu tay*

✱

*Người về tiếc xuân biết còn ai?
Còn lại trong vườn xuân vói mai.*

THẠCH-LAM.

YÊU



*Yêu là yêu, là nhạc lòng lên điệu,
Là tâm hồn ghi khắc bóng hình ai.
Là nhớ nhung, mơ mộng suốt đêm dài
Là chờ đợi bước chân người thân mến
Yêu là mắt nhìn nhau đầy âu yếm
Môi ngấp ngừng mà chẳng nói nên câu
Lúc gần nhau, quên vạn nỗi u sầu
Và thấy cả cuộc đời lên sắc thắm.*

ÁI-TRINH.

*Một mảnh trăng thu rọi xuống thềm
Trăng về, hoa lá thắm thêm duyên
Nghe lời thơ đến trong hơi gió
Trăng với thơ, sao đẹp điểm huyền .*

ÁI-TRINH.



XUÂN Ý

*Đêm vừa nhẹ gió vừa mờ,
Cây chen bóng nguyệt trải vờn bóng xanh.*

*

*Khuya nay, mùa động dầu cành ;
Đồng trắng lục nhạt ; vàng thanh lối gần.*

*

*Trăng êm cho gió thanh tân ;
Hương rừng tỉnh dậy ái ân xuống đồng.*

*

*Đêm say không khi say nồng,
Nghìn cây nở ngọn, muôn lòng hé phớt...*

*

*Khuya nay trong những mạch đời,
Máu thanh xuân dậy thức người héo hon.*

*

*Ngón tay như bút xuân tròn,
Có người ra dạo vườn non thẩn thờ.*

(không nhớ tên tác-giả).



YÊU AI VÀ AI YÊU ?

*Hôm nay gió dâng Hương,
Hoa cỏ ngát muôn phương
Nắng vàng nhẹ nhẹ lướt.
Tìm ai rộn yêu đương.
Bâng khuâng lòng thấy vân vương
Nỗi buồn không có, nỗi thương không tình.
Cây xanh ánh nước rung rinh
Mơ màng lắm tưởng bóng mình bóng ai
Gió lùa tóc vương bên tai
Má vờn khe khẽ như ai trêu mình.*

°°°

*Hương sắc thấm muôn hình
Sức sống lá phôi xanh.
Yêu đời hoa khoe đỏ.
Ý đẹp tự nhiên sinh.
Chim đậu riu rít đầu cành
Phải chăng wóm gửi duyên lành thay ai
Tiếng ca tình tú vắng người
Phải chăng non nước gửi lời tình chung
Gió đưa sóng rộn cõi lòng
Muốn chăng cuốn sạch bụi hồng trần gian.*

°°°

*Say tình ai tha phương ?
Đột mộng ai mơ màng ?
Hương tình ai lưu luyến ?
Hờ hững ai qua đường ?*

THANH-MAI.

CHIỀU BA MƯƠI



Truyện ngắn của Đặng-phi-Bằng

LUYỆN bước chậm lại, chàng kéo cô áo dạ lên che gáy cho ấm.

Mưa phùn lất phất bay. Gió lành lạnh. Nhìn cảnh phố vắng vẻ, các nhà bán hàng đều đóng cửa để ăn tết; qua khe hở của những cánh cửa bức bàn lấp lánh ánh đèn nền rung rinh. Luyện bỗng liên tưởng đến những chùm hoa mẫu đơn đỏ thắm ướt sương đêm, những chùm hoa long lanh sáng dưới ánh trăng mà trong dịp nghỉ hè về quê chàng vẫn thường gọi là những « chùm đèn lóng lánh ». Mỗi cơn gió nhẹ « chùm đèn » lại rung rinh, thỉnh thoảng một giọt sương sáng êm êm trôi trên cuống hoa rồi rớt nhẹ lên cánh lá xanh đen.

Luyện mỉm cười vì chàng vừa nhận thấy chàng đang bước rất chậm rồi dừng hẳn lại theo với cái ý nghĩ « hạt sương trôi êm êm rồi rớt nhẹ » trong trí tưởng chàng. Luyện không hiểu sao nhìn ánh đèn rung rinh lọt qua khe cửa chàng lại nghĩ đến « chùm đèn

lóng lánh » của chàng. Cũng như nhiều khi nhìn một người mà chàng không có chút cảm tình, chàng lại liên tưởng đến một người mà chàng yêu mến nhất.

Mấy đứa trẻ, súng súng trong bộ quần áo mới, mỗi đứa cầm một nén hương đang cháy, run run chầm vào ngòi pháo rồi quăng ra xa, hai tay bịt lấy tai, mắt nhắm lại chờ đợi.

Luyện mỉm cười, chàng cảm thấy một nỗi vui thoảng buồn dâng nhẹ nhẹ trong lòng. Chàng hồi hộp, thành thật đợi cái pháo nổ như ngày nào chàng còn nhỏ và chính tay chàng đốt cái pháo ấy.

Tiếng pháo nổ lẫn trong tiếng cười reo vang trong phố, khói pháo thơm khét và ấm áp. Luyện hít mạnh, chàng lầm bầm :

— Hương xuân !

Chàng nghiệm thấy trong những ngày cuối năm, nhất là những chiều

ba mươi như thế này, chàng cảm thấy «tết» hơn cả những ngày mừng hai và mừng ba tết.

Luyện nhìn kỹ những gian nhà hai bên phố, những gian nhà mà trước đây gần mười năm, ngày nào chàng cũng nắm tay mẹ đi qua để tới chợ. Một cửa hàng tạp hóa còn mở cửa, Luyện nghĩ : « Cửa hàng của cụ Lợi-Ký ». Chàng ngược nhìn lên cái biển sơn hai chữ « Lợi-Ký » đã long sơn gần hết, vẫn cái tủ kính ấy, với mấy miếng kính vỡ được dán bằng những đồng trinh nhỏ nhỏ. Cụ Lợi-Ký ngồi sau tủ hàng, cụ già đi nhiều, mái tóc bạc phơ, cụ vẫn một cái khăn nhung cũ, bạc màu. Luyện cho rằng cái khăn nhung đó vẫn là cái khăn mà cụ đã vẫn mười năm trước, cái hồi chàng còn là một cậu học sinh nhỏ bé, vẫn mua vở, kẹo và phấn màu ở hàng cụ. Chàng đưa mắt tìm thanh kiếm Nhật treo trên tường, mà trước kia mỗi lần vào mua hàng chàng vẫn thêm thường ngắm nghía. Thanh kiếm vẫn treo ở chỗ cũ, nhưng những bánh pháo treo lấp gần hết cả, chàng chỉ thấy cái chuỗi dài trạm trổ bụi bám đầy.

Luyện đi dần về cuối phố, khi qua gian nhà gia đình chàng ở trước kia, Luyện bồi hồi nhìn vào, trong gian nhà xinh xắn, trên bàn thờ những bát cổ cúng thơm ngon bốc khói. Thắp thoảng trong làn khói hương nghi ngút, một người đàn bà dáng thanh thanh mềm mại, vẫn khăn nhiễu tam giang, mặc chiếc áo dài len màu gụ, đang sửa lại mâm hoa quả. Luyện tưởng như đó chính là mẹ chàng. Và nếu bây giờ chàng bước vào nhà, người đàn bà đó sẽ ngừng tay và hiền từ hỏi : « Đi đâu về thế con

trai mẹ ? ». Một mối buồn rung động nhẹ nhàng làm Luyện rung rung nước mắt. Chàng ngược nhìn lên « bao lon » và tưởng như nhìn thấy hình bóng chàng ngày nào, nhỏ bé xinh xắn, đứng trên đó nhìn xuống đường...

Luyện bịn rịn bước đi, gió chiều lạnh-lẻo thấm vào thân thể chàng. Chàng luồn một tay vào ngực để cảm thấy rõ hơn cái lạnh giá của bàn tay ẩm nước mưa, cái giá lạnh đó lại càng làm chàng cảm thấy cô đơn quá. « Mặc áo len vào kéo lạnh ngực, con giai mẹ ! ». Chàng không để ý xem có phải chính chàng vừa nghe câu nói ấy hay đó chỉ là một tiếng vang của ngày xưa.

Trời về chiều, trên nền trời xám cao và rộng mênh mông ; những hạt mưa phùn nhỏ và sáng như những mũi kim khâu, bay mờ mờ như sương mù.

Luyện rẽ vào một ngõ nhỏ, đi tắt ra con đường đất, ngoài thành phố.

Những gian nhà lá ở thấp lệt hẳn xuống hai bên đường. Bao năm qua những gian nhà tồi tàn siêu vẹo ấy vẫn chẳng có gì thay đổi. Trên những tấm phen rách dán mấy bức tranh gà còn mới. Rác rưởi lẫn với đất bùn ngập cả lối đi.

Luyện dừng lại, lặng nhìn xuống dưới. Một ngôi trường gạch cũ kỹ, mái ngói trũng xuống, Trên cái sân rộng, nền si-măng rập vỡ, cỏ mọc lưa thưa. Luyện tìm đường lần xuống. Bốn bề im lặng. Gió và mưa nhẹ nhẹ như hơi thở. Chàng có cảm tưởng như bước dần vào một thế-giới khác, khác biệt hẳn với cái thế-giới mà chàng vẫn sống hàng ngày mỗi bước chân chàng dẫm lên nền đất nhão, là mỗi

bước đưa chàng về dĩ vãng. Chàng đi dần đến cái sân si-măng, cỏ ướt rung động dưới chân chàng. Chàng bước từng bước nhẹ nhàng, bên tai chàng dường như có tiếng cười nói, nó đùa của chính chàng với các bạn chàng; những ngọn cỏ may chạm vào tay chàng làm chàng tưởng như bàn tay của các bạn chàng vừa chạm phải. Luyện đến bên miếng sắt đường tàu điện, đã hoen rỉ treo ở đầu hiên, dùng làm kiềng; chàng giơ tay khế gỗ. Mấy âm thanh nhẹ ngân lên rồi lịm dần như thấm vào tâm hồn chàng, làm chàng thôn thức.

Qua mỗi lớp chàng đều nghe như có tiếng lao xao nói chuyện. Chàng dừng lại ở một lớp, mười năm trước chàng đã học ở đây. Luyện run run soa nhẹ lên cánh cửa gỗ mộc dính đầy mực. Nhìn qua khe cửa, chàng thấy trong lớp tối om. Nhưng chàng vẫn tưởng thấy hình ảnh thầy giáo chàng, bạn hữu của chàng và cả chàng nữa.

Những hình bóng cũ ấy hiện ra trong gian phòng tối. Họ cười, nói những gì nhỏ quá làm chàng không

nghe rõ. Hình như trong tiếng cười có tiếng thước gõ lên bảng, tiếng thước của thầy giáo chàng.

Luyện nắm chặt lấy quả nắm cửa lắc mạnh. Chàng thấy khô sở quá. Chàng có cảm tưởng nếu chàng được vào ngồi trong lớp nói khô sẽ dịu dần. Chàng lại còn có ý nghĩ lạ lùng, chàng ước ao được ngồi ở cái bàn chàng đã ngồi trước kia, chàng sẽ ôm lấy nó, gục xuống nó mà khóc. Rồi, những sự bạc bẽo, thất vọng, hối hận, đau đớn, khô sở, tất cả những gì vẫn dày vò chàng trong cuộc sống hàng ngày, sẽ tiêu tan hết. Tâm hồn chàng lại ngây thơ trong trắng như xưa, như khi chàng còn sống bên mẹ chàng, với thầy giáo chàng, với các bạn chàng. Và sau đó chàng sẽ gục xuống mặt bàn mà ngủ, giấc ngủ êm đềm như giấc ngủ của trẻ con, không mệt mỏi, không lo nghĩ, không buồn rầu. Trong giấc mơ dịu dàng chàng sẽ thấy mẹ chàng và những người thân yêu.

ĐẶNG-PHI-BẰNG

12 - 10 - 58

CẦU ĐỐI TẾT

Suốt buổi ba mươi, tay món nợ, trả món kia, long đong xoay ngược xoay xuôi, cảm cỏ chạy tràn cong đất vệt.

Sáng ngày mồng một, kẻ chúc con, người chúc của, phê phỡn, rượu trưa, chè sớm, rung dùt ngồi suốt vênh râu trẻ.

Phạm-bá-Quát.

TỰ VỆNG HOẠT KẾ

Thủy tiên: là một củ hành Tây ở bên Tàu đem sang bán cho Việt-Nam chơi tết.

Vàng: là một thứ vàng để người chết tiêu, mà không thấy họ tiêu bao giờ, chỉ thấy mình tiêu tiền đi.



XUÂN

*Luống đất thơm hương mùa mới giập,
Bên đường chân rộn bước trai tơ.
Cây xanh cảnh đẹp xui tay với ;
Sông mát tràn xuân nước đậm bờ.*

*

*Ồ những người ta đi hóng xuân !
Cho tôi theo với kéo tôi gần !
Rộn ràng bước nhịp hương vương gót,
Nhựa mạnh tuôn trào tưởng dính chân...*

*

*Bắt gặp mùa tươi lên rún rây,
Trong cảnh hoa trẻ, cò chim non
— Có ai gửi ý trong xuân cũ,
Đất nở muôn Xuân vẫn chẳng mòn.*

(không nhớ tên tác-giả).

QUAN NIỆM TRONG TIỂU THUYẾT

CÁI khuynh hướng của tiểu-thuyết bây giờ là hết sức gần sự sống, dễ được linh hoạt và thật như cuộc đời. Những tiểu-thuyết luân-lý xưa, người thấy chán chính bởi những tiểu-thuyết đó chỉ là một cách xếp đặt khô khan, không giống sự thực. Phải, tiểu-thuyết bao giờ cũng là một sáng tác của trí tưởng tượng một câu chuyện xếp đặt, nhưng với đời sống bên trong một ngày một mạnh mẽ hơn, người đọc muốn rằng câu chuyện xếp đặt đó phải hợp với lẽ phải và xúc động đến tình cảm của mình.

Thật là ý nghĩa, khi ta thấy những tiếng dùng trong các bài phê bình đăng trên báo pháp và ngoại-quốc. Khi chê một tác-phẩm, người ta có những tiếng : không tự nhiên, không thật, vân vân... và trái lại, khi khen ngợi những tiếng : thật, linh-động, giống người.

Nhưng một cuốn tiểu-thuyết thế nào là linh-động như cuộc đời ? Trước hết, cái quan-niệm « vai chính hoàn toàn » của tiểu-thuyết là sai lầm. Cái hoàn toàn tốt hay cái hoàn xấu không có ở trên đời, đó là một điều ai cũng biết ; người ta là một động vật rất phiền phức. Tâm hồn người ta không giản-dị như một biểu

hiệu và bao giờ cũng có một phần bí-mật. Một người rất tốt có thể có những lúc giận dữ, tàn ác, như một người rất ác có thể có những lúc hiền hậu, nhân từ. Người ta là, người với những sự cao quý và hèn hạ của con người. Những hành-vi của người ta không phải chỉ do lẽ phải và trí thực, và, phần nhiều định đoạt bởi những nguyên cơ sâu xa khác ; tính di truyền, tạng người, tính chất, v. v... Nhà tâm-lý Freud, khi giảng rõ cái quan trọng của phần « vô giác » trong sự sống của người đã mở một cách dần tiếp, một cái bờ cõi không ngờ cho văn-chương. Nhà nghệ-sĩ giỏi là nhà nghệ-sĩ tạo ra những nhân-vật thật và hoạt-động ; ngoài những tính cách và đặc điểm của cái địa-vị xã-hội, tìm đến được cái bí-mật không tả được ở trong mỗi người.

Nếu muốn tìm một câu định nghĩa ngắn (và bao giờ cũng thiếu thốn), để nói thế nào là một tiểu-thuyết hay, tôi ưa câu này của Maurice Barrès : « Một cuốn tiểu-thuyết hay là một tiểu-thuyết đã làm cho ta rung động ». Câu ấy không đúng được hoàn-toàn. Nhưng một văn-phẩm làm cho ta rung động, chẳng phải là vì đã tìm đường đến thẳng tâm-hồn ta rồi sao ?

Nhà nghệ-sĩ chỉ có thể diễn-tả đúng tâm-lý một người khi quan-sát đến cả hoàn-cảnh chung quanh. Người ta không sống một mình, và có liên-lạc mật-thiết với những người khác, với xã-hội. Phải làm sống lại trong tiêu-thuyết cái không khí bao bọc lấy vai chính. Phải bày tỏ bằng những hành-động cái tâm-lý của các nhân-vật. Sự quan-sát bởi thế rất cần : quan-sát đúng, tìm những hành-vi chính, đó là cái tài của nghệ-sĩ. Những điều nhỏ nhỏ, một nét mặt, một cử-chỉ, một giọng nói, cho chúng ta biết rõ tâm-lý một người hơn những công-việc và quyết-định hệ trọng, trong lúc ấy, người ta tìm xét mình lại. Những cái mà ta thường coi là nhỏ nhất, vụn vặt hay tỉ mỉ, chính lại là những cốt yếu của tiêu-thuyết hay.

Các tác-giả người Anh rất khéo làm linh-động cái không khí bằng những việc nhỏ nhỏ như thế. Bởi vậy tiêu-thuyết của Anh bao giờ cũng hay hơn tiêu-thuyết của Pháp. Tiêu-thuyết Anh gần chúng ta hơn, và làm cho chúng ta cảm-động hơn Tiêu-thuyết của Pháp bởi cách xếp đặt và bố trí khéo léo và chặt chẽ khiến chúng ta phục, nhưng không thích, vì không đi sâu vào tâm-hồn ta. Văn-chương Pháp là một văn-chương trí-thức, mà đặc-điểm là sự sáng sủa, sự đẹp đẽ. Và cũng bởi thế, theo lời André Gide trong bài diễn-văn đọc ở buổi họp các nhà văn quốc-tế, lúc nào cũng đi gần cái vực sâu của sự giả dối. Nhưng, chịu ảnh-hưởng của văn-chương các nước ngoài, các-tác giả Pháp bây giờ đã biết chú trọng hơn về cách làm hoạt-động tiêu-thuyết bằng những cái chi-tiết nhỏ nhỏ.

Theo quan-niệm trên kia, chúng ta thấy rằng những tiêu-thuyết luận-đề mà trong đó tác-giả cố ý bắt buộc các việc xảy-ra và tâm lý các nhân-vật phải theo ý định của mình, những tiêu-thuyết đó đều ít giá trị, bởi không thật. Tác-giả phải lấy một bài học ở các việc trong đời chứ không được bắt buộc cuộc đời phải theo luận-đề mình định tỏ bày. Sự theo phục cuộc đời đó không bắt buộc tác-giả phải ca tụng cái xấu, bởi vì trong người ta, cái xấu và cái tốt lẫn lộn, mà cái thiện chức cao quý khác, là phải nâng đỡ những cái tốt, để trong đời có nhiều công-bằng, nhiều thương yêu hơn.

Nhưng muốn bày tỏ gì mặc lòng, nhà nghệ-sĩ trước hết phải làm thật đã. Sự thật bao giờ cũng giản-dị và sâu sắc (giản-dị đây có ý nghĩa là không huỳnh hoang); những hành-vi có vẻ tuồng của các nhân-vật trong phần nhiều tiêu-thuyết của ta tỏ ra rằng nhà văn ta hãy còn bị những cái trống rỗng và hào nhoáng làm loé mắt. Một vai chính sẽ tự cho là xấu hổ nếu không làm những việc cao thượng — cái cao thượng sáo — quá người thường, như khóc con mới chết hay đi chôn cành hoa rơi. (Anh chàng Già - bảo - Ngọc trong « Hồng lâu mộng » của Từ-trâm-Á). Chúng ta còn chưa biết phân biệt sự giản-dị đẹp đẽ với sự huỳnh hoang lòe-loẹt, chưa biết phân biệt cái tình cảm thật với « cái da cảm văn vơ ».

Bỏ hết những cái sáo, những cái kêu to mà trống rỗng, những cái giả dối đẹp đẽ, đi tìm cái giản-dị, cái sâu sắc và cái thật, bằng cách quan-sát và rung động đúng, đó là công việc các nghệ-sĩ phải làm. Chúng ta cứ là chúng ta, với cái tâm hồn và bản ngã thật của chúng ta.



CÂU ĐỐI

Câu ra :

★ Tết năm mèo, ông lão dê mua hoa mồm chó gói giấy mỡ gà đem tặng cho mèo mà không biết hồ.

Lê-Ta.

Những câu đối lại :

- Xuân giờ tốn, bác nhiều cần đi tới phương đoàn, xoay vại khay khảm, đề cầm tiêu tốn, vẫn tưởng rằng khôn.
- Xuân giờ chuột, thằng cha khi, làm bánh đầu rồng, đòi nhân thịt lợn, cốt đề rử chuột, đương rống như trâu.
- Xuân kỷ Mão, cháu cô Hợi, bán mớ rau mùi, mua mây buộc dậu, trốn sang bác Mão, đề khỏi bận thân.
- Giời sáng bạch, bà sư tử, hách tựa bà hoàng, la rằm con Bích, máu thau đồng bạch, tiếng gọi thất thanh.
- Xuân năm tí, cô bé tí tắm nước lá mùi ở bên bờ dậu mới được một tú phải cảm nên thân.
- Xuân bên ý, chú lính tàu bán khóm liễu bờ, trong ngày chủ nhật, không người đề ý, còn cứ chào ai.
- Xuân độ trước, bà lý nợ, đọc báo Ngày Nay, thấy số pha kia (Fakt) toan về bất chước, lại sợ mĩa mai.
- Xuân còn xanh, thiếu nữ trắng, thoa phấn màu hồng, tô môi thắm đỏ, đi trong bóng tối, trông thật là đen.
- Xuân đêm trắng, tay con bạc, vì số ba đào, gặp hồi vận đỏ, cũng đành thua trắng, rõ thực là đen.
- Hợi đèn Quít, con trai Bưởi đi hát ở đào, gặp ngay mẹ mướp bị ghen cuống quít, song cũng đành cam.
- Trần văn Giáp, thằng vị kỷ, tuy hạng cùng đinh, tưởng mình là quý nhất trong làng giáp, không chịu đi canh.
- Ngày hộ đế, thằng cha nặng, thấy ở lưng ong, thả lời bay bướm, đối khản tế đế, nhưng chẳng ai ve.

THA HƯƠNG



Truyện ngắn của T. Bách

ĐẶT chân lên mấy bậc đầu tiên, Hoàng thấy cái cầu thang chiều ấy như kém về quen biết, và tự đứng, chàng đứng lại nhìn ra cửa sổ. Chưa bao giờ cái khung cửa rộng nổi lên rõ rệt như thế: đàng sau trên mấy cây liễu nhỏ mới nhón lên, và dãy buồng trẻ con nằm, mây kéo dần qua ánh sáng cuối đông.

Chỉ còn một mình chàng trong nhà thương. Chương, người bạn của chàng, buổi trưa đã khăn khăn vội chàng «gác» hộ đề lên phố.

— Chắc nó lại tìm đến nhà vợ chưa cưới của nó chứ gì?

Một người như Chương cũng còn quyến luyến những thú vui tầm thường ở gia đình; Hoàng lắc đầu, mỉm cười một mình. Nhưng tiếng cười dần đã bỗng nổi ngay ở trên đầu, Hoàng hơi cau mặt, bước vội lên. Chàng bắt gặp người khán hộ đương đùa cùng mấy bệnh nhân trong phòng, tự nhiên chàng nhìn xuống tay, tuy lúc ấy chàng đã biết rõ là mấy giờ từ lâu:

— Mới có ba giờ hơn mà họ đã bỏ cả công việc, không biết chốc nữa sẽ ra sao?

Chàng dẫn bước mạnh hơn. Tiếng cười dứt hẳn, vài bước uể oải về giương. Hoàng đưa mắt nhìn qua phòng bệnh, và không hiểu tại sao lòng hơi vui: trong buồng đã vắng đi quá nửa, chắc chỉ xem qua độ nửa giờ là xong việc. Tuy nghĩ thế, nhưng chàng vẫn bức tức vì người ta đã quên công việc mình, một ngày ba mươi tết có khác ngày thường đâu?

Theo lệ, quen miệng chàng hỏi người khán hộ:

— Hôm nay có ai mới vào không?

Người khán hộ trả lời rất lơ đãng, như đề tổ câu đối đáp của anh ta lấy lệ:

— Thưa ông không có ai.

Anh ta muốn nói thêm:

— Ngày tết thì còn có ai vào nữa.

Nhưng anh ta chỉ mỉm cười một cách có ý nghĩa, khiến Hoàng hỏi

CÁO LỖI ĐỘC-GIẢ

Những ngày gần đây, tôi bị đau phải đi nằm dưỡng sức ở một nơi xa và bỏ dở nửa chừng công việc, đến khi bình phục trở về thì nhận thấy việc trình bày ấn loát cuốn V. H. N. N. số Xuân và cả số Xuân-Lan này có nhiều sự sơ xuất đáng trách như đăng hai bài *Lan Hàm Tiểu* « Xóm cũ », « Khó chịu » v. v... của Trương-Cường mà tôi đã loại bỏ đi rồi, in lầm tên tác-giả *Ái-Trình* với *Tôn-Nữ Huyền-Trình*, bỏ sót giai thoại về bài thơ *Mừng thọ cụ Nguyễn-hải-Thần*, và những lầm lỗi khác.

Tôi xin thành thực cáo lỗi cùng độc-giả thân mến và sẽ đăng bài đính chính trong tập V, H. N. N. kỳ tới.

NHẤT-LINH.

o chịu — nhất là trông dáng anh có vẻ vội vàng khác thường — loàng hởi thêm, mong cho câu mình hỏi sẽ đúng :

— Ông gác tối hôm nay ở đây ?

— Không ạ, chắc có người sẽ đến thay tôi.

Trong lúc nói, mắt người khán hộ ngày thường lúc nào cũng mờ như có hơi thở qua, bỗng dựng sáng lên, vui mừng như đứa trẻ. Người khán hộ này đã ngoài bốn mươi tuổi, nhưng không nề nang Hoàng cũng nhìn lại một cách nghiêm khắc. Chàng đoán anh ta chỉ đợi chàng đi khỏi cho thoát nợ, vì có lẽ còn mãi lo đến cảnh đào sấp phải mua chiều hôm nay để trang hoàng ngày tết. Nghĩ thế Hoàng cố đi rất chậm.

Toàn những người ốm cũ cả, và một nửa số giường bỏ không. Chàng nhớ tới mấy người đang chữa dở dang đã vội bỏ về, và hện ra giềng sẽ xin lên chữa nốt.

— Chữa nốt !

Chàng hủu môi, hoài nghi. Ăn tết còn cần hơn là chữa bệnh nhiều, và những lời hứa của người ốm cũng như những lời hện của người nhân tình, nghĩa là không bao giờ đúng. Câu nói của một người bạn so sánh người ốm với đàn bà vụt qua trí, lần này chàng thấy xác đáng. Đứng trước những người ốm khó bảo của chàng, Hoàng có cảm giác đứng trước một bức tường dày không sao phá đổ. Đối với chàng, họ xa lạ quá rồi, không có một chút liên lạc nào nữa.

Qua mấy giường, không có gì lạ, chàng toan đi nhanh ra, bỗng có tiếng gọi rặt lại, tha thiết :

— Lạy quan, con xin về.

Chàng quay lại cau mặt :

— Chị cũng xin về à ?

Người đàn bà nhắc lại :

— Con xin về chiều hôm nay.

— Tại sao chị về, chị muốn về ăn tết phải không ?

Hoàng lắc đầu bực tức. Tại sao họ lúc nào cũng phải nghĩ đến ngày tết, đến gia-đình : tại sao họ phải bám lấy mảnh đất cần cỗi sau lũy tre ? Sống cả một đời mà không thể ăn tết ở nơi khác nhà mình được một lần hay sao ?

Người đàn bà van lơn :

— Bầm quan, con phải về.

Hoàng dần tiếng :

— Chị phải về à ? Nhưng chị có muốn chữa bệnh của chị không ?

— Bầm quan, con khỏi rồi ạ. Con về được rồi.

— Sao chị biết là chị khỏi ?

Người đàn bà ngo ngác nhìn chàng. Người ấy có thể biết là hết đau là khỏi bệnh, chứ biết đau như chàng là nọc bệnh hãy còn trong người và phải chữa cho đến kỳ cùng.

Hoàng nhìn rõ mặt người ấy : một người có tuổi không nhất định, có cái mũi thấp quá ở giữa một khuôn mặt tròn trặn một cách vô duyên. Thấy Hoàng có vẻ giận, người ấy cúi mặt, lo ngại. Hoàng không thấy thương hại, chàng chỉ tức vì cái thái độ quá lễ phép ấy — nằm nhà thương có phải là vào tù đâu ? — nhưng chàng vẫn gắt theo :

— Tại sao chị muốn về ? Chị cho chữa bệnh không cần bằng về ăn tết à ? Chị về, thì bệnh của chị lại nặng lên, chị liệu lấy.

Người đàn bà sợ hãi, không dám nhìn lên. Hoàng nói thế không phải là vì lòng trắc ẩn đối với nột

người đáng thương, nhưng vì thói quen, chàng bực tức vì có người đã trái ý làm cho chàng mất cái cảm giác khoan khoái của người thầy thuốc muốn thắng nổi một thứ bệnh hiểm nghèo. Trí não tối tăm của người bệnh không sao hiểu nổi những lời dẫn dụ cần phải biết. Dưới mắt chàng, chỉ có chứng bệnh là đáng kể, còn người ta chỉ là một vật đồ mang cái bệnh ấy thôi. Theo bao nhiêu năm qua lại trong không khí những nhà thương làm phúc, những cảm tình bỗng bột thuở nhỏ đã yên tĩnh từ lâu. Hoàng đã thành, cũng như nhiều bạn chàng, một cái máy vô tình để chữa bệnh, còn những sự đau khổ của người ốm chỉ là điều phụ thuộc.

Chàng thấy rất rõ-rệt sự thay đổi ấy, nhưng càng cho thế là cần cho nghề y-sĩ của chàng.

— Chị muốn về, được, chị về.

Hoàng lạnh-lùng đáp, và đi nhanh quá, không muốn để ý đến vẻ vui mừng của người đàn bà. Không còn ai xin ra nữa. Còn lại trong phòng, phần nhiều là mấy cô gái giang hồ, không có ai đưa đón. Ngoài ra, một vài người nghèo quá, vì nếu có đủ tiền, họ cũng xin về quê quán từ lâu. Gian buồng hôm nay rộng và vắng, lạnh-lẽo như gió đông lùa qua những khe cửa kính to và sáng-sủa quá. Không có một triệu trứng gì của một ngày ba mươi tháng Chạp. Nhưng đáng diệu co ro trong chiếc áo khoác của nhà thương vừa rộng, vừa ngắn, của mấy người ốm tụ-hợp trong một góc, thân-mật và âu-yếm khác mọi ngày, tỏ ra có một sự gì thay đổi. Ngoài trời, mây kéo dày qua những ngọn cây lá rạt về một bên, nhưng nổi cô-độc của người khác không thấm vào chàng nữa, Hoàng lạnh-lùng bước ra.

o o

Hôm đã hơi khuya. Hoàng vẫn còn thức, tuy không có người bệnh nào vào quấy rối chàng. Nằm yên lặng, Hoàng hưởng cái thú riêng của những người quen sống một mình. Chưa bao giờ chàng ghét sâu xa hơn sự đầm ấm tâm thường của gia-đình, như trong đêm ba mươi Tết này.

— Những cử chỉ quen lệ, từ bao nhiêu lâu, mà bao nhiêu người vẫn nhắc lại không chán.

Một tiếng gõ cửa nhẹ. Như đã thấy gió lạnh thấm qua chân, chàng lẩm lẩm:

— Ai vào bây giờ?

Nhưng tiếng gọi không phải tiếng những người gác như mọi khi, mà là một tiếng đàn bà quen. Biết là Liễu, một cô bạn đồng-sự của chàng, Hoàng hơi cau mày, nhưng từ khi Liễu bước vào, chàng thấy gian phòng nhỏ bỗng như ấm hẳn lên. Tuy đã rõ cả đời nàng thế nào, Hoàng vẫn tò mò hỏi Liễu:

— Sao tối nay em không về nhà ăn Tết, hay em phải gác?

— Em có gác đâu, nhưng em làm gì có nhà mà về?

Đoán trước được câu trả lời của nàng, chàng mỉm cười trước cái chớp mắt rất nhẹ của Liễu, nhưng chàng cố lấy giọng cảm động bảo nàng:

— Thế thì em ăn Tết ở đây vậy, ăn Tết với anh nhé. Gian phòng này chẳng là nhà của hai chúng ta là gì?

Liễu cười một cách ngờ ngẩn như mọi khi Hoàng nói một câu hơi có vẻ văn chương. Chàng kéo Liễu vào người, nhắm mắt. Nhưng Liễu gỡ ra, như không thích cái cử chỉ âu yếm thường ngày ấy, và kéo Hoàng ngồi xuống ghế:

— Hôm nay chúng ta nói chuyện, rồi thức đợi Giao-thừa với em nhé.

Hoàng có vẻ hoài nghi :

— Là nhĩ, hôm nay em lại thích nói chuyện. Anh cứ tưởng một cô đỡ thì thích nói chuyện thế nào được.

Chàng mỉm cười để chừa, nhưng Liễu không để ý tới, vì còn chăm chú tới mặt bàn, rồi vui mừng reo lên.

— À, thích nhĩ, anh lại có cả rượu và mứt cơ à, em có mang kẹo sang cho anh đây này. Có vẻ tốt lắm anh ạ. Đủ lắm rồi.

Tuy biết mình độc ác, nhưng không biết tại sao chàng cứ đáp :

— Còn thiếu nhiều chứ, còn thiếu cái bàn thờ, và cả một gia đình ở bên cái bàn thờ nữa em ạ.

Liễu im lặng, không nói gì. Hoàng vội bảo nàng và đệ giọng :

— Em ngồi gần lại đây rét quá.

Liễu vẫn ngồi im, mắt đăm đăm nhìn vào mấy hộp kẹo mứt. Chương lúc ra đi, đã để lại cho chàng mấy hộp do tay vị hôn thê của Chương gói. Hoàng giờ tay kéo Liễu vào lòng, nhưng khác với lần trước, nàng đẩy ra, và cười ngượng nghịu :

— Mấy hộp mứt của ai cho anh mà gói xinh xắn thế ? Chắc lại cô nào chứ gì ?

Hoàng biết Liễu không nói ý nghĩ thật của nàng, nhưng chàng chỉ khó chịu vì Liễu không theo ý muốn của mình. Chàng lấy làm lạ vì sự thay đổi bất ngờ ấy. Xưa nay, Liễu có bao giờ ngồi im lặng thế đâu. Liễu, một người con gái sống ngoài khuôn khổ, lúc nào cũng có thể yêu được. Nàng không dám trở về với gia đình, vì gia đình nàng không nhận nữa. Tuy vậy, không bao giờ bạn nàng thấy nàng buồn cả. Xưa nay, Hoàng chỉ quen đùa

với Liễu, chàng không để ý thương hại cảnh ngộ Liễu bao giờ cả ; và thế tối nay chàng chỉ bực tức :

— Thế thì sang làm gì ?

Nghĩ thế, chàng lại tự an ủi ngay, vì dù sao trong lúc không ngủ được mà có một người con gái đến, dù chỉ đến nói chuyện thôi cũng đỡ buồn. Chàng quàng tay qua cổ Liễu, cố nhìn vào mặt nàng xem Liễu có đoán được ý nghĩ ấy của chàng không. Nhưng Liễu cho là một cử chỉ an ủi của Hoàng, nàng khẽ nhắm mắt và ngoan ngoan nép hẳn vào người chàng. . .

Bỗng có tiếng gõ cửa rất mạnh. Hoàng vội đẩy Liễu ra, lấy áo khoác và vừa mở cửa vừa gắt :

— Làm gì mà ồn lên thế ?

— Thưa ông có người mệt nặng vào ạ.

Tuy chàng đã sóc cổ áo lên hầu bên má, mà vẫn thấy lạnh buốt qua tai. Chàng nhìn người cu-li gác một cách giận dữ :

— Người nào lại ốm nặng đến phải vào khuya như thế ?

— Thưa ông, người ta kêu đau ngực, nặng lắm.

Chàng toan trừng mắt bảo người gác không biết gì thì đừng nói. Anh ta hiểu gì là nặng với nhẹ ! Chắc lại là một người ốm đã lâu, bây giờ gần chết mới mang đến nhà thương. Chàng lầm bầm :

— Ốm đã hàng năm rồi mà còn chọn được ban đêm để mang vào nhà thương, kẻ người ta cũng tài thật.

Người ốm mới vào là một cô con gái, mới thoát trông dáng điệu và nước da cũng đủ biết làm nghề gì. Người khám hộ vừa dậy, lấy tay che miệng ngáp, nói với Hoàng :

— Lại một con nào xin vào ăn Tết nhờ nhà thương chứ một với ốm gì.

Câu nói ấy đúng với ý của Hoàng lạ. Nhà thương, ngày Tết, vẫn là một chỗ chứa trọ không mất tiền cho những người không nơi trú chân. Người con gái này cũng vào hạng ấy. Nàng ngồi yên, cả mình hơi run run, có lẽ vì rét, mặt cúi xuống, hai tay ôm lấy ngực. Hoàng lắng nghe, nhưng người ốm cố áo chậm quá, khiến chàng tức mình nghe qua rồi vút khăn sang bên, bảo người khám hộ:

— Có quái gì đâu, thôi, cho vào nằm, và không cần cho thuốc gì cả.

Về sung-sướng lộ trên mặt người khám hộ, vì được phép đi ngủ ngay, không phải thức lâu hơn nữa. Hoàng cũng thấy nhẹ người, và khi trở về đến buồng, chàng bảo Liễu:

— May quá, không phải là một người tự tử. Nếu không, thì còn lâu mới về với em được.

Liễu lắng-lơ, nép người vào bên chàng, không đáp.

°°°

Đêm khuya, Liễu đã ngủ say, còn riêng chàng vẫn thao thức không yên.

Bỗng có tiếng gọi cửa.

— Có người một nặng mời ông sang xem.

— Lại một người nữa à?

— Không ạ, ở «salle» người ta mời.

Chàng vội vào lấy ống nghe, rồi theo người khám hộ, đường đi rất tối, chiếc đèn bấm không đủ soi nên chàng phải đi chậm. Trong những tiếng âm thầm của ban đêm thỉnh thoảng tiếng hát ở trong nhà diên, đặng xa rồi lên vang mãi trong mấy bức tường. Vừa bước lên mấy bậc, mùi riêng của những phòng bệnh đưa ra, thứ mùi quen biết của chàng. Ngọn đèn ở một

góc chỉ đủ đưa ánh sáng tới chỗ người ốm nằm. Một vài người nhòm dậy lúc Hoàng đi qua, có vẻ nhớn nhác.

— Đâu, người ốm đâu?

Người khám hộ chỉ vào một người đàn bà. Khi màn vén lên, ánh sáng đèn chiếu rõ vào mặt, Hoàng nhận ra người con gái vừa vào lúc trước. Chàng hơi kinh ngạc và lo sợ: hơi thở ròn rập của người ốm bắt chàng nghĩ đến một người đau tim nặng. Mớ tóc nàng ngã sang bên vai, loà xoà rủ xuống chiếc chăn dạ màu xám kéo lên tận cổ. Cả khuôn mặt trắng xanh biến sang bóng tối hai bên, chỉ còn hai gò má nhô lên, và hai mắt mở một cách khác thường.

— Ô, đôi mắt thâm quá!

Tại sao lúc trước chàng không nhận thấy một triệu chứng rõ rệt như thế của bệnh đau tim? Chàng vội lấy ống nghe: không còn ngờ gì nữa. Mạch ở cánh tay đã yếu lắm. Con siên ở phổi đưa lên như bọt nước tràn ra. Mắt người ốm nhìn thẳng vào chàng, tha thiết, cái nhìn riêng của những người biết mình sắp bước sang thế giới khác. Người khám hộ nhắc cho chàng biết là chưa tiêm thuốc gì cả, theo lời chàng dặn. Hoàng biết là vô ích, nhưng cũng cứ gọi lấy mấy ống thuốc. Chàng lâm bầm:

— Muộn quá rồi!

Hai mắt người con gái tuy đã hơi mờ, nhưng vẫn đưa theo tay chàng cầm ống tiêm. Nàng không kêu đau, và sau khi tiêm, nét mặt bỗng tỉnh hẳn lên, — người sắp chết bao giờ cũng tỉnh hơn lúc thường — Hoàng cầm tay bắt mạch, nhưng không tìm đâu thấy đâu nữa. Thốt nhiên, người con gái bỗng ngồi dựng lên, bàn tay nắm rất chặt lấy tay Hoàng như bao nhiêu sức lực còn lại đều thu

vào đấy. Cơn siết lên càng mạnh, nghe rất rõ ; mắt không nhìn vào chàng nữa, nhưng mở to, nhìn thẳng ra trước mặt, như lắng đợi một sự gì. Rồi rất rõ ràng, Hoàng nghe thấy ở đằng xa đưa lại, một vài tiếng pháo bắt đầu nổ, tiếng pháo giao thừa ; và không hiểu tại sao, Hoàng biết chắc người con gái hấp hối kia cũng nghe thấy rõ ràng như chàng, những tiếng pháo đầu năm ấy. Tự nhiên, Hoàng thấy rung động mạnh ; lần đầu tiên trong đời y-sĩ chàng mới thấy hồi hộp trước cảnh hấp hối của một người. Trước mặt chàng bỗng hiện ra hình ảnh của một ngày thơ ấu, chàng đứng trước giờ xấu số một người chị, và những cảm giác hồn nhiên của thuở nhỏ rộn rập trở lại với chàng. Chung quanh, một vài người ốm ngồi nhòm lên xem, tò mò ; còn những người khác nằm im, không biết vì ngủ say hay vì sợ không dám trông đến cảnh cuối cùng của một người cùng số phận với chính mình. Giường bên cạnh một người đàn bà lo sợ hiện lên nét mặt, nhưng vẫn trở mắt nhìn sang. Tiếng pháo vẫn nổ, liên tiếp. Người ốm, mắt chớp, môi hơi hơi mím lại, mấy ngón tay nàng nắm yếu dần. Hoàng sợ hãi, không dám nhìn nữa ; và khi chàng quay lại người con gái đã nằm xuống, mắt vẫn mở nhưng nhìn thẳng, cái nhìn đặc biệt của những xác chết. Nàng ở tận đâu đến nhắm mắt ở cái nhà thương lạnh lẽo này ? Có lẽ lúc trước, cần thận hơn, chàng có thể cứu được. Một nguồn thương hại mông mênh lẫn với lòng hối hận đến tràn ngập cả Hoàng. Người khản hộ thản nhiên, kéo chăn lên đắp cho người chết, nhưng Hoàng không dám đứng lại nhìn người ấy cố vuốt mi xuống cho đôi mắt vẫn mở kia.

Chàng cảm đầu bước mau dưới dặng cây tối sẫm. Tiếng pháo vẫn còn từ xa đưa lại.

— Cả cái sức của mình cũng không cứu nổi người con gái nhỏ bé kia.

Nhưng cái ý nghĩ chán nản ấy của người thầy thuốc không mạnh như mọi khi nữa. Hoàng thấy rõ rệt là đã từ lâu, lòng thương người nay mới lại nổi dậy trong chàng ; và cố tìm hết phương pháp, mang hết trí não của mình ra để cứu một người ốm, chàng cảm thấy là một việc để làm hơn là hiểu thấu sự đau khổ của người ta.

°°°

Lúc chàng trở về đến buồng gác, Liễu đương đợi chàng. Nàng đã trở lại với dáng vui vẻ thường ngày, nũng nịu :

— Anh, chúng ta làm lễ giao thừa chứ. Em đợi mãi.

Nàng nhanh nhẹn, toan mở hộp mắt và kẹo :

— Anh ăn chút nhé. Rồi em mở rượu, anh cho em uống một cốc nhé. Hôm nay em cố uống thử một cốc xem sao.

Nhưng Liễu bỗng ngừng bắt, chăm chú nhìn vẻ mặt Hoàng, rồi nàng đến gần :

— Anh làm sao thế ? Anh không muốn uống rượu à ? Hay là anh của em lại nhớ nhà đấy ? ...

Nàng vừa nói vừa mỉm cười nũng nịu. Câu hỏi vô tình của Liễu khiến Hoàng nhớ tới những đêm giao thừa trước, trong cảnh gia đình : đêm nay tự dưng chàng thấy trong ngực tim đập mạnh, chàng lại trông thấy rõ rệt màu xanh của bánh trưng, ngửi thấy mùi hương nển ngào ngọt, như thửa nhỏ, mỗi khi nghĩ đến Tết, chàng vẫn thấy.

Hoàng kéo Liễu vào sát người ; lần đầu tiên, chàng thương Liễu và



tim thấy một vẻ gì cao quý riêng trên mặt người con gái lạc loài ấy. Chàng dịu giọng bảo Liễu :

— Em nói đúng đấy. Thôi kẻo với mứt để dành đến mai nhé.

°°°

Sáng hôm sau, mồng một Tết. Một ngày nắng nhẹ, không lạnh lắm. Công việc làm xong trong nửa giờ, Hoàng đem kẹo và mứt gọi những người ốm của chàng phân chia. Họ vui-vẻ đến nhận phần quà nhỏ mọn của mình ; mắt sáng lên trước những miếng mứt tươi màu ít khi họ được ăn. Chưa bao giờ Tết của chàng trong trẻo, đậm ấm hơn ;

Hoàng thấy mình giống như người bình thường kia, nghĩa là cũng yêu Tết tha-thiết như họ. Một vài người trong bọn có lẽ là những gái giang hồ thất nghiệp — cất tiếng hát mấy câu mừng chàng, Hoàng không thể từ chối được ; chàng mỉm cười nghe những câu hát giản-dị quê kịch ấy ; nhưng chàng không cưỡng được lại sự cảm-động sâu xa. Những câu chúc Tết giản-dị kích thích lòng chàng mạnh hơn những lời chúc ngày trước chàng nhận được trong gia-đình, trong lúc ấy Hoàng như lẫn lộn với những người ốm kia và sống cái đời của họ. Tâm hồn chàng cũng trở nên chất phác với những cảm-giác, những nỗi lo sợ, nhờ thương giống như của những người mà ngày trước chàng tưởng cách xa chàng.

Chàng thấy mình thanh thoi như tìm được cái gì quý báu đã mất từ lâu.

Buổi trưa đến, về ăn cơm, Chương không có mặt ở đấy. Hoàng chạy vào phòng Chương toan gọi, nhưng chàng bỗng lùi lại trước cánh cửa hé mở. Mùi hương trong phòng đưa ra. Chương đương đứng cúi đầu trước một cái bàn thờ nhỏ : một vài nén hương cắm trong cái bát, dưới bày ít hoa quả. Cảnh Chương lung thụng trong cái áo blouse trắng kính cẩn trước cái bàn sơ sài ấy, trông đáng tức cười. Nhưng lần này Hoàng chỉ thấy lòng thương se lại, như có vật gì đè nặng lên ngực, rồi Hoàng bỗng thấy ấm hai bên vai, mùi hoa thủy tiên ở đầu cùng với mùi xác pháo phảng-phất bay qua, mùi tết ở gia-đình chàng.

Hoàng cảm-động bước nhẹ ra. Chưa bao giờ, chàng hiểu lòng người sâu xa như thế.

T. BÁCH.

DỪNG BƯỚC

Trích Đoạn-Tuyệt của Nhất-Linh

Một buổi chiều về cuối năm, một buổi chiều êm đẹp như một giấc mộng, mấy cây thông ở đầu hiên vẫn đứng lặng yên, đợi gió.

Dững và Độ, hai người cùng ngồi thẩn thờ không nói, ngả đầu vào lưng ghế, nhìn khói thuốc lá từ từ lan ra ngoài nhà rồi tan vào quãng không. Trên bàn phủ vải trắng, có dề một chai rượu mùi, hai cái cốc đầy rượu và một đĩa quả : sắc thủy tinh trong, pha với màu xanh, vàng, đỏ của trái cây diễn ra một quang cảnh vui vẻ, ấm áp. Ngoài kia, ánh nắng vàng buổi chiều như tiếc ngày cuối cùng của một năm, còn lẳng vàng trên các ngọn đồi, chòm cây, lướt thướt trên những cánh đồng cỏ màu xanh già. Những thôn xóm rải rác dưới chân đồi hay bên bờ con sông trắng, cong queo như bị đè nén dưới vẻ to tát của trời đất rộng rãi. Khói thời cơm chiều ở một vài nhà dân không có sức lên cao nữa, tỏa ra thành từng đám màu xám ôm áp lầy các mái tranh. Tiếng người gọi nhau ở dưới đồng đưa lên khiến Dững nghĩ đến cái đời dân quê, cái đời lạnh lẽo vô vị kéo dài đã mấy nghìn năm. Mà mấy nghìn năm, họ sống như bám lấy mảnh đất già cỗi, xưa thế nào giờ vẫn thế, vui ít, khổ nhiều, bao giờ cũng thắm đậm như

buổi chiều đông này, không hề khao khát một cảnh đời sáng sủa hơn, mong ước một ngày mai tốt đẹp hơn ngày hôm nay. Chiều hôm ấy, Dững như cảm thấy tâm hồn của đất nước, mà biểu hiệu cho đất nước ấy không phải là những bậc vua chúa, danh nhân, chính là đám dân hèn không tên không tuổi. Dân là nước. Yêu nước chính là yêu chung đám thường dân, nghĩ đến sự đau khổ của đám thường dân. Quanh năm xuôi ngược, dững chân lại ít ngày ở đồn điền một người bạn thân, ngồi nhàn nhả uống cốc rượu tiễn năm trong một tòa nhà gạch sang trọng, Dững vẫn thấy mình là một người dân và càng cảm thấy cái thú man mác được hoà với đám dân không tên không tuổi, sống cái đời của họ sống, mong ước như họ mong ước, khác nào một cây cỏ lẫn vào trong muôn nghìn cây cỏ ngoài nội. Nhưng trong cái thú hoà hợp ấy có lẫn chút rạo rức, náo nức ; vì chưa được thỏa nguyện về hiện tình của dân quê, nên còn khao khát, mà sự khao khát không diễn được lên lời ấy, nó bắt Dững tin ở sự thay đổi, tin ở công việc Dững làm trong bấy lâu và có lẽ còn làm mãi mãi, chưa biết bao giờ nghĩ. Độ nhìn Dững thương hại cho bạn bấy lâu sống một cuộc đời gian nan, vất vả phiêu bạt

bốn phương trời. Chàng gạt tàn thuốc lá, thở dài, nói vắn vơ một câu như đề mong an ủi bạn :

— Sống không nghĩ ngợi như bọn dân kia thế mà lại sướng.

Dũng đáp :

— Tôi không nghĩ như anh, vì tôi tin ở sự tiến bộ. Ta có thể làm cho họ hơn lên được. Có lẽ họ đã quen với cái khổ lắm rồi, nên họ không biết khổ nữa hay họ có biết cũng không tỏ ra được... Ta phải diễn ra cho họ và những sự ta mong ước cho họ, ta phải làm cho họ mong ước như ta. Tôi vẫn hằng mong ước dân quê đỡ phải chịu hà hiếp, ức bách. Ta phải tin rằng sự ao ước ấy có thể thành sự thực và làm cho dân quê cũng mong một cách tha thiết như ta.

Bây giờ dưới đồng sương xuống phủ mờ mờ, tiếng người gọi nhau lúc này, giờ đã thấy im...

Yên lặng... Buổi chiều yên lặng như ru người ta vào cõi mộng. Bỗng thốt nghĩ riêng đến nỗi khổ của mình, Dũng nện gót giày xuống gạch, cầm cốc rượu uống cạn, cười bảo Độ :

— Anh rót tôi cốc nữa. Anh uống đi, uống nhiều đi chứ !

Độ vừa rót xong, Dũng lại dốc cạn lần nữa :

— Hôm nay tôi muốn uống thật say để tiễn năm cũ đi.

Thật ra chàng muốn say để quên những ý nghĩ buồn rầu về Loan, nó ám ảnh chàng từ lúc Độ ở Hà-nội về kể chuyện Loan cho chàng nghe. Tuy chàng muốn không bao giờ xuôi Hà-nội, tuy chàng muốn quên hẳn không bao giờ nghĩ đến Loan, mà vừa rồi

chàng vẫn khăn khoản nhờ Độ dò xét hộ chàng về tình cảnh Loan. Là vì ít lâu nay, tự nhiên chàng thấy cái tình yêu người cũ tràn ngập cả tâm hồn : cái tình mà chàng tưởng đã nguội lạnh như đám tro tàn, nay lại còn ngùn ngụt bốc lên, không sao dập tắt được.

Tiếng pháo tiễn năm cũ nổ ran ở dưới chân đồi đưa lên. Độ lắng tai nghe rồi nói một mình :

— Chắc là pháo nhà ông giáo.

Dũng hỏi bạn :

— Anh có đến chơi anh giáo Lâm đấy chứ ?

Độ đáp ;

— Có. Lạ nhất là chị giáo nghi hoặc không biết anh sống chết thế nào. Được tin anh, xem chừng lấy làm vui mừng lắm.

Dũng nói :

— Tại vì đã gần một năm nay, tôi không viết thư về, mà cũng không muốn viết thư về, thà cứ để họ tin rằng tôi không còn sống nữa. Tôi muốn rằng đối với họ, tôi là người đã chết hẳn rồi...

Ngừng một lát chàng buồn rầu số tiếp :

— ...Nhất là đối với Loan.

Hơi men chénh choáng, Dũng thấy tâm hồn rạo rức, muốn ngỏ nỗi buồn riêng với bạn đề mong được nhẹ nhàng đôi chút. Chàng lắc đầu bảo bạn :

— Nhưng không thể được anh ạ. Mà vì thế, nên chúng tôi còn đau khổ suốt đời. Nếu trước kia tôi biết là như thế này, thì không bao giờ tôi phải hối hận. Tôi có ngờ đâu...

Chàng ngừng lại, rụt rè không nói hết câu, nhưng vì lúc đó bằng hoàng say rượu, lại vì Độ là người bạn chí thân, không còn dấu giếm điều gì, nên Dũng nói tiếp :

— Độ ấy, tôi có ngờ đâu có ngày tôi yêu Loan như tôi yêu nàng bây giờ, Loan, một người đàn bà có chồng. Nếu tôi quên được!... Tôi muốn quên lắm, quên Loan đi trong sự hành động, nhưng người ta không thể hoàn toàn tự sai khiến được. Ái-tình nhiều khi mạnh hơn lẽ phải. Nghị-lực chỉ có thể ngăn mình làm điều trái, chứ không thể đàn áp được tình yêu, nhất là thứ tình đó lại là một thứ tình tuyệt vọng chỉ đến làm tôi đau khổ, không ích gì.

Độ hỏi :

— Nhưng sao trước kia, anh lại bỏ Loan anh đi ?

Dũng đáp :

— Một phần vì công việc, một phần vì tôi tưởng đối với Loan chỉ có thứ tình bè bạn, mà Loan đối với tôi cũng vậy. Chúng tôi sẽ buồn ít lâu rồi sẽ quên, khổ thế còn hơn là tôi làm phí cả nàng. Có biết đâu, chính bây giờ tôi tại làm hỏng cả đời Loan mà tôi không ngờ. Loan bây giờ khổ sở, lỗi đó chỉ tại tôi.

Lần thứ hai, Dũng bảo bạn rót rượu vào cốc mình, Độ vừa nói vừa rót :

— Người ta ở đời, ai không có nỗi khổ riêng.

Dũng đáp :

— Giá chỉ mình tôi chịu đau khổ thì tôi cũng vì bạn mà yên lặng chịu đau không thờ. Nhưng nào Loan có

quên tôi. Tôi hối hận chỉ vì lẽ đó. Loan đau khổ chỉ vì tôi, mà vì tôi, chịu bao nhiêu sự cay cực trong gia đình nhà chồng, vì tôi phải dành giam hãm thân mình trong một nơi không phải là nơi đáng để nàng sống.

Độ kiểm lời an ủi bạn :

— Đã như thế này rồi tôi thiết nghĩ chỉ còn một cách là quên đi. Lâu lâu rồi cũng có thể quên được.

Dũng hỏi :

— Tôi cũng mong thế lắm. Như tôi thì chỉ đề những khi nào nhân nhũ mới nghĩ đến, nhưng Loan,.. anh tính ở trong một gia đình như thế, làm thế nào mà Loan quên được. Vì muốn cho Loan sung sướng mà tôi đã vô tình làm nàng đau khổ một đời. Tôi hối hận lắm...

Bỗng có tiếng màn trực reo lách tách, hai anh em cùng quay mặt lại : vợ Độ và đứa con nhón của Độ bước vào.

— Hai anh em bàn luận gì mà hút thuốc lá khói um lên như khói pháo thế này ?

Rồi vợ Độ lại gần chồng vui mừng nói :

— Mấy củ thủy tiên của cậu có lẽ nở đúng giao thừa.

Độ bảo vợ :

— Mợ ngồi xuống đây uống cốc rượu. Đây, mợ xem, một mình anh Dũng uống gần hết nửa chai rượu rồi.

Vợ Độ nhìn Dũng nói :

— Thế mà anh ấy vẫn thường bảo không uống được rượu.

Dũng mỉm cười không trả lời, gọi đứa con Độ lại :

— Phúc lại đây với chú.

Phúc ngoan ngoan lại gần hỏi :

— Năm nay chú ăn tết ở đây ?

Dũng gật. Phúc lại hỏi :

— Chú không về nhà ăn tết ?

Dũng mỉm cười :

— Chú không có nhà.

— Thế mọi khi không có nhà thì chú ở đâu ?

Dũng dăm dăm nhìn xuống nền gạch. Câu hỏi vô tình của đứa bé nhắc chàng nghĩ đến cái đời cô độc của chàng, lệnh đệnh nay đây, mai đó, tối ba mươi tết tạm dừng chân trong chốc lát để ngắm cảnh gia-đình êm ấm của người ta, mà chẳng bao giờ được hưởng.

Độ thấy Dũng ngồi yên lặng dăm dăm, hiểu ý, vội mắng con :

— Phúc, xuống ngay dưới nhà chơi. Mày chỉ được cái hay hỏi lẫn thôi.

Rồi Độ đứng lên nói :

— Tôi say quá, khó lòng mà thức đến giao thừa được. Vậy tôi đi ngủ trước đây. Mợ nhớ đánh thức tôi dậy.

Dũng cũng đứng lên rồi sang buồng riêng của mình, nhưng Dũng không ngủ ngay, chàng tắt đèn rồi mở cửa

sở, ngồi nhìn xuống chân đồi. Hết điều thuốc lá này, Dũng lại châm điều thuốc lá khác, hút luôn không ngừng, cho đến khi bốn phía nồ ran tiếng pháo tiễn năm cũ và đón mừng năm mới.

Bây giờ Dũng mới ra đứng tựa cửa, chống hai tay vào cầm đũa mắt nhìn vớ vẩn.

Lờ mờ dưới ánh sao, giòng sông lẩn trong sương lạnh lẽo, mơ màng uốn khúc. Sau những chòm cây đen rải rác dưới chân đồi, đèn nền cũng giao thừa ở trong các nhà dân quê, thấp thoáng ánh lửa vàng.

Dũng lắng tai cố nghe tiếng pháo ở những nơi xa xa rồi lại xa hơn đưa lại và tưởng tượng theo những tiếng pháo đó cứ mỗi lúc một đi xa mãi cho đến tận phía chân trời, nơi Loan ở.

Một luồng khói pháo thơm đưa thoảng qua cửa sổ đem lại cho Dũng những cảm tưởng dịu dàng êm ái như ngọn gió xuân nhẹ nhàng đem mùa xuân tới, Dũng lầm bầm :

— Hay ta về thăm Loan ?

Nói xong, Dũng lại lấy làm ngạc nhiên về ý định của chàng, ý định mà trước kia không bao giờ Dũng ngờ sẽ có ngày đến vẫn vương trong tâm trí.

NHẤT-LINH.



DỊU NHỆ

Gợn trắng ngàn mai thoảng dáng xuân
Màu trinh e-lệ gió ân cần
Mười bông cúc nở chờ tay với
Một chút hoa đào vương gót chân.
Thuyền nhỏ sông lam yêu điệu về
Có chen màu liễu biếc chân dê
Tình xuân ai chờ đây khoang đó :
Hương sắc thanh-bình ngập lối quê.
Nắng nhẹ mây hờ sương hơi hơi
Sương thưa nắng mỏng nhạc khoan lời
Dây đàn chăm-chậm hôn trên phím :
Muôn vạn cung « Hồ » lá lướt rơi.
Khói dụ hương êm tản-mát đầy
Tơ chùng điệu thấp bốn phương say.
Mùa xuân lặng-lẽ về, không tiếng . . .
Duyên khép tình e ngậm dấu giày.
Là ánh trắng non chớm độ rằm,
Xuân là duyên-nụ tuổi mười lăm.
Mến thương không ngỡ, Chàng như Thiếp,
Hôn khóa then-trinh lặng nhớ thầm.
— Tìm chi nao-nức giữa mùa tươi !
Xuân chẳng đàn ca ở phím đời.
Rượu ngọt men hiền say chút ít
Chàng Lưu đừng ngại thiếu Mai-Khôi.

VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG

1940



nhân đọc bài tình tuyệt vọng của Khải-Hưng

*Gió bụi Thăng-Long lùa gác vắng.
Văn-chương tâm sự có bao lần
Kinh-thành từ lúc mờ binh lửa
Khóit đạn muôn trùng đã cách ngăn.*

*

*Anh chạy vùng quê tôi ở lại
Phương trời xa cách mịt mù khơi
Ngày-nay dở đọc văn thơ cũ,
«Tuyệt vọng Tình» chôn cả với người!*

*

*Những tưởng duyên văn còn hội ngộ
Nào ngờ bữa ấy thế là thôi.
Ai đi thăm thăm phương trời lạ
Đất cũ ngày nay khách ngậm ngùi.*

LÊ-ĐÌNH-GIÁO.
(Đông 1947).

hộp kẹo

của Hoàng-Đạo

Hôm ba mươi Tết, Tân sung sướng lắm. Chú Tân ở Hà-nội về, mua cho anh em Tân mỗi người một hộp kẹo xinh xắn, buộc một sợi giấy vàng lóng lánh.

Tân cầm ngắm nghía, coi như một vật rất quý, hơn cả pháo, cả đôi giày mới của cậu, cả bánh chưng, mà cậu rất thích ăn. Cậu nâng niu không dám ăn mở ra vội sợ làm hỏng mất cái nếp giấy buộc ngay ngắn, đề thừa ra hai cái tua vàng.

Tân đi chơi cũng đem hộp theo. Đến chỗ nào, trẻ con thì thăm bảo nhau:

— Nó có cái hộp đẹp quá, chúng mày ạ.

Rồi chúng xúm đông xúm đò chung quanh Tân để nhìn cái hộp lạ kỳ. Tân sung sướng, chìa chúng xem, bảo:

— Hộp kẹo tây đấy!

— Kẹo tây à? Chắc là ngon lắm.

Và cả bọn nhìn Tân một cách ghen tị.

Sáng hôm mồng một, Tân theo cha-sang nhà ông Lý. Tân mong mỗi đợi. lúc ấy đề đem hộp kẹo đến khoe với Đào, bạn học của cậu.

Sang đến nơi, thấy nói Đào ốm. Tân chạy vào hỏi thăm.

Đào trông thấy bạn cầm cái hộp kẹo, hỏi:

— Anh cầm cái gì đấy?

Tân đưa hộp kẹo cho Đào xem. Đào cầm lấy nhìn, nức nở khen từng tí một:

— Ô cái hộp đẹp quá! Cái dây vàng nhỉ! Còn cái gì vẽ trên nắp hộp này nữa.

Đào thích quá, ngồi nhòm dây, giờ hộp ra chỗ sáng xem cho kỹ:

— Nó vẽ con mèo ôm hộp bánh, anh ạ. Giống quá, y như con mèo thật. Thích nhỉ?

Tân nhìn bạn ngắm nghĩa hộp kẹo một cách thêm thuồng như tự bảo thăm :

— Giá ta được cái hộp đẹp này.

Ngắm nghĩa mãi, Đào mới trừ trừ đưa hộp trả Tân, rồi nằm xuống, se sẽ thờ dài.

Tân nhìn bạn nằm một mình nghĩ ngợi. Bỗng cậu đề cái hộp cạnh giường Đào, từ giá bạn. Đào gọi với lại :

— Này, anh quên mất hộp kẹo rồi.

Tân đã ra đến cửa buồng quay lại :

— Thế à ? Thôi anh giữ lấy mà chơi, tôi không thích lắm. Mai anh đổi pháo cho tôi, tôi thích hơn.

... Chiều hôm ấy, ăn cơm xong, Tân và các anh ngồi xúm chung quanh chú, nghe chú kể truyện cổ tích. Không thấy Tân cầm hộp như các anh, chú Tân hỏi :

— Hộp kẹo chú cho đâu, Tân ? Ăn hết rồi cơ à ?

Tân ngập ngừng trả lời :

— Không ạ.

Chú hỏi gặng, Tân phải thú thực, trong lòng chỉ thấp thỏm lo chú mắng. Nhưng Tân vui vẻ khi thấy chú ôm vào lòng nói nựng :

— Cháu tôi ngoan quá !

Hoàng-Đạo.

VỊNH XUÂN TƯƠI

*Hai cô con gái nhà ai
Nhờn như trong nắng xuân tươi rõ ràng
Nắng vui nắng đề thêm vàng
Rỡn theo những bước nhịp nhàng trong xuân.*

LÊ

TRUYỆN HAY THẾ GIỚI

In lần thứ 2 :

TÌNH NGHĨA VỢ CHỒNG

Nguyên tác của I. TOILS:OI — Bản dịch của Bảo-Sơn.

CON NAI TƠ

Nguyên tác của M. K Rawlings — Bản dịch của Bảo Sơn.

NỘI CỐ CỦA THIÊN ĐƯỜNG

Một tập truyện ngắn chọn lọc của những văn hào quốc-tế, do Vĩnh, Sơn, Lang dịch

PHƯỢNG-GIANG XUẤT BẢN
NAM-CƯỜNG PHÁT HÀNH.

hãy mở xẻ

của Duy-Lam

Nếu ta mở xẻ bộ óc của một người Việt-Nam trung bình, ta sẽ thấy gì? Đầu tiên là ta thấy một căn nhà lý tưởng gồm ba phòng. Phòng ngủ của hai vợ chồng, phòng con cái, phòng khách kiêm phòng ăn. Đối với người Việt ta, ăn trước mặt khách không có gì là thiếu lịch sự, trái lại còn cho ta dịp mời rất khách sáo. — Bác xơi cơm với chúng tôi một thề. Ồ ! Cơm xoàng mà ! Trong nhà cả ! v. v... Không có phòng làm việc (làm việc thì phiền, dẫu mà chẳng được, bỏ đọc báo, viết lách — rất ít khi — các con học ê a cùng với nhau càng vui), một cái bếp thật rộng, nhà vệ sinh và đủ cả điện nước (hay gần giếng, máy nước). Nếu có thể thêm một cái vườn hay sân nho nhỏ để vợ chồng bàn ghế ra ngồi chơi và trẻ con đùa nghịch, hay là 2, 3 nhà có cùng chung một sân cũng được (chồng sẽ tác lỗi: Ồ ! Có sân còn hơn không ! Trẻ con hàng xóm nếu có đánh nhau với trẻ con nhà mình cũng chẳng sao).

Nếu nhà đó là nhà thuê, không phải sang tên và không quá 1000 \$ một tháng, một người đàn ông trung bình dẫu dám mộng « tậu » được một căn nhà như vậy.

Ta còn thấy trong óc ông Nguyễn-văn-Ba hay Mỗ (người Việt-Nam trung bình hay có tên là Ba họ Nguyễn, dệm văn, cũng như Pháp M. Dupont, Mỹ Joe Smith) những thứ sau đây :

— Một cái xe mô-bi-lét hay xe Đức mới tinh ít khi là một chiếc

Lambretta hay Vespa vì ông Ba rất sợ những phương tiện di chuyển tốc lực nhanh, nặng và lại nguy hiểm, ví dụ nói đại ông Ba còn tí máu nóng của tuổi trẻ trong người và đòi mua xe scooter, bà Ba sẽ kêu : « Ông điên đấy ư ? Già rồi mà cứ tưởng còn trẻ. Nhớ đâm vào dẫu, con ai nuôi v.v... ». Đề thỉnh thoảng dèo là ta đi chợ Bến-thành, đến thăm bà con hoặc chiều dèo hai đứa con làm một vòng bờ sông (có thể đứa con thứ ba, thứ bốn, và thứ năm mà nhoo đòi tèo lên xe « đi chơi thầy » khiến thầy vội phải hứa « dè đến chiều mai sẽ đến lượt mày » hay « dè khi nào ba mua được ô-tô (sic) sẽ cho đi cùng một thề cả mẹ mày nữa — một lời hứa trẻ con không mấy khi tin.

— Một cái số kiến-thiết Quốc-gia trúng » một triệu đồng Hình như bắt cứ gia-dình Việt-Nam trung bình hiện thời đều mơ được là triệu-phú theo lối này (thực ra cũng không còn lối nào khác). Mỗi khi tính tiền chi tiêu với bà Ba, gặp một món tiền không biết tính vào đâu, ông bà lại nhìn nhau thờ dãi và đều có cùng nhau một ý nghĩ : « Cái mình trúng một triệu đồng ». Thỉnh thoảng gia-dình ông Ba ngồi mơ màng đến những thứ sẽ mua nếu có một triệu. Ông Ba ra vẻ ta đây khôn ngoan bảo vợ : « Ví dụ mình trúng một triệu thì nên đưa ngay đến cho một ông luật-sư. Tuy tốn mấy nghìn đồng nhưng chắc hơn là tự lĩnh lấy... » Bà Ba giật mình kêu : « chết ! Sao nhiều thế ? Cần gì phải luật-sư » (làm như đá trúng số). Ông

Bà lại phải giảng cho bà nghe về những lý do tại sao phải đưa cho luật-sư (mà ông nghe lóm được của các bạn cùng số khi họ cũng đang mơ... trúng số một triệu như ông).

Mỗi kỳ số số, ông Ba đọc báo cùng với bà Ba (sau khi so số của mình và thấy trong sáu con số của số trúng một triệu, số ông Ba chỉ có một con, và số trúng 100\$, ông cũng chỉ trúng có... một con) kêu lên: «Số trúng một triệu kỳ này bán ở Huế» Bà lại tắc lưỡi tiếc rẻ «Xa quá nhỉ? Tiếc thật». Và nếu số trúng bán ở Saigon thì hên ông bà mừng rỡ làm như nổi hy-vọng của mình đã... gần lại một chút (1.200 cây số gần hơn) (Trong trường hợp ông Ba ở Huế thì ngược lại — xin bạn đọc hiểu ngầm hộ).

— Hai bộ quần áo «complet» thật sang để mặc trong dịp tết, ăn giỗ, ăn cưới v. v. ...

Hiện giờ ông Ba chỉ có một bộ cũ cất cách đây 4, 5 năm gì đó. Một Pa-ri, một Luân-Đôn đối với ông Ba cũng xa lạ như tin những tin đăng trên báo «Có sự rối loạn ở biên-giới Thổ-nhĩ-kỳ—Đo Thái» hay «Công Chúa Ma-ga-rét đến thăm quần đảo Antibes».

— Một tờ hàng ngày, Tự-Do Ngôn-Luận hay Saigon Mới, Tiếng Chuông. Nếu ông Ba đọc báo Ngôn-Luận thì ông sẽ đọc nhờ Tự-Do của một người bạn cùng số, nếu ông Ba đọc Saigon Mới thì ông sẽ đọc nhờ Tiếng Chuông (và ngược lại).

— Từ 20\$ đến 50\$ tiền lẻ (ít khi 50\$, trừ vào dịp đầu tháng, vì khi đó bà Ba sẽ chi thêm cho ông Ba; tiền hút đầu, tiền thuốc lá và tiền để trả mấy món nợ lật vạt các bạn cùng số).

— Hình ảnh lơ mơ của một người đàn bà mà nếu có thể (nếu có thể nghĩa là không bao giờ) ông sẽ cưới làm vợ bé, hay hình một cô gái ngày

xưa có cảm tình với ông. (Tôi xin chú thích để các bà Ba đọc đến đây chớ vội tra hỏi các ông Ba, tội nghiệp, xưa đây có nghĩa là... xưa lắm, xưa như trong truyện cổ tích ấy).

— Một bát phở (hay hủ tiếu) thật ngon ở một hiệu mà chủ nhật ông Ba dẫn bà Ba và con đến ăn.

— Một tờ giấy phép nghỉ ăn lương một tháng. («cho nó đã đời» ông Ba nghĩ như vậy vì trước đến giờ ông chỉ được nghỉ nhiều lắm là 3 ngày).

— Một cái giường thật rộng, đệm êm và màn «tuyệt». (Cái giường ông bà Ba nằm bây giờ ọp ẹp và cũ rùi. Tuy vừa mua được một cái mới nhưng bà Ba lại bắt ông nhường cho bạn trẻ năm, vì chúng phá khoẻ ghê gớm).

— Một món quà để tặng bà Ba. Các bạn đừng vội kêu lên như thế không hợp lý, vì người Việt-Nam trung bình đâu có đa cảm đến thế. Xin cái chính món quà ông Ba muốn mua hoặc là một bộ soong chao hay bát đĩa mới để làm bếp, hoặc một ít hàng vải rẻ tiền nhưng thật nhiều để bà Ba may quần áo, màn cửa v.v. ...

— Một cái ghế bành êm ái hay giản tiện hơn một cái ghế xích đu để ông ngồi đọc báo hay nghỉ ngơi và... bế đứa con ông quý nhất nhà (thường là con gái).

Đọc xong bài này chắc nhiều «ông bà» kêu lên: «Cái anh chàng viết bài này thật láo toét! Ở... kể ra cũng có điều đúng nhưng... còn thì sai hết, Làm gì có người Việt-Nam trung bình».

Tôi xin nói nhỏ một câu: «Người nào đọc xong mà nói hoặc nghĩ như trên tức cũng là một người Việt-Nam trung bình, một ông Ba».

Xin chào tất cả ông Ba (và các bà).

Kỳ sau: hình dáng, phục sức, thói quen, đức tính và thói xấu của ông Ba.

DUY-LAM.

CŨNG MỘT KIẾP NGƯỜI

nguyên tác của Th. DOSTOÏEVSKY bản dịch của Bảo-Sơn

Mỹ-Kính vừa cười vừa nói :

— Bây giờ các bà nhìn tôi lạ lùng quá thể, nếu tôi không làm vừa lòng các bà, chắc các bà sẽ giận tôi lắm... Không, tôi nói đùa đấy. Ở đây... ở trong cái làng Thụy-sĩ ấy, có nhiều trẻ con lắm... ngày nào tôi cũng chơi với chúng. Chúng cùng ở một làng, cả một bọn rất đông, cùng học một trường. Không phải là tôi đã dạy chúng học đâu. Chúng có thầy học của chúng là ông Bá. Cứ cho là đôi khi tôi có nói chuyện với chúng đi, nhưng phần nhiều chúng tôi chỉ ở chung với nhau thôi ; tôi đã sống như thế trong bốn năm mà chẳng cần gì khác. Tôi nói với bọn chúng đủ mọi chuyện, chẳng giấu giếm gì cả. Cha mẹ chúng thành ra tức giận vì lần dần lũ trẻ không thể rời bỏ được tôi nữa. Ông giáo về sau thành kẻ thù công nhiên của tôi. Tôi làm cho nhiều người ở đây ghét tôi chỉ vì lũ trẻ. Mà họ sợ cái gì kia chứ ? Tôi thì tôi cho là chuyện gì cũng có thể nói với trẻ con được tất. Tôi luôn luôn nghĩ không hiểu sao người lớn không mấy người hiểu biết trẻ con, ngay chính con cái họ, họ cũng không hiểu ! Đối với trẻ con, không nên giấu chúng nó

điều gì cả, đừng có bảo là chúng nó còn bé quá, nói ra với chúng nó sớm quá... Ý kiến thực là tai hại và đáng buồn ! Mà trẻ con thì chúng nó lại nhận thấy rằng cha mẹ chúng nó tưởng chúng nó còn nhỏ tuổi, còn ngây thơ lắm, thực tình ra thì chúng nó hiểu hết ! Người lớn đâu có biết rằng trẻ con có thể cho họ những ý kiến rất hay, ngay cả trong những vấn đề tế-nhị. Trời ơi là trời ! Thấy những con chim non xinh đẹp ấy nhìn mình một cách sung sướng và tin-tưởng như thế, mình đánh lừa rồi dối nó mà không xấu hổ sao ? Tôi gọi chúng nó là chim non vì ở trên đời này chẳng còn gì hơn một con chim non. Và lại, ở trong làng ấy người ta ghét tôi phần nhiều đều do những chuyện tình cờ cả.

« Còn ông giáo Bá, thì ông ấy chỉ ghen ghét với tôi thôi... Thoạt tiên, ông ấy chỉ lắc đầu ; ông lấy làm lạ thấy ở nhà tôi trẻ con cái gì cũng biết, mà ở nhà ông ấy thì trẻ con gần như chẳng biết gì cả. Rồi ông ấy nhạo tôi khi thấy tôi nói là mình chẳng có thể dạy được trẻ con điều gì mà trái lại chúng nó lại có thể dạy được mình.

Ông ấy thường ngày sống với lũ trẻ, không hiểu sao ông ấy lại có thể ghen ghét tôi và vu oan cho tôi được. Trẻ con làm cho tâm-hồn mình đỡ đau khổ nhiều lắm...

« Ở bệnh-viện của Trần-Nam có một bệnh-nhân, một người thực là khổ sở, tưởng không ai khổ sở bằng ! Người ấy ở chữa bệnh điên, nhưng theo ý tôi thì người ấy không phải điên, người ấy đau khổ quá và bệnh chỉ có thế. Các bà có biết người ấy coi tội trẻ con ra làm sao không?... Nhưng thôi truyện này tôi sẽ kể sau; bây giờ để tôi hãy kể truyện kia cho các bà nghe đã.

« Lúc đầu bọn trẻ con không đùa nào tra tôi cả. Tôi vừa lớn quá lại vừa vụng quá... tôi lại còn là người ngoại-quốc nữa. Lúc đầu, chúng chế nhạo tôi khi bắt gặp tôi đương ôm Mai-Lệ, chúng lấy đá ném tôi. Mà tôi chỉ ôm Mai-Lệ có mỗi một lần!... Ấy các bà đừng có cười tôi — Mỹ-Kính nói chận cái cười đang chớm trên môi mấy người bạn gái — Phải là tôi yêu đau khổ. Nếu các bà thấy Mai-Lệ khổ khổ như thế nào chắc các bà cũng thương hại Mai-Lệ như tôi. Mai-Lệ là người làng ở đây, là mẹ thì đã già lắm rồi; có một cái nhà con đồ nát có hai cửa sổ, được các ông kỳ-mục trong làng cho phép dùng một cửa sổ để bày bán kim chỉ, sà-phòng, vật-vãnh dăm ba xu đủ sống. Bà đau ốm, hai bàn chân bị phù lên chỉ ngồi một chỗ không đi đâu được. Mai-Lệ tuổi độ hai mươi, người gầy còm yếu đuối; nàng bị bệnh đau ngực từ lâu, nhưng vẫn cứ ráng làm những công-việc nặng nhọc, như người đi làm mướn, lau nhà, quét sân, giặt giũ, chần bò. Một anh mai-bản người Pháp đã quyến rũ nàng, đem nàng đi

trốn nhưng được một tuần lễ sau thì bỏ rơi nàng ở dọc đường. Nàng phải đi ăn xin để trở về nhà, người bần thiêu, quần áo rách rưới. Nàng phải đi bộ suốt một tuần lễ, ngủ đêm ở giữa cánh đồng thành bị cảm lạnh. Chân bị đầy những vết thương, tay thì nề xưng lên. Và lại cả người nàng chẳng có chỗ nào coi được, chỉ trừ hai con mắt là trông ngầy thơ dịu-dàng. Nàng lại rất ít nói. Từ trước, có một lần, nàng vừa làm việc vùnhát; tôi nhớ lúc bấy giờ mọi người đều ngạc nhiên đến nỗi nhạo cười nàng:

« Chà ! Mai-Lệ mà cũng biết hát kia đấy à ! » Thế là nàng sợ và không bao giờ dám hát nữa. Lúc ấy, mọi người còn có ít nhiều cảm tình đối với nàng; nhưng từ khi nàng đi theo trai trở về ốm đau tiều-tụy, không một người nào còn tỏ ra có lòng nhân-đạo đối với nàng nữa. Sao mà họ ác đến thế ! Họ sử thực là tàn nhẫn ! Mẹ nàng là người thứ nhất thấy nàng về thì tức giận hất-hủi và mắng nhiếc nàng : « Mày làm nhục tao ! » Nhưng chính bà đã xô đẩy nàng vào cảnh tủi nhục. Ở làng khi người ta biết Mai-Lệ đã về, họ kéo nhau tới xem; cả làng kéo tới đóng nghịt cả nhà, già có, trẻ có, đàn bà có, con gái có, cả bọn chen-chúc, náo-nức. Mai-Lệ quỳ dưới chân mẹ, tạ-tội, đói khát, nàng khóc. Khi bọn người xúm lại, nàng lấy tóc che và cứ quỳ như thế úp mặt xuống đất. Mọi người quay xung quanh nhìn nàng như một con vật đơ bản, bọn đàn ông già kết tội nàng, sỉ nhục nàng, nhìn nàng một cách ghê tởm. Bà mẹ để mặc cho mọi người muốn nói gì thì nói, bà chỉ ngồi im, lắc đầu và cho người ta nói phải. Lúc bấy giờ bà đã ốm nặng có thể nói là đương hấp-hối; quả nhiên hai

tháng sau bà chết ; bà biết là bà sắp chết, nhưng phút cuối cùng bà vẫn không chịu làm lành với con gái ; bà không thèm nói với nàng nữa lời, bắt nàng phải ngủ ở một số lều và chỉ cho ăn chút đỉnh. Bà thường phải ngâm chân đau vào nước nóng. Mai-Lệ ngày ngày rửa chân cho bà, săn sóc bà, bà im-lặng để cho nàng săn sóc nhưng không bao giờ nói với nàng được một câu tử-tế. Mai-Lệ chịu đựng tất cả ; về sau, khi tôi đã quen nàng, tôi mới biết nàng cho thế là phải và tự coi mình là kẻ hèn-hạ nhất đời. Khi bà mẹ nằm liệt giường liệt chiếu, không ngồi dậy được nữa, các bà già trong làng cất lượt nhau đến săn-sóc bà, vì tục làng như thế. Người ta không cho Mai-Lệ ăn nữa, nàng đi đến đâu người ta xua đuổi đến đấy, không một người nào ở trong làng muốn đưa việc cho nàng làm cả. Hình như người ta muốn nhào vào mặt nàng, ngay bọn đàn ông cũng không còn coi nàng là một người đàn bà nữa, họ nói với nàng đủ các câu tục tũ. Đôi khi, mà cũng hiếm khi lắm, một vài anh nghiện rượu, ngày chủ nhật sau khi đã say sưa rồi, vút cho nàng vài ba đồng xu để giễu chơi ; nàng chỉ lẳng lặng cúi mặt lấy. Nàng đã đến lúc ho ra máu. Rồi quần áo rách mướp của nàng thành ra những mụn dẻ tả tơi đến nỗi nàng xấu hổ không dám thò mặt đi tới đâu nữa. Từ khi nàng trở về làng, nàng phải đi đất.

Rồi lý trẻ con — cả một bọn đến bốn mươi đứa học-sinh — rủ nhau trêu chọc nàng, ném cả bùn vào nàng. Nàng đã phải xin người chăn bò cho nàng chăn bò, nhưng chàng đuổi nàng đi. Mặc dầu nàng cứ đi theo đàn súc-vật, suốt ngày ở ngoài cánh đồng

và giúp chàng chăn bò được rất nhiều việc. Chàng ta thấy vậy cũng động lòng không đuổi nàng đi nữa, đôi khi lại vút cho nàng một ít cơm thừa canh cặn, và coi như là đã gia ân huệ cho nàng ghê gớm lắm.

« Khi bà mẹ chết, ông mục-sư đã không biết xấu hổ, công-khai làm nhục nàng ở giữa nhà thờ. Nàng đứng sau linh-cữu quần áo rách tả tơi như lúc thường, mặt đầy nước mắt. Nhiều người xúm lại xem nàng khóc ra làm sao ; thế là ông mục-sư — tính người còn trẻ và có tham-vọng thành một nhà truyền-giáo đại tài — chỉ Mai-Lệ nói : « Đây là kẻ đã gây ra cái chết của người đáng kính mến này (điều này thực không đúng, vì người chết đã mang bệnh từ hai năm trước kia rồi). Kẻ ấy đứng ngay đây trước mặt các con, chân dẫm đất, quần áo rách tả tơi, không dám ngừng mặt lên nhìn ra xung quanh, vì ngón tay của Chúa đã vạch mặt kẻ ấy ; đây là một tấm gương cho những kẻ mặt hết đức tính. Mà kẻ ấy là ai ? Chính lại là con gái của người xấu số đã sinh ra ! » Và ông cứ một điều ấy nói mãi.

Và, các bà có thể tưởng tượng được không, hầu hết mọi người nghe những lời hèn hạ ấy lấy làm hả hê lắm... Nhưng có một điều trái ngược là bọn trẻ con lại về phe với Mai-Lệ, vì lúc bấy giờ chúng đã ngã sang phía tôi và bắt đầu thương Mai-Lệ. Đầu đuôi câu chuyện như thế này: tôi có ý muốn giúp đỡ Mai-Lệ, như vậy phải có tiền, mà tôi thì một xu không dính túi.

Tôi có một chiếc chằm nam kim-ương. Tôi đem bán cho một anh lái buôn đạo, đi từ làng họ sang làng kia

bán những quần áo cũ. Anh ta trả cho tôi tám đồng bạc mà tôi thì biết chắc là chiếc chàm trị-giá những bốn mươi đồng. Tôi tìm cách gặp Mai-Lệ một mình ; tôi phải đợi lâu lắm một hôm mới gặp nàng ở bên cạnh chiếc hàng rào trên một con đường nhỏ đi lộn núi ngoài địa-phận làng, gần một cái cây. Tôi đưa cho nàng tám đồng và căn-dặn nàng đừng tiêu phí phạm vì tôi hết tiền rồi, và tôi ôm lấy nàng để tỏ cho nàng biết tôi không có tà tâm một chút nào, và tôi ôm nàng đây không phải là tôi có tình ý gì với nàng mà chỉ vì tôi thương hại nàng, ngay từ lúc đầu tôi thấy nàng đáng thương chứ không đáng tội. Tôi lại còn định an ủi nàng, bảo nàng không nên tự hạ mình trước mặt mọi người như thế, nhưng hình như nàng không hiểu. Tôi nhận ngay thấy điều ấy, mặc dầu nàng đứng im từ đầu, cúi gằm mặt xuống xấu hổ lắm. Nghe tôi nói xong, nàng hôn tay tôi ; tôi cũng muốn cầm tay nàng hôn lại, nhưng nàng rút phắt ngay lại. Lúc bấy giờ lũ trẻ nhô ra, cả một bầy đoàn ; thấy chúng tôi, chúng nó huýt sáo miệng và vỗ tay cười ; về sau tôi mới biết là chúng nó vẫn đi theo rình tôi từ lâu rồi. Mai-Lệ vội chạy mất. Tôi định nói nhưng lũ trẻ lấy đá ném tôi. Ngay hôm ấy, cả làng đều biết chuyện ; mọi tội lỗi lại đổ lên đầu Mai-Lệ ; người ta lại ghét nàng hơn. Tôi nghe nói dân làng định lôi nàng ra trị, nhưng may sao họ lại không thi-hành. Song từ đấy lũ trẻ con không dờn nàng một bước, chúng ném đất trên chộc nàng dữ hơn trước ; tôi luôn luôn thấy nàng bị lũ trẻ gào thét đuổi nàng chạy vào không ra hơi ; một hôm tôi xông vào bọn chúng để bênh vực nàng. Tôi nói chuyện với chúng, ngày nào tôi cũng nói, có dịp là

tôi nói. Đôi khi chúng cũng đứng lại để nghe, song miệng vẫn lẩm bầm chữi. Tôi nói cho chúng biết tình-cảnh nàng khổ sở biết chừng nào ; chẳng bao lâu chúng thôi không la lối nữa và yên lặng bỏ tôi đi. Lần lần tôi với chúng nó bắt đầu tranh-luận với nhau, tôi không giấu chúng điều chi cả ; chúng để ý nghe tôi và thương Mai-Lệ. Lúc trước không một ai chào hỏi gì nàng cả ; vì ở đây dân làng có tục gặp nhau thì chào hỏi, ngay đối với người xa lạ cũng vậy. Tôi biết là Mai-Lệ thấy chúng chào hỏi thì ngạc-nhiên lắm.

« Một hôm, lũ con gái kiếm dâu được thức ăn đem cho Mai-Lệ rồi về khoe với tôi. Chúng bảo Mai-Lệ sướng quá đến phát khóc và bây giờ chúng mến nàng lắm. Chẳng bao lâu trẻ con đũa nào cũng mến nàng ; đồng thời chúng mến cả tôi nữa. Chúng hay đi kiếm tôi bắt tôi kể chuyện cho nghe ; có lẽ tôi có tài kể chuyện vì chúng thích nghe lắm. Về sau tôi học và đọc nhiều sách mục-dịch chỉ để kể lại cho chúng nó nghe ; suốt ba năm tôi kể cho chúng nó chẳng thiếu một chuyện gì, Mọi người dám ra trách tôi, cả Trần-Nam cũng vậy, vì tôi nói chuyện với bọn trẻ coi như nói với người lớn ; không giấu giếm chút gì cả. Tôi trả lời mọi người rằng nói dối trẻ con không tốt, dù người ta cố dấu sự thực, chúng đều biết hết rồi, hoặc chúng nó sẽ học và biết đâu chẳng học lều láo, còn trái lại chúng không học điều gì lều láo ở tôi cả. Nhưng họ đâu có đồng ý như vậy.

« Tôi lại ôm Mai-Lệ một lần nữa, trước khi mẹ nàng chết hai tuần lễ. khi ông mục-sự thuyết-giáo thì tất cả lũ trẻ con đã về phe tôi rồi. Tôi kể ngay cho chúng biết chuyện và giải-

thích cho chúng hiểu thái-độ của ông mục-sư ; tất cả chúng nó đều nài công phần ; có vài đứa vác ngay đá đến đập phá cửa kính nhà ông mục-sư. Mọi người lại còn lo ngại khi được tin lũ trẻ thương mến Mai-Lệ, Mai-Lệ thì cố nhiên là sung-sướng rồi. Người ta lại cấm cả trẻ con gặp gỡ Mai-Lệ, nhưng chúng trốn đi gặp nàng ở chỗ thả bò ; chỗ này cũng khá xa, cách làng đến hơn nửa cây số. Chúng đem cho nàng quà. Có đứa chỉ cốt chạy đến để ôm lấy nàng và nói : « Em yêu chị lắm », rồi lại chạy về làng cho thật nhanh. Mai-Lệ phát điên lên vì cái nỗi vui sướng bất ngờ ấy ; nàng không thể tưởng rằng câu truyện lại có thể như thế được. Nàng sung-sướng và ngộ-ngàng ; bọn trẻ con, nhất là những đứa con gái, thành ra quen lệ đến nhà nàng để bảo nàng rằng tôi yêu nàng lắm và tôi chỉ nói chuyện về nàng thôi. Chúng bảo nàng rằng chính tôi chỉ nói hết mọi chuyện cho chúng nghe và bây giờ chúng thương nàng và yêu nàng, và chúng sẽ cứ thương yêu như thế mãi mãi. Rồi chúng lại hôn-hở chạy đến tìm tôi chăm chăm chỉ cốt khoe với tôi rằng chúng đã tới thăm Mai-Lệ và Mai-Lệ gửi lời thăm tôi. Buổi chiều, tôi đi đến gần thác nước ; ở đấy có một chỗ trồng bạch dương che khuất về phía làng ; bọn trẻ con tụ họp nhau ở xung quanh tôi, có đứa lại nấp trốn nữa. Hình như mối tình của tôi đối với Mai-Lệ là cả một sự vui mừng cho chúng nó. Chỉ có mỗi một điểm ấy là tôi đã lừa dối chúng suốt trong thời kỳ tôi ở đấy. Tôi không nỡ nói thật với chúng là tôi không yêu Mai-Lệ nghĩa là tôi không có tình ý gì với nàng cả, mong cho câu truyện đúng như chúng đã tưởng tượng và quyết

đoán với nhau. Vì thế cho nên tôi làm thinh và coi như chúng đã đoán trúng. Lòng thơ dại chúng đã tỏ lộ dự hiện đa cảm biết chừng nao. Thí dụ một điều này : chúng cho là anh chàng Mỹ-Kính tốt bụng của chúng nó không thể nào thương được Mai-Lệ nếu Mai-Lệ cứ đi chân không và ăn mặc rách rưới như thế. Các bà có thể tưởng tượng được không, chúng nó đi kiếm ở đâu ra không biết nào giày, nào bó-tát, nào quần áo lót và cả một cái áo dài nữa cho Mai-Lệ. Tôi chịu không hiểu được chúng nó đấy ; mà chắc là cả bọn đã nhúng tay vào việc này. Tôi hỏi thì chúng chỉ cười ; bọn con gái nhỏ vỗ tay reo và ôm lấy tôi.

« Đôi khi tôi lên đến thăm Mai-Lệ. Nàng đã ốm nặng và chỉ đi được vài bước ; sau nàng phải nghỉ giúp việc cho người chăn bò, nhưng nàng vẫn đi theo đàn bò. Nàng ngồi tránh ra một nơi, gần một mỏm núi lớn mọc sừng sững thẳng băng. Suốt ngày từ sáng cho đến lúc đàn bò về trại, nàng ngồi im lặng trên một tảng đá ở một góc khuất, nàng yếu đến nỗi không buồn nhúc-nhích, hai mắt nhắm lại, đầu tựa vào mỏm núi, nửa thức nửa ngủ ; người ta nghe thấy hơi thở nàng rờn rập. Mặt nàng gầy gò cả xương ra. Mồ hôi toát ra đầm trán và hai bên thái-dương. Tôi gặp nàng thì thấy nàng như thế. Tôi chỉ đến một lát thôi vì sợ có người trông thấy. Tôi vừa ló người ra thì nàng rùng mình, mở mắt ra và nhẩy sột, lại hôn tay tôi. Tôi không rút tay ra nữa vì đó là hạnh-phúc cho nàng ; tôi ở đấy lâu chừng nào thì nàng run khóc chừng nấy. Quả thực một đôi khi

nàng có nói nhưng khó hiểu quá thành ra ăn nói huyền thiên như người điên.

« Đồi khi lũ trẻ cùng đi với tôi ; chúng quen lệ đứng hơi xa xa để trông chừng những chuyện bất ngờ có thể xảy ra và chúng lấy thế làm khoái lắm. Khi chúng tôi từ biệt Mai-Lệ, nàng ở lại một mình, nhắm mắt lại và tựa đầu vào mỏm đá không nhúc-nhích ; có lẽ nàng mơ mộng điều gì chẳng.

« Một buổi sáng nàng không thể đi theo đàn bò được nữa, đành phải nằm trong căn nhà trống trải. Bọn trẻ con biết kéo nhau đông đủ đến thăm nàng không thiếu đứa nào. Nàng nằm một mình trên giường, luôn hai ngày như thế. Chỉ có bọn trẻ con săn sóc nàng ; nhưng về sau ở trong làng biết nàng sắp chết, có một vài bà già đến trông coi nàng. Hình như người ta cũng bắt đầu thương hại nàng hay ít ra không ai chửi rủa nàng, và ngăn cấm lũ trẻ con nữa. Mai-Lệ nằm lúc nào cũng thiêm thiếp, ngủ không yên giấc. Nàng ho dữ lắm. Các bà già đuổi lũ trẻ đi, nhưng chúng lại chạy ngó vào cửa sổ chỉ cốt để chào nàng một tiếng : « Chị nằm nghỉ nhớ, chị Mai-Lệ ! » Và Mai-Lệ hé mắt thấy hay nghe tiếng chúng nó là tỉnh ngay lại, mặc các bà già muốn nói gì thì nói, nàng cố nhồm dậy ra hiệu cảm ơn lũ trẻ, cũng như lần trước, chúng đem đồ ăn lại cho nàng, nhưng nàng gần như không ăn được nữa. Nhờ có lũ trẻ mà nàng đã chết một cách có thể gọi

là sung sướng, tôi dám chắc như thế, nhờ có chúng nó mà nàng đã quên được nỗi đau khổ, vì đến tận phút cuối cùng mà nàng vẫn tự cho mình là kẻ có tội lớn.

« Lũ trẻ giống như đàn chim non, sáng sáng đập cánh vào cửa sổ phòng nàng kêu lên mấy tiếng : « Chúng em yêu Mai-Lệ lắm, chúng em thương Mai-Lệ lắm ». Chẳng bao lâu nàng chết. Tôi cứ tưởng nàng còn sống dai-dẳng. Buổi chiều trước hôm nàng chết, lúc trời gần tối, tôi có lại thăm nàng ; hình như nàng nhận ra tôi. Lần cuối cùng tôi cầm tay nàng. Ôi, bàn tay sao mà gãy đến thế ! Thế rồi sáng hôm sau người ta đến báo cho tôi biết tin Mai-Lệ đã chết. Không ai làm thế nào ngăn giữ được lũ trẻ con nữa. Chúng rắc hoa đầy lên áo quan nàng ; chúng kết một vòng hoa đặt lên đầu nàng. Tới nhà thờ, ông mục-sư không nói xấu nàng nữa. Rất ít người tới dự tang lễ nàng. Họ có đến cũng vì tò mò mà đến. Nhưng tới lúc người ta phải khênh áo quan nàng lên, thì tất cả trẻ con đều ùa tới đề khiêng. Chúng nó bé quá không khiêng nổi, đành chỉ đỡ tay thôi ; tất cả vừa đi theo đám tang vừa khóc.

« Ngôi mộ của Mai-Lệ thành nơi sùng kính của chúng. Chúng đem hoa đến rắc và trồng hồng khắp chung quanh mộ ».

BẢO-SƠN dịch

(Đây là một đoạn trích trong cuốn tiểu-thuyết Anh chàng Ngốc của nhà đại văn-học của nước Nga và của thế-giới).

THẠCH LAM

*Có nhiều bạn gửi thư
hỏi về Thạch-Lam, chúng
tôi xin cống hiến dưới
đây chút ít tài liệu :*

Bảo Sơn viết _____

Thạch-Lam sinh năm 1909 có ba tên thay đổi trong những trường học kỳ lạ. Thạch-Lam tên thật là Nguyễn-tường-Sáu, năm 14 tuổi thi đậu bằng Tiểu-Học, năm sau mới có 15 tuổi không đủ 20 tuổi để thi bằng Thành-Chung nên đổi tên là Nguyễn-tường-Vinh. Đậu Thành-Chung, Thạch-Lam được chọn vào học trường Cao Đẳng Canh Nông. Học ở trường này được một năm, Thạch-Lam thấy không thích hợp với chí hướng nên tự luyện đề thi bằng Tú-Tài. Thạch-Lam lại phải rút số tuổi xuống. Nên đổi tên lần nữa là Nguyễn-tường-Lân. Thạch-Lam thi đậu ngay Tú-Tài năm ấy mới đúng 17 tuổi (tuổi thật).

Hồi Thạch-Lam mới đậu bằng Thành-Chung, ông Hồ-Trọng-Hiểu, nhân-viên Sở Tài Chính đã có mấy câu thơ khen tặng :

*Gửi lời mừng bác Nguyễn-tường-
Vinh*

Đáng bậc thần-đồng bạn học-sinh,

Năm trước vừa an kỳ tốt nghiệp

*Ngày nay đã chiếm bằng Chung-
Thành (Thành-Chung).*

.....

Năm 1930, khi Nhật-Linh về nước định ra báo «Tiếng Cười» thì ông viết bài phi lộ «Sầu Thảm Quá Rồi» — Bài này về sau Phong-Hóa Tuần Báo có đăng lại.

Trong những tờ Phong Hóa số đầu, Thạch-Lam viết những bài lặt vặt như «Một năm ở Cao-Đẳng» những bài xã-thuyết và những bài có tính cách phóng-sự như : «Hà-nội, ban đêm» Trước Tết, Tết, và Sau Tết», «Tiệc Đồi Lim», dưới bút danh là Việt-Sinh.

Truyện ngắn đầu tay ký tên Thạch-Lam là truyện «Cố Thúy».

1935 Nguyễn-tường-Lân làm chủ-bút tuần báo Ngày Nay, bắt đầu từ tập số 2.

Ông có vợ sinh được một gái, hai trai. Ông không bao giờ đi làm, chỉ viết báo đến 1943 ông qua đời vì bệnh tràng nhạc tại nhà ông ở bên bờ Hồ Tây. Trong cuốn Theo Giòng, Thạch-Lam có tả cảnh nhà này.

Những tác-phẩm của Thạch-Lam đã xuất bản có : Sợi Tóc, Hà-nội 36 phố phường, Nắng Trong Vườn, Gió Đầu Mùa, Ngày Mới, Theo Giòng.

Chưa xuất bản có : Một Năm ở Trường Cao-Đẳng, Hà-nội Ban Đêm.

có viết một truyện dài nhưng dở dang thì chết, mà tập bản thảo cũng bị thất lạc luôn, trong cơn ly loạn.

Ngoài ra, năm 1940 Thạch-Lam

CÂU ĐỐI.

- Tết nhất con tầu ! nợ chó gì, tôi ba mươi đã cáo cùg, còn dè diều mải.
- Xuân thập bất mãn ! Mè gà dậu trình sư tử, đành hồ người nhưng cóc cần chi.

MỘT ANH TINH NGHỊCH

Ba Éch đi thơ thẩn ở ngoài phố. Ba Éch buồn không biết làm cái gì cho khuây. Bỗng gặp thầy đội xếp đường hỏi thẻ những người qua đường. Éch nhìn thầy đội như người tìm đường lẩn, rồi Éch cầm đầu chạy không quay cò lại. Thầy đội thấy Éch khả nghi cũng cầm đầu chạy theo. Éch thấy cái xe điện chạy ngang... Éch nhẩy, lên thầy đội nhẩy theo. Nhưng lệ thường trên xe điện, xe hoá thì không có quyền bắt ai. Bởi thế thầy đội cứ ngồi mà nhìn Éch. Éch vờ như không biết thầy đội vậy. Xe chạy được một quãng nhân lúc thầy đội sơ ý, Éch nhẩy xuống. Thầy đội quay lại không thấy Éch đâu, lại nhẩy xuống theo nhìn tứ phía, thì thấy Éch đứng ở đầu phố, quay mặt đi ung dung chằm

điều thuốc lá hút phì phèo, từ từ bước một..

Thầy đội hỏi :

— Anh kia, thẻ đâu ?

— Thầy hỏi gì ?

— Thẻ đâu ?

— Thẻ à ?

— Ừ.

— Đây... thẻ đây.

Rồi Éch móc túi đưa thầy đội xem thẻ, thầy đội ngắm nghía hồi lâu, thấy có thẻ hẳn hoi, tức quá, gắt :

— Sao lại chạy ?

— Làm sao ?

— Sao anh có thẻ anh lại chạy.

— Ô hay ! Cấm chạy à !

ĐỒNG HÀO MỜI



của Thạch-Lam

SÁNG mồng một, Tiến được thầy me mừng tuổi cho hai hào, và bà mừng tuổi cho một đồng năm xu mới, thế vị chi là đi hai mươi lăm xu. Tiến sung sướng quá, không bao giờ Tiến giàu như bây giờ, ấy là không kè, buổi chiều vào họ ngoại thế nào cũng được thêm vài hào nữa là ít.

Nghe tiếng tiền kêu trong túi, Tiến bỗng nhiên thấy cái cần phải đi khoe với anh em bạn. Xúng xính trong chiếc áo đoạn mới, Tiến mở cửa phố sau đi ra phố chợ. Vì Tiến không muốn đến tìm Bình hay Đắc là hai anh con nhà giàu, thường vẫn có tiền, Tiến muốn tìm đến lũ thằng Hoắc, thằng Lê, con bác phu gạo và kéo xe, để khoe đồng hào và đồng năm xu. Chúng nó mới thêm tiền chứ! Vì Tiến chẳng thấy chúng có đến năm xu bao giờ.

Qua quán đa, Tiến đã thấy mấy anh chị em thằng Hoắc đang chơi xác pháo nhạt với nhau ở giữa đường. Thấy Tiến đến, chúng dừng lại nhìn. Tiến sung sướng vỗ vào túi áo, và bảo:

— Tao có tiền đây này.

Hào và xu kêu long-keng. Anh em

em thằng Hoắc đều đứng quay lấy Tiến, thằng Hoắc hỏi:

— Mày có bao nhiêu? Xem nào.

Tiến móc tiền trong túi ra, vừa nói:

— Hào mới lắm cơ. Cả đồng năm xu cũng mới.

Tiến xoè bàn tay cho chúng xem.

Thằng Hoắc rụt rè đưa ngón tay mân mê đồng hào, nói « ừ nhỉ » trong lúc các em nó trở mắt ra như, ra dáng thèm muốn lắm. Tiến lại càng thấy liêu hãnh và thích thêm.

Nhưng chợt ngừng lên, Tiến trông thấy con Hào, em thằng Hoắc đứng lui về phía sau anh, mắt đưa xuống đất, có vẻ buồn rầu, Tiến hỏi:

— Mày làm sao thế, Hào?

Hào là đứa bé gái vẫn chơi với Tiến mọi ngày, nên Tiến mến nó lắm. Không thấy Hào trả lời, anh nó nói hộ:

— Nó không có tiền đấy. Nó có một hào của cô nó cho từ hôm phiên chợ, thì hôm qua u lại lấy để mua vàng hương mất rồi.

Có cái gì xúc động qua lòng Tiến. Hình như Tiến phải cho nó một hào

thì phải. Nhưng Tiến tiếc đồng hào, tiếc cả đồng năm xu, nên Tiến yên lặng. Tiến nhập bọn với chúng chơi dốt pháo. Thình-thoảng lại dừng lại ngẩng lên nhìn Hào, và đề tiếc tiền không muốn cho. Cứ thế đến năm, sáu bận. Cuộc chơi thành mất vui; Tiến bỏ ra về.

Đi vài bước xa, Tiến lại quay lại, lại quay đi. Rồi dừng lại. Tiến lại bước về. Gần đến nhà, Tiến quay lại lần nữa, rồi bỗng chạy đến cạnh Hào dúi vào tay nó một đồng hào, xong ù chạy về nhà.

Chị Tiến đang ngồi xếp bánh, thấy Tiến chạy vào, mặt đỏ, bèn hỏi :

— Tiến đi đâu về thế ?

— Em chơi ở ngoài chợ.

Tiến muốn nói với chị việc cho tiền Hào, nhưng sợ không dám. Song Tiến cũng muốn nói dần dà đến :

— Này chị ạ, con Hào nó chả có đồng xu nào.

— Thế à ? Nhà nó nghèo thì làm gì có.

Chị Tiến vẫn ngồi xếp bánh như thường. Tiến yên lặng một lúc rồi ngập ngừng :

— Này chị, em... em vừa mới cho nó một hào.

Chị Tiến dừng tay xếp bánh lại, ngẩng lên nhìn Tiến, ngạc nhiên hỏi :

— Sao lại cho nó ? Sao em dại thế ?

Tiến không biết đáp làm sao, nhưng Tiến bỗng nhiên không thấy tiếc nữa. Tiến lảng-lặng quay đi, và suốt ngày hôm ấy Tiến cảm thấy mình sung sướng, vui vẻ lạ.

THẠCH-LAM.

KHI CÁC BÀ CÁC CÔ ĐI KHÁM BỆNH

Vị bác-sĩ già sau khi khám cho khách hàng, vui vẻ tuyên-bố :

— Thưa bà, tôi xin báo cho bà biết một tin mừng...

Nữ-bệnh-nhân vội cải-chính :

— Xin bác-sĩ đừng vội gọi tôi bằng bà, tôi chưa lập gia-đình.

— Xin lỗi cô ! Vây tôi xin báo cô một tin buồn... là cô đã có mang.

(Phỏng theo báo tuyên-lựa).

KHI CÁC CÔ ĐI MUA NƯỚC HOA

Trong một cửa hàng ở đường Lê-Lợi, một ông đứng tuổi có vẻ thuộc phe sợ vợ đang đứng lúi húi chọn ca-vát. Mấy cô nữ-sinh đứng thì thào bàn tán ở một góc rồi một cô mở nắp lọ nước hoa vừa mua, đón đến gần giở vài giọt lên vai ông khách. Sau đó các cô ùa ra cửa cười khúc khích, nói nhỏ với người bán hàng :

— Đừng nói cho ông ấy biết... Về nhà hôm nay thế nào ông ta cũng bị bà vợ cho một trận.

(Phỏng theo báo tuyên-lựa).

đi hái lộc



của Hoàng-Đạo

Tường uống cạn chén chè nóng rồi nói với tôi :

— Không bao giờ người đời có thể tuyệt vọng được.

Rồi không đợi tôi cãi lại, anh nói luôn :

— Anh có đi hái lộc bao giờ không ? Thật là một nghề thú không hai. Tiếng pháo nổ ran xa gần. Con đường tối nhấp nhô bóng người. Những cô con gái cười rúc rích. Chung quanh là đêm. Trên đầu, sao lấp lánh trong lá cây lẫn nền trời. Năm mới bắt đầu, và với sự mới mẻ ấy, một hy-vọng non như mầm lộc nảy nở trong lòng người.

Hồi tôi còn nhỏ, đi hái lộc ở chùa làng tôi, thường hay gặp một bà cụ già. Lúc ấy, bà cụ bận một cái áo mà tôi đoán chừng là áo đẹp nhất của bà cụ, một chiếc áo bông cũ, vá đụp không liết bao nhiêu mảnh. Bà cụ tươi như bông hoa, vừa đi vừa nói chuyện, thản nhiên cười lại đề nhỏ quét trầu. Và lúc hái xong, bà cụ vái vụng tứ phương nét mặt hoan hi như

sắp được sống những ngày sung sướng lắm.

Cứ mỗi năm, tôi lại được gặp bà cụ vào đêm giao thừa. Bà cụ mỗi tuổi một già thêm và tôi nhận thấy chiếc áo bông vải bà cụ một ngày một nhiều mụn vá hơn và đến mấy năm sau đây, thì tóc cụ đã bạc phơ và áo đã rách. Nhưng cụ vẫn vui vẻ hái lộc, và vẫn vái vọng tứ phương, trên mặt hiện đầy hy-vọng.

Một năm, tôi không thấy cụ đến. Tôi in trí rằng bà cụ đã chết. Nhưng mấy hôm sau, tôi hỏi người vú, mới biết là bà cụ trong năm nghèo khổ quá, con chết, phải sang ở nhờ nhà cháu. Và đêm giao thừa vừa rồi, bà cụ ốm nặng không dậy được, than thở mãi với cháu :

— Tội nghiệp ! Năm nay già không đi hái lộc được.

Dùng một giây, Tường nói tiếp :

— Ai muốn bảo sao thì bảo, người ta không bao giờ tuyệt vọng hết.

HOÀNG-ĐẠO.



CON THUYỀN NGƯỢC NƯỚC

Của Nhất-Linh

Đi đến đầu một cái gò đất, chúng tôi đứng dừng lại, ngắm sông nước. Bạn tôi đắm đắm nhìn ra xa, gió sông lồng lộng thổi, mái tếc bay tới tấp ; trông mắt bạn tôi lúc bấy giờ có vẻ quả quyết, trên môi nở một nụ cười, nụ cười của kẻ bắt đầu biết tin ở sức mình, bắt đầu hy vọng. Đang nói truyện, chúng tôi phải lùi lại để nhường lối cho một người kéo dây thuyền. Con thuyền đang từ từ tiến lên vừa đến chỗ mỏm đất, nước chảy xiết, nên dừng ngay lại, nước cuộn rào rào hai bên mạn ! Người kéo dây cũng đứng dừng lại, ngã người về đằng trước, chân bám chặt lấy đất, hai tay ghì riết lấy sợi dây mây căng thẳng băng. Trong lúc người ấy đứng yên như tượng gỗ, hết sức bình sinh chống chọi với sức nước chảy, không chịu lùi bước, thì trên thuyền một người

dàn bà và một đứa con gái nằm rạp xuống uốn mình chống con sào. Thuyền tiến lên được một quãng rồi lại lùi xuống chỗ cũ. Một lát, tiếng người bảo nhau :

— Con nước nhẹ !

Rồi trong khoang, một bà cụ bò rất nhanh lại đằng cuối thuyền cầm lấy tay lái. Người đàn bà và đứa con gái chạy tới tấp tìm chỗ đứng rồi lại như ban nãy nằm rạp xuống chống cong con sào. Chiếc thuyền con bị hai sức ngược nhau, sức nước và sức người, chồm lên như cố vượt chỗ nước soáy. Giáng gò găm của mấy người đàn bà mảnh giẻ uốn cong lưng nằm rạp xuống mũi, tiếng gió vù vù và tiếng vạt áo gió thổi lạch bạch, tiếng nước réo, tiếng người hò nhau diễn ra cái cảnh tượng hoạt-động của

một cuộc chiến-đấu ráo riết, gay go. Bạn tôi và tôi như cùng cảm thấy cái vẻ đẹp oanh liệt tung bừng của cuộc chiến-đấu giữa hai sức mạnh ngược nhau ấy. Vượt lên khỏi chỗ nước chảy xiết, mấy người đàn bà xếp sào lại, để mặc người kéo dây cho thuyền từ từ tiến lên.

Cuộc vật lộn vừa tình cờ diễn ra trước mặt chúng tôi rồi đây sẽ là biểu hiệu cho đời thiếu-niên chúng tôi

quả quyết hành-động đề mà tiến lên, không chịu lùi vì sức nước ngược. Cuộc vật lộn ấy có một sức cảm hoá bạn tôi mạnh hơn những lời nói của tôi nhiều. Cuộc vật lộn ấy nhắc lại cho chúng tôi một lần nữa rằng : phải mạnh mẽ mà sống, sống đề hành-động. Cái đời của tôi, của bạn tôi, của hết thầy các bạn thanh-niên trí thức phải là cái đời linh-hoạt.

NHẤT-LINH.

KHI CÁC BÀ ĐI MUA MÁY MÓC.

Trong một cửa hàng bán máy thu thanh, một bà hỏi người bán hàng :

— Ở đây ông có máy nào mà trẻ con không thể mở nghe một mình không ?

(Phỏng theo báo tuyên lỵ).

CÁC CÔ CÁC BÀ VỚI NƯỚC.

Một phái-đoàn nữ-sinh đi thăm cơ sở của hãng thủy-diện trong thành phố. Sau khi xem xét các máy móc, một cô hỏi viên kỹ-sư thủy-diện hướng-dẫn :

— Ông có tin rằng trái đất chúng ta một ngày kia sẽ cạn khô hết nước không ?

Viên này cười ranh mãnh trả lời :

— Tôi không tin như thế vì, theo như tôi biết, nhân-loại có một số nước dự-trữ bất tận : nước mắt của đàn bà.

(Phỏng theo báo tuyên lỵ).



lan hàm tiểu

XÓM CŨ của Tường-Cường (11 tuổi).

Xóm tôi, chỉ là một rẫy nhà, nhà tôi ở giữa trước những bụi tre do tận tay tôi trồng ra. Rẫy đó của công chức, trước rẫy đó là một bãi cỏ hoang mà chúng tôi vẫn chơi đi chốn những buổi tối thứ bảy.

Những trưa mà tôi vẫn ngồi với anh tôi, anh kể cho tôi nhiều truyện mà tôi cứ nghĩ mãi không quên được, vì truyện hay mà tôi chỉ còn nhớ được cốt truyện. Dù xóm nghèo nàn mà tôi vẫn tượng-trưng cho nó giàu có như những ông triệu-paú, mà tôi tưởng tượng.

Xóm tôi không có gì đặc-biệt mà tôi vẫn nhớ, và thương nó như thương một vật mà tôi thương nhất đời. Xóm đó, mà tôi đẻ ra, đến bây giờ đã hai mươi năm nay, mà tôi đã rời nó gần đến mười năm, như những tình yêu thương của xóm đó vẫn chưa mất và chưa biến mất trong trí óc tôi. Nay chắc tôi không nhớ ra được nó ở đâu nữa.

Nhiều khi tôi... chảy cả nước mắt vì nó cái xóm nghèo nàn làm tôi nhớ mãi mà có lẽ suốt đời tôi, nay tôi đã nhớ lại những khi anh tôi nhắc lại hai chữ «Xóm cũ» này không biết còn không, còn những điều mà tôi tưởng tượng ra — các hết rồi.

Hiện giờ tôi chỉ nhớ được chị đó không biết chị nào — ước gì tôi nhớ lại được, chị ta đùa với tôi nhiều lần mà làm đời ngày thơ của tôi vui không biết vui chừng nào.

Những đêm mưa lạnh lẽo, chúng tôi, xóm tôi — với trẻ con trú ở dưới mái hiên lạnh lẽo, một người kể truyện hay lắm, tôi không nhớ rất nhiều đêm mà tôi được nghe những câu truyện hay ho — tôi chỉ biết nó là hay mà không biết được truyện ra sao. Nay tôi còn nhớ đâu mà tôi ao ước được sống lại một đời tâm-thương như xưa.

Nhiều khi mùa đông bạn bè chúng tôi chú dưới cái hàng nhỏ bé và sưởi những ngọn lửa trong bếp nấu chè đậu đen — nay còn đâu, chỉ còn mình tôi.

Văng vẳng tôi ngồi trên giường nghĩ lại rồi từ từ ngủ luôn.

NGƯỜI MẮT CON

của Trường-Cường

Những tiếng khóc của người mẹ vắng vắng trong im lặng của đêm tối — tôi đang ngủ dưới ánh sáng vàng mờ trong nhà hòm qua.

Sáng ra một bà đầu tóc bù sù hai bên má những lườn nước mắt từ từ nhỏ giọt trên con đường nắng hanh.

Sao thế, đó là bà Hiền bà ta từng nói truyện với mẹ tôi — Những ông Cảnh-sát lần lượt vào nhà bà, lục từng bàn ghế những cái tủ nhỏ to đều bị những ông ấy xét đã hai hôm nay bà Hiền đi đâu rồi chắc

đi điều tra. Ông Hiền coi bộ dữ tợn đi đi lại lại trong nhà linh vãn xét, đêm đến bà Hiền, dưới ánh đèn lơ mờ bà ta gục đầu vào cái bàn nhỏ bé đề bên buồng, bên dưới cái khăn ướt, mà nước mắt bà rơi xuống đến khi tôi ngủ.

Sáng nay ông Hiền bà Hiền và mấy ông điều tra không ra, bà Hiền gục vào vai ông Hiền coi bộ đau khổ — Đêm nay lạ nữa bà Hiền khóc, khóc từ từ tắt trong khoảng yên lặng của buổi tối.

Tường-Cường.

TỐI SÁNG TRĂNG

của Em Nguyễn-Tố-Hy

Đêm nay trời có nhiều trăng lắm ! Và những đám mây trắng rủ nhau đi dạo mát.

Chúng là bạn của những con chim đi ăn đêm. Nên những con chim đó và chúng chạy đua với nhau xem bên nào nhanh hơn.

Khán giả của chúng là các ông

sao. Hình như các ông ấy cảm động lắm nên nháy mắt nhiều quá.

Mây dường như đã mỏi chân rồi nên kéo nhau chạy xuống núp ở hồ nước.

Đàn chim bay xa quá và kêu — Kạt — Kạt — Lạc — Lạc.

Em Nguyễn-Tố-Hy.
ở 5 Nguyễn-Biều-Huế.

THƠ

của Em Thư-Lâm (5 tuổi)

*Đêm rằm trăng nguyên.
Đêm thường trăng bề (vỡ)
Chén trà ngồi gần ông ngoại
Nước nóng thờ khổi thơm.*

6-12-58
Thư-Lâm

thứ nhì chuột rúc



Truyện ngắn của Trần-Tiêu

Với nhận xét nhỏ ngộ nghĩnh, Trần-Tiêu dẫn ta về nơi thôn quê một ngày đầu năm. Cái ông Lý mê tín và lạc quan, với những nhân vật chung quanh ông chất phác và ngờ-ngần, có thể làm tiêu biểu cho cái xã-hội quê mùa. Trong bức tranh nhỏ hoạt-dộng này, ta còn thấy thoáng qua cái phong vị riêng nhẹ-nhàng và ý-nhị, của một ngày tết ở sau lũy tre xanh.

Hi, hi! Chuột rúc! Chuột rúc!

Mấy anh chị chuột nhất dú-dồn nhau sau khe cột thóc trong buồng, động cốn, rít thêm hồi nữa lạnh-lạnh, chói tai như hồi còi.

— Được lắm! Xin các ông cứ rúc khoẻ cho con cháu nhờ.

Ông Lý Cựu ngồi xấp bưng trên phản kê ngay trước mặt bàn thờ, đặc chỉ rung đùi, một tay cầm xe trục gỗ vào thành bát điệu một tay đưa lên cầm xoa và nhỏ những sợi râu thừa thãi, mồm ngậm nga đọc: « Thứ nhất đom đóm vào nhà, thứ nhì chuột rúc thứ ba hoa đèn ». Ông vui miệng đọc tiếp luôn: « Năm nay sóc đĩa hần rền. Ừ ừ,

không năm nay vận đỏ hần rền... Năm nay vận đỏ hần rền. Ừ, được đấy, năm nay vận hần đỏ rền ». Ông tìm vần: rền, đèn, lên, bền... Được bền quanh năm, cái gì, cái gì được bền quanh năm. Ông xoa nhẵn cả cằm mà nghĩ mãi không ra cái gì được bền quanh năm.

Trên xà nhà, ngọn đèn phẫn hai giấy rú xuống, chiếu khắp ba gian nhà ngoài, rực-rỡ đối với những con mắt chỉ quen nhìn ánh sáng lù mù của chiếc đèn « Hoa-ky » khêu nhỏ bằng hạt đỗ xanh. Trong chiếc màn nâu ở gian cạnh, hai thằng cu thi nhau ngáy khô khô. Dưới bếp, bà Lý và cái đi Tẹo, con gái lớn bù, ngồi cạnh nồi bánh chưng. Ánh lửa

trong bếp chiếu ra sân theo khuôn cửa bếp, thành một khoảng sáng vuông như chiếc chiếu, càng làm cho tối ba mươi thêm dày đặc. Không một tiếng chó sủa, không một tiếng côn trùng. Thật là yên lặng như... đêm ba mươi Tết.

Ông Lý, tay vẫn xoa cằm, nhắc lại câu thơ trước. Đến câu rớt, ông nghĩ nát óc : « Tức nhĩ, còn có nửa câu nữa mà nghĩ không ra. Được bèn quanh năm, được bèn... à à phen này phú quý được bèn quanh năm. Thôi, cũng tạm tạm được, tuy mình chẳng phú chẳng quý như ai ! ».

Cứ kể thơ ông Lý rất xoàng, xong lòng cảm hứng của ông chẳng kém lòng cảm hứng của cụ Tô-dông-Pha, cụ gõ nhịp mạn thuyền, ngâm bài phú Xích-Bích dưới ánh trăng trong vạt rọi xuống giếng nước trong veo.

Ông nhìn lên bàn thờ. Mấy nén hương cắm trên bát hương sứ đã cháy xém mất già nửa. Ông vội vàng đứng dậy đội khăn mặc áo và lầm bầm : « Chết thật, mãi nghĩ thơ, tí nữa thì nhờ giờ xuất hành ». Ông nói đề mà nói chứ trong cả năm có một đêm ba mươi Tết và trong đêm ba mươi Tết có một giờ lành, khi nào ông đề nhờ. Vì thế, ông đã học được cái sáng kiến của cụ cán Bích, lấy nén hương làm ngửi. Bây giờ sắp sửa sang giờ Hợi, giờ của tài thần, ông cầm nén hương, một chiếc đèn chai và giắt bánh pháo vào cặp quần. Ông gọi cái Tọ ra đóng cửa, dặn nó trông nhà cẩn thận vì năm ngoài đã có nhà ngủ quên để kẻ trộm vào phỗng cả nồi bánh chưng. Ông rảo bước về phía quán đề được gặp tài thần, rẽ vào xóm Lũy rồi giới lại con đường làng lót gạch, con

đường mà ngày thường ông vẫn đi ra miếu. Nhiều ông cũng mua đường như ông. Ông nghĩ bụng : « Có một vị tài thần mà bao nhiêu người săn đón ». Song ông tin chắc về phần ông hơn, bởi có chuột rúc báo hiệu. Đến miếu ngồi độ một lát, ông Đại đã giục anh em thẳng mõ rung trống tế giao thừa. Ông Lý thấy thế giở đồng hồ ra xem giờ, ngạc nhiên :

— Mối có mười giờ kém mười lăm. Còn sớm quá, cụ Đại ạ.

Ông Đại cười, đáp :

— Ô hay ! Ông không biết à ? Cụ chỉ đã truyền lệnh đi các thôn phải tránh giờ Ty, vì giờ Ty năm nay xấu lắm, mọi việc đều không nên.

Ba gian giải võ bèn tày, đèn nến sáng trưng. Một cỗ mũ thừa đặt trên chiếc ngai loè loẹt những rỗng phượng xanh đỏ và chói lọi những trang-kim, trống nhón, trống con, thanh la, mõ díp cất lên vang-động cả đêm thanh vắng tịch mịch. Các ông vừa làm lễ tổng cụ xong đã xoay ra lễ nghinh tân. Các ông hấp tấp vội vàng chỉ sợ muộn, nhờ gặp phải giờ Ty thì rầy. Lễ xong, các ông bắt đầu mừng nhau bằng những câu sáo nhắc đi nhắc lại hằng năm. Các nhà trong xóm cũng thi nhau đốt pháo đón mừng năm mới. Mọi người ăn uống say sưa, đã tẩu mát về. Ông Lý Cụ còn ngồi lại đợi giờ Dần, tang tảng sáng để được gặp bí thần. Ông Từ, một ông già râu tóc bạc phơ đưa tặng ông cành đa và bó hương xạ. Để đáp lại lòng tốt ấy, ông Lý móc túi lấy năm hào giới trong tờ giấy đỏ đặt vào đĩa giàu : « Chúc cụ làm ăn phát tài bằng năm bằng mười năm ngoài ». Đoạn ông hôn hồ ra về.

Lúc đi, ông đã dặn cái Tọ đứng mở cổng cho ai, trừ cụ cán Bích

mà ông đã nhờ đến xông nhà. Dặn thi dân, ông cũng thừa biết cụ cán già yếu không dạy sớm được. Ông tự phụ, ngoài cụ ra, chỉ có ông là vui tính, hiền lành, phúc hậu, đáng đem cái hạnh-phúc đến cho người. Cái dĩ Tọa đã thắng bộ quần áo Tết trông bảnh bao rõ ra phết một cô gái què dề bọn trai tơ trong làng thêm muốn như tôm tươi làm cho mặt cô đỏ ửng. Ông rút ở trong bụng ra bánh pháo đốt. Tiếng pháo nổ vang. Ông sung sướng lộ ra mặt và nói một mình :

— Đêm ba mươi chuột rúc. Sáng mồng một pháo nổ ran chẳng tịt chiếc nào. Năm nay hẳn đại phát tài.

Hai thằng cu mở bừng mắt, chòang dậy chạy ra sân reo lên :

— Ha ! Ha ! Tết ! Tết !

Chúng giở vào để mẹ chúng mặc cho một cái áo lương chùng chãm gót và chiếc quần vải ta dây như mo nang. Tuy vậy chúng cũng không sung-sướng bằng được thầy chúng và chú bác, cô, dì, đến mừng tuổi, chúng không sung-sướng bằng những chiếc pháo ngòi, pháo tịt, chúng sắp vò được ở sân đình, sân miếu hay sân các nhà bà con. Ông Lý pha trà dâng lên ông vải. Ông thắp hương đốt nén, khấn, lễ, ngời ngấm nghĩa bàn thờ một lát rồi cắp ô ra cổng.

— Này, thầy nó, trưa thế nào cũng về cúng cơm đã rồi có đi lễ đầu hăng đi nhé. Tôi chờ thầy nó đấy.

— Không phải chờ. Tôi đi, chưa biết chừng tối mới về cũng nên.

Vợ không bằng lòng, song vì mừng một kiềng, không dám điều nọ tiếng kia, sợ giông cả năm.

Tiết trời âm-áp. Cây cối được hạt mưa xuân như tô chuốt lại màu xanh tươi dưới bầu trời râm mát. Tiếng pháo đi đệt, xa gần, rải-rác khắp làng, khắp xóm. Tiếng người cười, nói, chào mừng nhau thân mật. Rõ ra một cảnh Tết nơi thôn dã.

Công việc đầu tiên của ông Lý là đến thẳng nhà Hương-Kha làm vài phát thưởng xuân, nhân tiện thử xem có ăn nhịp với tiếng chuột rúc báo hỉ và tiếng pháo nổ ran ban nãy.

Hương-Kha là con thứ, không có bàn thờ ông vải. Ông Lý chưa mừng vài câu lấy lệ rồi cứ việc nằm dài cạnh khay đèn đối diện với ông Hương nằm tiêm thuốc. Tiếng ro-ro dòn-dã, không vấp chỗ nào suốt ba phát liền. Ông Lý đảo chỉ, vắt chân chữ ngũ, vỗ đùi cười ha hả. Cái cười Thúc-Sinh ấy một phần vì tiếng ro-ro đều đặn, song phần nhiều là vì cái mãnh lực công hiệu của thuốc phiện đã chuyên khắp tứ chi. Ông Lý vui trở nên hào phóng, gọi năm đứa con ông Hương lên mừng tuổi mỗi đứa một hào ; số tiền gồm lại cũng chỉ đủ tiền ba điếu thuốc. Nếu trong lúc cao hứng, ông Lý lại thêm vài phát sai nhất bao nữa thì phần thiệt sẽ chắc-chắn về ông Hương.

Đợi cho lũ con lên đồng đủ lưù xong tiền mừng rồi, bà Hương mới vội đi lại, vừa cười, vừa nói :

— Bác cho các cháu nhiều quá, Bác cho chúng nó một hào thôi chứ.

Ông Lý niềm nở :

— Thôi được. Chả mấy khi, một năm mới có một lần, để cho các cháu nó mừng.

Tán mép vài câu ba hoa, ông lý đứng dậy cáo thoái. Ông vừa đi ra khỏi cổng, trong nhà, Hương-Kha cất giọng khàn khàn : « Mừng với việc gì ! Giả khéo mình ba phát thuốc đẩy thời. Phiến vào, lòng vui như Tết ».

- Ai chả biết. Vì thế nên đảng này chỉ từ chối qua loa, chứ ai dại gì bắt chúng nó giả lại.

Ông Lý đã vui sẵn càng thấy vui thêm. Phong cảnh chung quanh như tươi đẹp rực rỡ bội phần. Tiếng pháo nổ đi đệt nghe sướng tai quá. Tâm hồn lẫn xác thịt ông nao mà nó rung động một cách dễ dàng thế. Ông ung-dung, thông thả bước một như người đi ngoạn cảnh hơn là người đi lễ. Những cây nêu vượt lên khỏi nóc nhà, thẳng tắp, cao hơn cả ngọn cau. Ông lý đứng bước, chú ý tìm cây nêu nhà cụ cán Bích. Cụ khỏe cây nêu nhà cụ đẹp nhất làng. Ông cũng tự cho cây nêu nhà ông vô địch. Ông không cần phải tìm lâu. Cây nêu cụ còn vượt hẳn mọi cây khác. Về đẹp cũng lộ hẳn, trước những con mắt mỹ-thuật của bọn thôn quê. Những chùm lông gà toàn chọn những lông đuôi dài và mềm. Con rồng Tết bằng lá dừa, mao, vảy và đuôi bằng lá thiên tuế. Lá cờ bay phấp phới giống như hết là cờ ngũ hành tuy nhỏ hơn. Đẹp thật, Cụ Cán tự phụ cũng đáng. Nhưng ông lý không chịu kém. Ông cho cây nêu của ông có nhiều vẻ đặc sắc hơn. Chẳng hạn những chùm lông, ông đổi ra chùm cờ. Bầu rượu cùng bằng rơm như các bầu rượu khác nhưng dưới bầu, ông buộc thêm một cái túi có hai giải lụa đào bay như hai giải yếm. Ông cho là thi vị lắm. Đặc sắc nhất là hai cờ, một lá cờ Pháp, một lá cờ Nam treo gióng đôi. Sáng kiến ấy, ông cho tự ông nghĩ ra. Kỳ thực

ông đã được xem các trường tỉnh họ chào cờ, trước giờ học buổi sáng. Ông quay lại phía sau tìm cây nêu của ông để so sánh. Ông chỉ nhìn thấy phần ngọn. Lũy tre nhà cụ Cả che khuất mất nửa dưới. Ông vươn mình, rướn mãi cổ, kiễng mãi chân. Ông lùi, lùi nữa... Phộc một cái, chân sau ông đâm ngay phải, xin lỗi, bãi phân trâu tươi trên vệ đường. Ông cụt cả hứng, chau mày, nguyên rủa : « Tiên... » Chợt nhớ tới ngày mừng một, ông vội hăm lại. Song nét mặt ông không sao tươi lên được. Ông còn đơng củi xuống nhìn, tiếc cái quần mới tinh lốm đốm những vết phân tròn bằng hạt đỗ một, thì một ông khản cự ở phía trên đi lại, cười an ủi : « Cũng may đấy cụ ạ ! Nếu không có nó thì tất cụ phải ngã xuống cái rãnh sâu đây bộn kia ».

- Thôi, tôi xin ông. Đã đâm phải còn gọi là may sao được !

- Không, thật đấy mà. Năm mới ai dám nói đùa cụ.

- Phải, không thật nghĩa là dối.

Trái lại, bụng ông cũng nghĩ : « Ừ mà hẳn nói phải. Không có bãi phân trâu thì mình tránh sao khỏi ngã xuống rãnh mà ngã xuống rãnh thì cứ việc lằm từ đầu đến gót. Ông liền tưởng đến chuột rúc và cho là vận ông vẫn đỡ rên. Nhân tiện có cái ao trước nhà cụ Cả, ông bước xuống cầu để gột rửa. Lần này rất cẩn thận, Cần tắc vô ưu, nhờ cầu trơn trượt ngã thì rày. Ông gột đi gột lại ống quần. Vết bẩn chỉ nhạt được như màu lá úa. Ông tắc lưỡi nói thầm : « Thôi được, chẳng quan gì ». Tuy vậy ông vẫn tiêng tiếc cái quần mới tinh, chốc chốc lại cúi xuống nhìn một cách băn-khoăn khó chịu. Gần đến quán gianh, một

lũ đàn em quây quần đánh sóc đĩa cò con, ông tạt vào nghĩ: « Ta hãy châm lửa một oái xem đỏ hay đen thì biết ». Và nói lên tiếng: Cho tờ chàm một cái xem có « đầu tay may xưa không nào ».

— Vàng, cụ bói một quẻ xem.

Lũ đứng vòng ngoài dẫn ra hai bên để nhường cho ông Lý. Liên lúc ấy, nhà cái xướng:

— Bán lẻ ! Lẻ bán !

Ông Lý vội kêu :

— Đắt ! Đắt ! và cúi xuống cầm tròn bát hạt tét vào lòng nhà cái một cách nhẹ nhàng rõ ra một tay sành nghề.

— Sắp hai ! cụ Lý đồ thật !

Ừ, mà đồ thật. Mọi khi ông vẫn chuyên đánh mặt lẻ. Hôm nay ông lại quay sang đắt lẻ : Chuột rúc có khác. Vận ông còn là đồ rên. Ông hơn hờ vợ lấy đồng trinh, xu, hào rải rác trên mặt lẻ. Ông sung sướng như khi ông được hàng trăm. Ở cấp nách, đầu cúi gằm, ông vừa đi vừa chọn những đồng hào con, hào vắn bỏ túi. Ông xếp xu vào vói xu, trinh vào vói trinh rồi đếm : « Năm, mười, mười lăm hai mươi, hăm... ». Thịch một cái, đầu ông như va phải một vật gì. Ông ngừng lên. Tiếng nguyên rủa tiếp liền : « Cái nhà ông khi gió. Năm mới, năm me, làm đồ cấ thủng đồ lẻ của người ta thế này à ?

— Đồ thì người ta đền chứ sao. Năm mới bà rủa độc tôi thế à ?

Bà Khóa thấy mình lỗi, mặt đỏ bừng, đứng dờ ra nhìn chiếc thủng lán lông lóc xuống bờ vườn. Vàng, hương, mũ-mã, hải-hán, giàu cau bừa bãi mỗi chỗ một ít. Bà cúi thủ cúi xuống nhặt bỏ thủng. Ông Lý vừa giận mình vừa thương hại bà Khóa. Phải năm mới người ta, chỉ

tại mình vô ý. vô tứ đề đến nổi... Nghĩ vậy, ông cũng cúi xuống nhặt nhanh hộ và sau cùng, ông cầm một nắm trinh, xu đưa cho bà Khóa :

— Tôi xin lỗi bà. Thật là tại tôi vô ý. Tôi xin đền bà. Số tiền chẳng là bao, để năm mới bà được may mắn.

Bà Khóa cũng nghĩ đến câu rủa ban này, vội từ chối :

— Không dám. Tôi đâu dám lấy đền của ông. Tôi bực quá, lú lạp cả trí khôn, vậy ông tha lỗi cho nhé.

— Không dám.

Hai bên, bên nằng-nặc xin đền, bên cố tình từ chối dằng-dai mãi rồi bà Khóa chịu nhận để bù lại bước không may trong ngày đầu năm.

Chẳng biết bà Khóa nghĩ thế nào, còn ông Lý thì ông nghĩ : « Chuột rúc có khác. May thế ! Nếu vợ phải tay đánh đá chùa ngoa, mồm năm miệng mười thì mình tránh sao khỏi sượng mặt với kẻ đi người lại ». Thuốc phiện thấm vào tủy não thường hay gọi trí nhớ của người ta về quá khứ. Ông vừa đi vừa nghĩ liên miên. Ông ôn lại những việc xảy ra trong năm vừa qua. Ông bắt đầu nhớ từ đêm ba mươi tết trở đi... Ở ở phải, chính cái đêm ba mươi, ông đương ngồi thờ-thần nghĩ đến công việc ngày mai. Thình lình tiếng : ngheo... ngheo... ngheo... gào, rú lên như người bị hành-hạ, nghe rất thê-thảm. Thì ra chị mèo cái của ông, rú rê được anh mèo đực ở đâu về hú hí nhau trong xô buồng. Ông bực quá, vác gậy đuổi đánh. Chúng chạy biến mất. Được một lát, đầu lại hoàn đấy. Cứ thế mãi, lúc kho vừa thóc, lúc trên mái nhà, súc ở

xó bếp. Vua đuổi mãi chẳng được, ông đành ngồi thừ ra thờ dài vật, nhưng rồi sau, mắng vui chơi, ông quên hẳn việc ấy. Cuối năm, ông nhằm tính thấy mình toàn gặp những sự rủi, nào sóc đĩa đánh đầu thua đầy, nào ruộng nương bán dần, nào công nợ tứ tung, nào vợ con mè nheo, gia-đình không mấy lúc là không lục đục. Bao nhiêu những sự rủi ấy, để cả lên đầu chỉ mẻo cái đáng ghét của ông. Ông thù nó quá, nhất định khệp nó vào tội tử hình. Ông bỏ nó vào rọ ngâm ao. Ông xả nó ra đánh chén với một vài ông bạn thân cạo hủ lòng cảm tức :

— Hờy à. Ông lý tí lẽ. Chúc mừng ông: min nin cóổng hỉ à.

Ông Lý ngừng lên vui vẻ cười đáp :

— Chào chú Sầu ! Mừng chú buôn bán phát tài bằng năm bằng mười năm ngoái.

Chú Sầu niềm nở :

— Năm mới, mời ông Lý vào xòong hàng.

Ông Lý được chú Sầu chọn mình xòong hàng lấy lam hủ lấm. Nhưng nếu ông biết rằng bao nhiêu ông đàn anh trong làng qua đây cùng được chú Sầu mời vào xòong hàng, thì ông cũng chẳng lấy gì làm kiêu hãnh, tự đắc. Chẳng nhẽ người ta thết mình thuốc lá, chè mạn sen, lại kèm thêm gói kẹo về cho các cháu mà mình lại ra không. Ông Lý bèn mua một bánh pháo, một bao diêm và một tấm sà-phông. Lúc giở ra, ông muốn khoe tiếng khách, bắt tay chú Sầu giết lên giết xuống : « Minh nin cóng khi à ». Thím Sầu chau mày bẻ lại : « Cõng hỉ, ông Lý không biết tiếng tàu, Hỉ là vui mừng kể mà ».

Ông Lý đâm ra luống cuống :

— Vàng, vàng, cống hỉ, cống hỉ. Thôi thế chúc chú thím phát xui, phát xui !

— « Phát xối ! » Thím Sầu chữa lại, dẫn từng tiếng một, về nghiêm nghị như ông thầy giảng sách.

Ông Lý càng luống cuống :

— Ờ, ờ, phát sồi ! Phát sồi, Xin lỗi chú thím, tôi quên lú đi mất.

Ra đường, ông nghe văng vẳng có tiếng : tưu nhà ma cái nị. Ông không nguyên rửa lại họ, vì ông đã vô tình nguyên rửa họ chán ra rồi. Ông chỉ tự trách mình : « Minh ra cái « đếch » gì. Cống hỉ, hỉ là mừng thì ai không biết mà mình lại nói chềch ra khỉ được. Minh rửa người ta là con khỉ à. Chẳng qua chỉ tại cái nhà bà khóa bà ấy ám ảnh... Lại phát sùi nữa, cái gì là cái phát sùi, lúi sùi, mình rửa người ta lúi sùi. Tiếng khách với tiếng khiếc ! Minh rõ chẳng ra cái « đếch » gì ! ».

Nổi bực tức đã làm ông nảy ra nai tiếng « đếch » trong ngày mừng một.

— Ha ! Ha ! Chú Lý ! Chú Lý !

Lũ trẻ nhà ông Khán Thôn, trưởng họ ông Lý, đứng công vô tay reo. Chúng mừng vì chắc mồm thế nào cũng được tiền mừng tuổi.

Ông Lý tính hồn nhiên, quên ngay được nỗi bực dọc. Ông đứng giữa lũ trẻ, chia tiền : « Cậu Tích bảy quan này, cháu Thái bảy quan này, cháu Mẫn là con gái thì chín quan này, cháu Thịnh bảy quan này (mỗi quan là một trính) « Bà Khán âm thẳng bé trong tay chạy ra :

— Còn thẳng eu này nữa, chú đã mừng thì phải mừng cho đủ chứ.

Ông Lý cười :

— Thăng cu này chưa biết ăn quả, chưa biết đánh bạc thì ba quan thôi.

Đoạn ông lên nhà thờ lễ Tồ. Vừa lễ, ông vừa nói chuyện với ông Khán đứng cạnh :

— Bác mua ở đâu mà được cái hương ngát thế ?

— Tôi mua ở chợ Nam hôm hai mươi chín Tết. Có hai hào rưỡi một trăm.

—Ồ, rẻ nhỉ. Tôi mua ba hào mà vớ phải hạng xấu quá, chẳng ngát tí nào. Chỉ tại nhà tôi cả tin cái coh mẹ bán hương nó nói thánh nói tướng.

Truyện đến đây thì lễ vừa xong, kể cả mấy cái vái.

Hai người ngồi uống nước ăn trà tiếp chuyện nhau được một lát. Ông Lý đứng dậy sắp sửa cáo thoái. Ông Khán vội mời :

— Năm nay tôi chung chạ được cái đùi bò thui khô thật lắm. Chú ở lại đánh chén với tôi. Năm mới xin chú đừng từ chối.

Ông Lý nhận lời và nghĩ bụng : « Chuột rúc có khác, hết may nọ đến may kia ».

Rượu uống, tái ngon, ông Lý ngồi nhắm tí tí, say lúc nào không biết. Tái vẫn còn, rượu chưa hết, bỏ giờ cuộc thi hoài, ông Lý cố làm thêm dăm chén nữa. Ông say khướt dăm ra nói nhảm. Người ông đã thấy nặng trĩu xuống giường. Đờ đạc chung quanh đã thấy lơ mơ dưới con mắt đục ngầu của ông. Ông đứng lên không vững, ông đi xiêu bèn nọ, sọ bèn kia. Bà Khán cười :

— Chú Lý say khướt mừng tôi ra rồi :

Ông gân cổ cãi :

— Tôi say ư ? Bao giờ... thiên hạ... say cả thì... hoạ chẳng tôi mới chịu say... Bác thử... đem rượu nữa ra đây... xem... xem... tôi có, có, có nốc hết cả cả cả chai khô... ông nào. Say ! Người ta thế... thế này mà bảo người ta say !

Giọng ông lè nhè. Người ông sặc sụa mùi rượu. Hình như hơi men không thoát kịp ra đằng mồm, đằng mũi, phải thoát cả ra các thớ thịt, các chân lông. Ông thất thểu ra công, quên cả uống nước, quên cả ăn giầu, hút thuốc.

Bà Khán đứng trên thềm mỉm cười, gọi đặt lại :

— Này chú Lý ! Ô chú để lại à ? Say quên cả ở lại còn bảo là không say.

— A... ừ nhỉ ! Để thường mà say thược.

Một thằng cháu chạy theo đưa ô cho ông Lý cấp nách. Bây giờ ông không còn là ông Lý nữa rồi. Ông chỉ là một thằng điên, một cây thịt, ngã nghiêng theo đà với ít cảm giác thăng bằng không biết xuất tự đâu. Thỉnh thoảng ông lại kêu tướng lên như người ra mồ :

— Này ! Nhà nào có ao chuôm thì liệu mà cắt đi, không có thì thì tờ ngã xuống thì thì... mặc kệ các người đấy. Tờ, tờ không đèn đầu !

Lần nào ông cũng có một câu pha trò ấy. Người lớn trẻ con theo sau cười rồ. Thế mà chuột rúc có khác, ông cũng lần về được tới quán gang, không xảy ra tai nạn gì. Bọn đàn em vẫn còn miệt mài trong đám bạc. Chúng thấy ông bèn nhảy nhau mời vào ngồi xóc cái. Một thằng nói kháy :

— Cụ Lý làm gì sẵn tiền mà xóc với xiếc !

— Chú mình đừng có hợm. Khỏi, tiền đấy

Vừa nói ông vừa lôi ở túi ra một gói xu, hào và một cái hộp thuốc trong có năm tờ giấy một đồng :

— Chú mình hãy vét hết chỗ này hay là tờ, tờ vét hết của chú mình cũng chưa biết chừng.

Ông cười ha hả, cầm bát xóc một hồi. Ông nói huyền thuyên, quên cả vợ; có khi quên cả xóc. Không bao lâu, đồng tiền trong lòng ông hết sạch. Chúng bảo nhau tản mát dần, sau cùng còn trơ một mình với mấy thẳng ranh con ngồi đánh trình một. Ông cau quăng cả bát đĩa ra đường, đứng dậy thất thểu ra về. Ông nằm vật trên giường ngủ say như chết. Lúc tỉnh dậy đã xế chiều. Ông sực nhớ chưa đi lễ đâu cả. Ông tìm đến ô không thấy, ông hoảng hốt kêu :

— Thôi chết tôi rồi ! Không biết tôi bỏ quên ở đâu ? Ông nhớ mang máng như bỏ quên nhà ông Khán. Ông hốt hơ hốt hải chạy sầm sầm bước vội ra công. Giữa đường, ông bắt gặp một anh xã nhép che ô đi lại phía ông. Ông nhận ra chiếc ô của ông, vì cán ô có dấu riêng, vai lại có miếng mụn chính tay ông vá lấy. Ông mừng rỡ kêu lên :

— Cái ô của tôi đây rồi ! Sao anh lại...

Anh xã vội trả lời :

— Thừa cụ, cụ bỏ quên ở quán, con bắt được, định đem lại giả cụ đấy. Không có con thì cụ mất ô.

— Ồi chớ ! Thế thì may quá.

— Và ông nghĩ bụng :

— Chuột rúc có khác !

TRẦN-TIÊU.

Soạn đúng theo chương trình mới của Bộ Q. G. G. D.
cho hai lớp Thất-Lục

QUYỀN

« Từ-loại và Phân Tách từ-loại »

Của Giáo-sư Đỗ-kỳ-Nhân

rất cần thiết cho các em học-sanh

* * *

« ... Quyền Văn-Phạm này rất có ích cho học-sanh. Nó giúp các em tập phân-tích Từ loại, bổ túc thêm bài vở học ở trường. Nó cũng là một tài-liệu giá-trị cho giáo giới về môn văn-phạm... ».

NGUYỄN-CHÍ-THÀNH

Giáo-sư Quốc-Văn Trung-Học Tư-Thực
« Huỳnh-thị-Ngà »

DÀN QUÊ



Thơ của Nhất-Linh

Cảnh thì cảnh bùn lầy và nước đọng,
Dân thì nghèo vất vả làm quanh năm
Hết nắng thiêu lại gió rét căm căm
Vẫn nhem nhuốc vẫn thân trần như nhộng

°°°

Ngày ngày trên ruộng chân tay lấm
Đêm đêm về gian nhà tối tăm
Giường nan bần thiếu chiếu hơi hám
Bố cu, mẹ đi rúc vào nầm

°°°

Đàn trẻ trần truồng lặn ra đất
Đứa thì gãy còm, đứa bệnh tật
Cố sống cặm hời chờ khi nhớn
Làm thân trâu cho trọn đời khốn nạn

°°°

Bọn đàn anh thời chút đầu cắm cò
Tranh nhau thủ lợn với phao câu
Theo lễ nghi quèn, nghĩ những truyện đầu
đầu
Riêng mình thú không biết rằng dân khờ.

NHẤT-LINH.



vọng phu

Thơ của H. T. _____

*Khi nàng thấy chồng đi mãi mãi
Mấy thu qua vắng bật tấm hơi
Khi khóc người đi không trở lại
Đã khô nguồn lệ mấy năm trôi
Một chiều thu bóng đêm u uất
Nàng ẵm con lên đỉnh núi cao
Ngánh đầu nhìn nẻo xưa chồng khuất
Nàng than cùng sóng, bạc, mây mờ.*

*

*Mấy lời than thở đêm xưa
Thời gian nhắc mãi, bây giờ chưa thôi
Biết bao thế kỷ qua rồi
Nàng còn đứng ngắm chân trời mệnh mang
Ngày nay lũ khách mơ màng
Nhắc trông chợt thấy bóng nàng ẵm con
Trơ trơ đứng sững đầu non
Tưởng rằng đá nọ vẫn còn ngậm đau.*

H. T.



XIN EM LỜI HỨA

Thơ của Phạm-quang-Phong

Lòng dưng lạnh như tràn buồn vô cớ
Tim ngập ngừng muốn thốt một lời yêu,
Ngại ngần đưa đôi sóng mắt muôn chiều,
Tay muốn siết, nhưng ó kìa, run rẩy !

Hỏi làm sao, làn đầu đôi mắt ấy,
Làn môi kìa và suối tóc mơ dài
Thoảng gặp thôi mà mãi chẳng mờ phai
Trong tâm-trí, ghi hình muôn thế kỷ.

Ta yêu em, yêu em tự độ ấy :
Lạnh không gian và lạnh buốt tâm hồn
Em có hay mai một một hoàng hôn
Thanh sắc sẽ phai tàn, hương phấn rữa ?

Hứa đi em, dù chỉ là lời hứa
Rằng yêu anh, nhưng lòng chứa giao lòng.
Anh sẽ cười, và cả một mùa Đông
Sẽ ấm áp như đôi lòng lặng nói.

Phạm-quang-Phong.

LAN RỪNG



Truyện ngắn của Nhất-Linh

Quang xuống xe rồi vào một cái nhà ở đầu phố để hỏi thăm đường đi Bản-lang và thuê ngựa. Người cho thuê ngựa hỏi :

— Ông vào nhà ai trong đó?

— Vào nhà ông Vi-vân-Hoài. Đường vào đấy có xa lắm không?

— Đệ mười cây số thôi. Nhưng ông phải đi ngay kẻo trời tối mất. Đệ tôi lấy con ngựa thật khoẻ ông đi cho chóng. Ông vào trong ông Hoài thì tôi không cần cho người đi theo giắt ngựa về, khi nào ra, ông đem ngựa lại trả tôi cũng được.

Rồi người cho thuê ngựa chỉ tay về phía một con đường lên giốc, bảo Quang :

— Ông cứ đi theo con đường đó. Đến một cái chùa đã đổ nát, thì ông rẽ sang bên tay phải, rồi đi thẳng, khi nào đến một cái cầu gỗ là đến Bản-lang.

Lên hết chỗ giốc Quang cho ngựa chạy phóng để kịp đến trước khi tối trời.

*

Đi vài cây số gặp một cái chùa đổ nát, chàng theo lời người cho thuê ngựa rẽ về bên tay phải, rồi lại cho ngựa phóng. Nhưng đi được ít lâu, chàng có cái cảm tưởng là lạ rằng con đường đang theo không phải là đường về Bản-lang, tuy chưa lần nào chàng về Bản-lang cả. Chàng tự cho mình nghĩ thế là vô lý, rồi cứ cầm đầu quát ngựa.

Đi đã lâu lắm, đáng lẽ phải tới nơi rồi, mà vẫn chưa thấy cái cầu gỗ. Chàng nhìn ra không có một cái nhà nào để có thể hỏi thăm được. Chung quanh chỉ toàn rừng già; những cây cao vót ngọn nghiêng ngã, rào rào trước ngọn gió chiều

vừa bắt đầu nổi lên. Chàng thấy rờn rợn, sợ hãi trước cảnh non cao rừng cả, nhưng vẫn quát ngựa cho phóng nước đại, tiến lên.

Đường thấy khó đi dần. Hai bên toàn một thứ cỏ cao, hoa trắng như bạc, lá nhọn và sắc. Sương chiều dần dần tỏa xuống, Quang phải cho ngựa đi từ từ, vì cách năm thước không nom thấy rõ đường.

Bỗng chàng ghi ngựa lại, lắng tai, mừng rỡ. Trong sương, chàng vừa nghe rõ có tiếng người, tiếng thanh thanh của một người con gái:

— Có ai cưỡi ngựa trắng đi trên đường.

Quang cất tiếng hỏi:

— Ai đấy.

Thấy có tiếng động ở sau lưng, Quang quay nhìn lại, một người con gái Thổ vai gánh hai cái giỏ, đi với một đứa bé con, tiến đến phía chàng.

— Đến Bản-lang còn xa không, có?

Quang vừa hỏi vừa nhìn cô gái Thổ và để ý đến nước da trắng và đôi mắt đen của cô bé. Chàng lấy làm lạ rằng cái sợ hãi lúc nãy đã biến đâu mất và tủi thẹn rằng mình được yên tâm như thế là nhờ ở một cô con gái yếu ớt.

Quang nhắc lại câu hỏi:

— Đến Bản-lang còn xa không, có?

Người con gái thản nhiên đáp:

— Ông đi nhầm đường rồi.

Quang buột mồm kêu:

— Bây giờ làm thế nào?

Chàng toàn quay ngựa thì cô gái Thổ như đoán được ý chàng nói:

— Ông không quay về được nữa đâu.

— Nhưng mà đêm nay có trăng.

— Có trăng, nhưng nhiều sương không nom thấy rõ đường.

Thấy Quang lưỡng lự, cô gái Thổ nói tiếp:

— Và lại ông phải đi qua cái rừng có nhiều hồ.

Cô con gái quay lại vẫy đứa em:

— Chúng mình về đi thôi, kẻo ở nhà mong.

Quang không muốn quay lại nữa, hỏi cô bé:

— Nhà cô ở gần hay xa?

— Gần đây.

— Tôi muốn về nhà cô có được không?

Cô gái Thổ vừa đi vừa nói:

— Ông cứ về.

Quang nhảy xuống ngựa, rồi yên lặng rẽ cỏ đi theo hai chị em cô gái Thổ.

Chàng tưởng mình đi trong một thế giới huyền ảo vì chung quanh chàng chỉ có một màu sương trắng mờ dưới ánh trăng.

Đi khỏi mấy khóm cây, bỗng chàng nghe thấy một tiếng gì ở xa, òn ào như tiếng hớp chợ.

— Tiếng gì thế cô!

— Tiếng thác. Thác Linh-hai ở gần nhà em.

✱

Vì trời không lạnh lắm nên Quang bảo cô gái Thổ cho mượn cái chiếu để chàng nằm ngủ ngoài sân sà. Chàng vừa ăn cơm no, và uống ít rượu nên thấy trong người dễ chịu, khoan khoái. Bữa cơm chỉ có một đĩa chả trứng và một bát canh măng mai, nhưng chàng ăn rất ngon miệng; xưa nay chàng không thích rượu mà bữa ấy chàng cũng uống

nổi hai chén, vì thứ rượu đó chàng thấy có một hương riêng phảng phất như hương lan. Cha mẹ cô gái Thổ đối với chàng rất là ân cần. Chàng mừng rằng lối đường lại gặp được một gia-đình tử tế như vậy, và nhất là được gặp một cô gái Thổ xinh đẹp. Chàng mỉm cười, sung sướng, đánh diêm châm thuốc lá hút và đợi cô gái Thổ mang chiếu ra để được nhìn lại nét mặt cô dưới bóng trăng. Giải chiếu xong, chàng nằm một lát rồi ngủ thiếp đi.

Lúc Quang sực thức dậy thì trăng đã lên cao, sương đã tan hết. Trời trong lẫm, nên những ngọn núi trông như ở sát cạnh nhà, mấy giải rừng đen trên ngọn núi in rõ trên nền trời đầy sao.

Nghe có tiếng dột vải sau nhà, Quang tìm đến chỗ dột vải định xin nước uống và nhất là để gặp mặt cô gái Thổ, vì chàng chắc rằng chính cô đương ngồi dột vải.

Cô gái Thổ ngừng thoi, mỉm cười, nhìn Quang hỏi :

— Ông chưa đi ngủ ?

Quang hỏi lại :

— Thế cô cũng chưa đi ngủ.

— Em còn dột vải.

— Còn tôi thì khát nước, nên không ngủ được.

Cô gái Thổ lại cúi xuống bắt đầu dột.

— Ông ra suối mà uống.

— Tôi sợ lắm, sợ hổ nó ăn thịt.

Cô gái Thổ bật cười, Quang thấy lướt cả gương mặt, chàng tiến lại đứng sát bên khung dột, hỏi :

— Tên cô em là gì ?

— Tên em là Sao.

Quang mỉm cười nói

— Thả nào mà cô đẹp như sao trên trời.

Cô Sao ngay thơ đáp :

— Em chẳng đẹp.

Nhưng câu nói đó cô ta nói bằng một thứ giọng cố làm ra nũng nịu, và vừa nói vừa đưa mắt nhìn Quang một cách tinh nghịch.

Bỗng Quang thấy thoảng qua cơn gió thơm ngát mùi hoa, và ngay lúc đó Quang nhận thấy nét mặt cô gái Thổ tươi lên bội phần. Nàng nói :

— Nửa đêm rồi.

Quang lấy đồng hồ xem thì kim chỉ đúng mười hai giờ. Chàng ngạc nhiên hỏi :

— Sao cô biết đúng thế ?

— Vì hoa lan nở. Ông không người thấy mùi thơm à ?

— Có, nhưng mùi lan gì vậy ?

— Hoa lan rừng, nở đúng nửa đêm.

Cô Sao đặt thoi xuống, rồi nhìn thẳng vào mắt Quang, nói :

— Ông có đi chơi rừng không? đi xem lan nở, và nhân tiện em đưa ông ra suối uống nước.

Quang thấy một cô con gái rủ mình đi chơi rừng đêm, lấy làm ngạc nhiên vô cùng, song chàng nghĩ rằng người đường rừng có tính tự nhiên, chất phát, nên sự đó, họ cho là thường chẳng.

Quang để cô Thổ đi trước mình một ít, qua mấy thửa ruộng ngô non, hai người đến một cái khe suối, nước chảy lấp lánh như bạc sau những ngọn cỏ đen.

Quang hỏi :

— Nước này uống có sợ sốt rét không cô ?

— Không sao. Ngày nào em cũng uống. Anh trông người em tươi tắn thế này thì đủ biết.

Quang bạo dạn tiến lên trước rồi quay lại cúi vào nhìn tận mắt cô Thổ, mỉm cười nói đùa :

— Thử xem mặt cô Sao có tươi tắn thật không nào.

Chàng đứng lặng nhìn không chớp mắt : màu da cô Thổ dưới bóng trăng, chàng trông trắng mát như màu một cánh hoa phong lan và đôi mắt đen phảng phất như hai chấm đen trên cánh hoa. Bỗng Quang thấy một thứ hương thơm như ban này.

Cô Sao nói :

— Ở bờ suối đây có một cây lan. Cây này ít khi có hoa lắm. Nếu có thì chỉ có nở một cái hoa là cùng. Ông muốn xem ?

Quang lây lam lạ, chàng vừa vì mặt cô Thổ với hoa lan thì cô ấy đột nhiên nói đến hoa lan như là đã đọc được ý nghĩ của chàng.

Nhìn theo phía ngón tay trở của cô Thổ, Quang thấy một bông hoa trắng na ná như một bông huệ to, nhưng hai cánh phía trên có hai chấm đen như mực. Thật là một thứ hoa lạ, chàng chưa được thấy bao giờ



Quang tiến lên toan ngắt, thì cô Thổ về mặt sợ hãi giờ hai tay giữ lấy tay Quang :

— Em xin ông. Chỉ có một cây này ở gần nhà, em quý lắm. Chốc nữa vào rừng vô số, ông tha hồ bẻ... Ông uống nước, rồi ta đi.

Quang cúi rạp xuống mặt suối uống nước và tưởng mình lúc đó như một con hổ uống bóng trăng.

Lúc ngừng lên, chàng đề ý đến một vật gì trắng trắng ở giữa giòng suối. Nhìn kỹ thì là một hòn đá. Hòn đá ấy, kỳ dị thay, Quang thấy phảng phất giống hình một cái vai của một người em gái trắng trẻo nằm dưới làn nước. Chàng lại thấy hòn đá ấy như có vẻ sống nữa. Chàng bảo cô Thổ :

— Trông hòn đá như vai người con gái, cô Sao ?

Cô Thổ cười bảo QUANG :

— Sao ông không đánh thức cô ta dậy đề cùng vào rừng chơi... Nhưng mà cô ta còn mãi tằm, chúng mình đi thôi.

Chữ « chúng mình » Quang thấy cô Thổ nói một cách thân mật âu yếm. Lúc đó chàng cũng bắt đầu coi cô Thổ như một người tình-nhân quen biết đã từ lâu. Chàng nắm lấy tay cô Thổ, nói :

— Chúng mình cùng nhẩy qua suối nào.

Lúc qua bên kia bờ suối, Quang hỏi cô bạn :

— Sao tay em lạnh thế em ?

— Lúc nãy em vừa rửa tay ở nước suối.

Quang không đề ý nên không biết là cô Thổ vừa nói dối chàng.

Hai người đi qua một bãi cỏ, rồi vào một cái rừng thưa. Bóng cánh cây in trên đất, trên áo hai người lại càng làm tăng vẻ sáng của đêm trăng. Cô Thổ nói :

— Qua một cái rừng nữa thì đến chỗ lan nở.

Hai người đi vào bóng tối đen của rừng già. Quang có cái cảm tưởng như người vừa ở ngoài nắng vào trong rợp, chàng hơi sợ, nắm chặt lấy tay cô Thổ.

Đi khỏi một cái rốc, chàng thấy hiện ra một mảng trắng xóa dưới bóng trăng.

— Rừng lan.

Cô Sao mừng rỡ vừa nói vừa kéo tay Quang chạy vào trong đám hoa. Hương thơm ngát Quang thấy đầu óc choáng váng; chàng mơ màng thấy cô Thổ kéo mình ngồi xuống giữa rừng lan. Chàng lắc đầu dụi mắt để cố nhìn cho rõ, nhưng không thể được. Trong lúc bàng hoàng, chàng thấy hình như tất cả những bóng hoa trong rừng đều ngã cả về phía chàng, những bông hoa mềm và mát rung rinh bên má chàng như cơn man, về vút...

... Lúc chàng mở mắt ra chàng thấy mình nằm ở trên cỏ, chung quanh chỗ nằm, những bông lan đều ngã bẹp xuống đất, Chàng thấy có bóng đen che khuất ánh trăng, liền quay đầu nhìn lại; cô Thổ đứng bên cạnh chàng, tay cầm bó lá to, mỉm cười.

— Sao ông ngủ say thế. Em đánh thức mãi, ông mới tỉnh.

Quang ngạc nhiên:

— Tôi vừa ngủ? Thế mà tôi không biết đấy.

Ngẫm nghĩ một lát, chàng nói tiếp:

— Có lẽ không phải tôi ngủ đâu, vì say hương lan, nên thiếp đi một lúc đấy.

Quang nhìn cô Thổ một lúc rồi trong lòng sinh ra một mối nghi: hay cô con gái này không phải là người. Chàng vừa sợ vừa hỏi:

— Sao đầu tóc cô rối bời thế?

— Vì em phải chui qua bụi rậm để bẻ trộm ngô.

Cô Thổ vút xuống bên cạnh Quang một bó ngô.

— Ông có riềm không, để nướng ngô ăn?

— Không, tôi không mang điem theo.

— Thế thì đi về đi, ông đi. Về nhà ăn ngô, em đói lắm.

Nghe tiếng cô Thổ nói, và trông điệu bộ, Quang lại thấy hết cả nghi ngờ. Lại nhất là đêm khuya ở giữa rừng có mỗi một mình mình với một cô con gái yếu ớt mà chàng không thấy có cái ham muốn của một người con trai khi gần người con gái. Chàng lại có cảm tưởng mà chàng cho là vô lý là người con gái ấy đã thuộc về chàng rồi.

Cô Thổ bảo Quang.

— Bây giờ ông muốn hái hoa thì tha hồ hái. Em không cấm nữa đâu.

Quang đứng dậy thấy trong người mỗi một lạ thường. Chàng không thiết hoa nữa; chàng chỉ muốn về ngay vì không chịu nổi hương lan thơm một cách hắc quá.

— Về đi, cô Sao.



Sáng hôm sau thức dậy, Quang nhìn phong cảnh chung quanh không thấy có vẻ huyền ảo như đêm qua nữa. Cô Thổ bưng ra một bát cháo nóng mời chàng một cách thân mật:

— Ông soi cháo.

Quang dăm dăm nhìn cô Thổ. Dưới ánh sáng mặt trời, chàng thấy

cô Thờ có cái vẻ đẹp hồng hào của một người con gái khoẻ mạnh.

Ăn cháo xong, Quang xin đi một cách vội vàng. Chàng chỉ mong đến nhà ông Vi-vấn-Hoài thu xếp cho chóng xong công việc, khi về chàng sẽ rẽ qua đây.

Quang nhìn cô Thờ :

— Đến mai xong việc, đi qua đây tôi sẽ rẽ vào thăm cô.

Cô Thờ gật :

— Đề em tiễn ông ra khỏi rừng, sợ ông lạc đường.

Quang giắt ngựa đi theo cô Thờ. Đi qua một cái suối. Quang hỏi :

— Hòn đá trắng đêm qua đâu mất rồi.

Cô Thờ đáp :

— Ở về phía sau nhà em cơ. Rừng lan cũng ở về phía ấy.

Bỗng Quang thấy trước mặt sương dày đặc như khói. Cô Thờ bảo :

— Đây là khe núi. Sàng nào cũng có sương, phải quen đường mới qua được... Vì thế em mới phải tiễn đưa ông ra tận đây.

Ra khỏi chỗ sương, Quang nhảy lên ngựa từ biệt cô Thờ.

Ngựa đi được mười bước, Quang quay đầu nhìn lại vẫn thấy cô Thờ đứng trong sương mù nhìn theo. Quang giơ tay nói to :

— Đến mai...

Lúc lên tới đường cái, Quang để ý đến hai cây trời lên cao vút như hai cái cột quét vôi trắng.

✱

Hôm trước, Quang đã lầm đường vì người cho thuê ngựa quên không

nói rõ cho chàng biết rằng; dọc đường, trước khi đến cái chùa đồ, có một cái miếu cũng đồ nát.

Quang mới đến cái miếu đã rẽ về bên tay phải. Chàng không trách gì người cho thuê ngựa, vì sự lầm đường ấy đã cho chàng biết được hoàn cảnh thú vị.

Chiều hôm sau ở nhà ông Hoài ra, chàng cho ngựa phóng hết sức mau, vì chàng nóng lòng được gặp mặt cô Thờ. Đến cái miếu đồ nát, chàng rẽ về tay trái, rồi cứ đi mãi vào trong. Gặp hai cây trời, chàng cho ngựa đi rẽ xuống. Chàng lần theo vết cũ, rẽ cỏ đi được ít lâu thì đến cái thung lũng có nhà cô Thờ. Chàng cho ngựa nhảy qua cái suối hôm nọ, nhưng lúc ngừng lên nhìn thì bỗng chàng biến sắc mặt, nắm chặt lấy giây cương, mắt mở to nhìn thẳng về phía trước; ở chỗ đất mà chàng chắc là có cái nhà của cô Thờ, thì không có cái nhà nào cả. Đây chỉ là một bãi cỏ.

Chàng nghĩ mình lầm đường và cho rằng tại cảnh đường rừng phần nhiều hay giống nhau. Chàng tiến ngựa lên trên bãi cỏ, không thấy một dấu vết gì có thể chứng rằng ở chỗ ấy mới hôm qua đây còn có người ở, còn có nhà cửa.

Chàng lắng tai nghe: xa xa có tiếng thác chảy. Chàng lầm bầm :

— Rõ tiếng thác Linh-hai !

Chàng cho ngựa xuống và đi men theo giòng suối. Bỗng chàng ghi cương ngựa lại: sau đám cỏ chàng trông thoáng thấy một vật trắng trắng. Chàng nhảy xuống ngựa đến gần xem thì đó là một hòn đá trắng; chàng kinh ngạc thấy hòn đá đó trông phẳng phất giống hòn đá gần nhà cô Thờ, nghĩa là cũng giống hình như một cái vai của một người con gái trắng trẻ nằm dưới làn nước.

Quang lúc đó tưởng mình đang mê ngủ. Chàng muốn định thần trí lại để cố nghĩ cho hiểu sự lạ lùng ấy, nhưng không thể được. Hòn đá chàng thấy như có vẻ sống và dưới ánh sáng mặt trời chàng trông rõ một tia đỏ chạy ngang hòn đá như một tia máu.

Chàng cúi xuống giơ hai tay múc nước để rửa mặt cho tỉnh. Nước suối lạnh làm chàng rùng cả mình dậy. Bỗng chàng thấy rõ ràng chàng thấy — bên cạnh bóng mặt chàng in xuống đáy nước có bóng mặt một người khác nữa, mặt một người con gái Thổ chàng trông phẳng phất giống cô Sao.

Chàng rợn người, đứng thẳng lên, nhìn quay lại thì không có ai cả. Chỉ có con ngựa của chàng đứng sau đang rút cổ ăn. Thoáng thấy hương lan, chàng nhìn quanh quẩn. Lúc ngừng lên, chàng thấy ở ngay trên đầu có một bông lan, hoa trắng nuột, cánh điểm hai chấm đen... bóng lan rùng.

Quang toan giơ tay hái bông hoa nhưng có một nỗi sợ vô cớ làm ngừng tay chàng lại. Vâng vâng bên tai chàng tưởng như nghe thấy tiếng cô Sao nói với chàng đêm trước :

— Em xin ông, chỉ mỗi một cây này gần nhà, em quý lắm.



Lúc ra đến ngoài đường cái, Quang đợi mãi mới gặp được một

người Thổ kiếm củi đi qua. Chàng gọi lại hỏi :

— Ở trong kia có nhà ai ở không ?

Người Thổ đáp :

— Quanh đây không có nhà ai cả. Ai dám ở đây. Nhiều hổ lắm.

Quang bảo người Thổ lắng tai nghe tiếng thác rồi hỏi :

— Có phải thác Linh-Hai đó không ?

Người Thổ ngạc nhiên không hiểu :

— Thác Linh-Hai ? Linh-Hai ?

Không phải, đây là thác Na-Mang. Ở khắp châu này không có thác Linh-Hai.



Mấy hôm sau, người cho thuê thấy Quang sáng nào cũng đến thuê ngựa rồi cứ chiều tối mới đem ngựa về trả.

Băng đi mấy tháng, người cho thuê ngựa lại thấy Quang đến nhưng lần này chiều không thấy đem ngựa về. Ngày hôm sau cũng không thấy bóng ông khách thuê ngựa đâu. Nửa đêm nghe tiếng động ở cửa, người cho thuê ngựa đem đèn ra soi thì thấy con ngựa của mình đứng bên dậu, hực hực tìm lối vào.

Trên lưng ngựa, yên còn đóng nguyên, mà người thuê không thấy đầu cả.

NHÁT-LINH.

Tiếng tơ vàng



Thơ của Cao-hoành-Nhân

Chàng là khách của trời xanh nước biếc,
Hương giang hồ phai áo đẹp trinh-nguyên.
Đem tóc kết phong-trần không hận tiếc,
Giữ cho lòng: tiếng trúc hoa duyên.
Nàng ấp-ủ mộng vàng bên gác ngọc,
Ngày là thơ đêm nhạc quỳnh-đào.
Có hoa thắm trong vườn xuân nắng lọc,
Có tơ mây trong áng nước sông đào.
Mây theo gió, gió đưa mây vạn ngã,
Mùa xuân nào hoa buộc gót phong trần.
Vườn khoe thắm, sắc hương cười óng ả,
Bên sông xanh tiên-nữ mộng đêm Tần.
Và tiếng trúc ngân bên thềm dạ-nguyệt,
Tơ trào sóng ngọc trải ngập vườn xuân.
Bay lá lướt lên bầu thơ điểm-tuyết,
Run mình đi trên mái tóc gai-nhân.
Chim nhảy múa, hoa vườn xuân rún rây
Nhịp-nhàng đưa theo tiếng-trúc tuyết-vời.
Mây uyên-chuyền bên thềm duyên lộng-lấy.
Vẫn vô tình thiếu-nữ đếm hoa rơi.
Tơ lại dò loang trời xanh nắng mỏng,
Theo hoàng-hôn giăng ngập bóng chiều tan.

Ngàn lên cao, vang đầu non cửa động,
 Và xa xăm ru gió thoảng lên ngàn.
 Hoa ngây ngất say nhìn ong quyến rũ,
 Trúc la đà vương nắng tím yêu-khieu.
 Gió sóng soái trong tình sương ấp ủ,
 Cỏ bàng khuâng lá ngọn đón hương yêu
 Nắng vội thắm, bên màn hiu hát gió,
 Lòng mang mang theo điệu nhạc mơ buồn,
 Và trống trải như vườn thu bỏ ngõ,
 Nàng mơ hồ thương nắng lạnh chiều buông.
 Tình láng-sĩ lang thang tràn thắm cỏ,
 Xao-xuyến trăm-tư ngưỡng-vọng xa xưa.
 Thôn thức thương nương lâu cao gác nhỏ,
 Hơi ngọn ngào như nguyệt ép trang thơ.
 Huyết lạnh chảy qua ruộng tim bờ ngõ,
 Hương cô sầu nâng tiếng trúc âm u
 Hồn tê buốt nằm say trong nhịp thở,
 Rồi lịm trầm theo tiếng nấc thiên-thu.
 Ngày tê tái vọng hương sầu chiêu-niệm,
 Thời-gian đi từng bước nhẹ trong hồn.
 Phải chăng Thơ, Nhạc, Tình Yêu xâm chiếm
 Sóng mắt dài trang thiếu-nữ khuê môn!
 Nàng đã yêu, nàng đã yêu đắm đuối,
 Gã giang-hồ với tiếng trúc huy-hoàng.
 Nàng tìm đến : trắng năm im bên suối.
 Và đâu đây thôn thức tiếng tơ vàng.

« Một đẹp ngày xanh »

CAO-HOÀNH-NHÂN

Nha-Trang

C
Â
U
Đ
Ồ
i



★ *Tứ thời bát tiết canh chung thủy
Ngạn liễu đôi bờ dục điềm trang*

Yên-Đồ.

Nghĩa là :

« Bốn mùa tám tiết lẫn thay đời
« Liễu dậm cây bờ muốn điềm trang »

★ « Tết tiết tưng tiền tiêu, tính toán toan tìm tay tử tế
« Mới me mừng mợ mạnh, mĩ miều mà mở mắt môn mi ».

Lê-Ta.

Dán Báo « Ngày Nay »

(Ghép toàn bằng tên sách của Đời Nay)

*Hai buổi chiều vàng, đôi bạn đợi chờ ngày mới.
Mười điều tâm niệm, gia-đình đoạn-tuyệt tối tăm !*

o°o

Dán nhà bạn mới cưới

*Có vợ, có con rồi có cháu
Làm chồng, làm bố sẽ làm ông.*

BẢO-VÂN.

Dán Nhà Báo Ngày Nay

*Loan cứ lạnh-lùng mà Đoạn-tuyệt.
Tuy mới Nửa-chùng-Xuân,
Mặc dầu Đời mưa gió, Dúng vì Ngày-mới phơi Thoát-ly.*



THỦY TIÊN

của Hoàng-Đạo

HỒI tôi còn ở nhà quê, tôi có quen một người tên là Thanh. Anh rất thích chơi thủy tiên, năm nào cũng cứ đến cuối tháng Một là anh không quên ra Hà-nội mua thủy tiên về để

Thanh vốn nghiện và lười, ngày thường chỉ nằm dài bên cạnh bàn đèn. Nhưng lúc anh mua thủy tiên về, thì anh rất chịu khó. Anh ta chọn những củ mập mạp và nhiều giò cắt đi, để

ta dậy thật sớm, tắm và rửa thủy tiên, tụy nước lạnh làm công cả mười ngón tay. Đến hôm mồng một tết, anh đếm từng bông hoa nở và năm nào thủy tiên nở nhiều và đều, thì không còn tìm đâu thấy một người sung sướng bằng anh.

Nhưng nhà Thanh sa sút dần. Và mỗi năm, tôi thấy anh mua thủy tiên một ít đi. Về sau, tôi theo thầy me tôi lên tỉnh ở và từ đây tôi không gặp anh ta nữa, cũng không biết đời sống của anh ta ra làm sao.

Năm ngoái, nhân về quê thăm họ hàng, tôi được tin Thanh nghèo lắm, đã bán hết cả gia tài, về ở một túp nhà tranh ở cuối chợ. Tôi hỏi thăm đến nhà chơi. Tôi không nhận ra anh ta được nữa, Thanh đã già hẳn đi, má hóp, mắt sâu, và cặp môi thâm nhợt như môi người nghiện nhện hút đã

lâu. Trông thấy tôi, mừng rỡ rồi hai người đem chuyện cũ ra nói với nhau. Anh ta phàn nàn, than thở rằng bây giờ nghèo túng quá, mồng một tết mà cả nhà chỉ còn một bát gạo ăn. Tôi cũng ái ngại hộ anh ta. Bỗng tôi chợt thấy trên bàn thờ gỗ mộc một củ thủy tiên hoa nở đầy trong một cái chậu sành nhỏ. Thanh cũng đưa mắt theo tôi, âu yếm nhìn hoa thủy tiên, tươi cười bảo tôi :

— Bây giờ tôi gọt khéo hơn trước nhiều, anh ạ. Năm nào hoa cũng nở đúng ngày mồng một.

Anh ta bỗng dưng, mắt mờ màng nhìn vào quang không.

Tôi man mác nghĩ thầm :

— Tình yêu hoa hay là lòng thương tiếc một quang đời thiếu niên đằm ấm ?

Hoàng-Đạo.

THI NÓI KHOÁC

ĐẠI TIỆN... LỢI.

Đèo Hải-Vân có một cái lạ là phía núi bên này thì tạnh ráo, mà phía núi bên kia thì mưa như trút. Nhưng người lân-cận ngồi ở bên tạnh cho tay sang bên mưa giặt quần áo mà người không bị ướt chút nào.

QUEN MÙI.

Quen mui, nhà kiến-trúc-sư nghĩ :

— « Nếu có thể để ra người theo kiểu vẽ, thì mình muốn cho để cái gì cũng được ».

Khi bà kiến-trúc-chủ lần thứ sáu, ông liền vẽ một cái nhà mô-đéc hai tầng. Ông cũng cúng, cũng đốt rồi cũng cho bà kiến-trúc-ống. Chín tháng mười ngày, bà kiến-trúc để ra một cái nhà hai tầng rất đẹp, đúng theo kiểu vẽ, nhưng chỉ bé bằng năm cái nắm tay. Ngày, ngày bà vất sửa dột vào nhà. Nó lớn dần lên. Lớn rất mau. Được bốn năm nó to bằng cái nhà thực. Nhà kiến-trúc-sư đặt nó ở phố chợ hôm, rồi cho thuê như các nhà khác. Ông bà nào muốn xem, cứ vừa đi vừa ngửi, thấy cái nhà nào gây gây mùi sửa thì vào.



Thơ của Nhất-Anh
và Mai-quốc-Anh

ĐỀ LAN THANH NGỌC NỞ

*Chẳng duyên chưa dễ vào tay !
Nào đêm quẩn quít nào ngày vuốt ve !
Êm đềm gác tía phòng the.
Thanh tao vẻ ngọc như khoe màu ngà
Hương thơm ấp ủ ai mà
Nụ cười huyền ảo như xa như gần
Phàm tiên dễ động lòng trần.
Càng gần càng cảm nét xuân nỏn nà.
Náo nùng hương đượm vẻ hoa.
Yêu kiều, duyên dáng thướt tha tuyết vờ
Thoát trần muôn vẻ xinh tươi.
Lan thơm, Lan có biết người yêu Lan !*

Nhất-Anh.

ĐÀN VỚI THƠ

— Ai nhớ nhĩ những chiều thơ huyền ảo,
Ngồi bên ai, nghe ai dạo cung đàn !
Ni non, đầm ươm, nào nuốt xôn xang,
Quanh người ngọc, thoảng tiếng vàng thánh thót !

*

— Tiếng cao cao như ngàn trùng chót vót,
Tiếng mơ màng như gió lọt rèm khuya !
Tiếng nũng nịu như má tựa môi kề,
Tiếng lả-lướt như tóc thề phơ-phất !

*

— Tiếng nhẹ-nhàng như xa mù lướt đất.
Tiếng cheo-leo như mây ngất ngàn khơi !
Tiếng nao nao như mưa đổ chân trời,
Tiếng âm đạm như đường đời gió bụi !

*

— Tiếng nào nùng như vũ huyền trong lối.
Tiếng lửng lơ như dòng suối uốn quanh,
Tiếng mộng-thơ như Trăng rọi đầu ghềnh,
Tiếng nào nuốt như nụ tình ân ái !

*

— Tim ngừng đập ! Ôi ngày nay nhớ lại !
Tiếng tơ lòng theo mãi mãi không quên !
Vẳng bên tai lại nhớ tới nỗi niềm,
Kìa thỏ thẻ ai êm êm cất giọng !

*

— Tiếng tơ đồng hoà câu ca trầm bổng
Khến Trời mây non nước bổng băng khuâng
Và cỏ cây xem vẻ cũng tàn ngần,
Nhuộm thắm đượm bao ân ái ái ái !

— Tiếng đàn êm dề lòng ai ấm mãi,
 Tiếng ào huyền dầy ngái ngái duyên duyên!
 Thoảng phồng lan sức nước khói hương nguyên,
 Ôi ! mê ly, phút thần tiên ảo diệu !

*

« Nguyệt Trời đất thấu tình người yêu luyến
 « Phút bên chàng, phút âu yếm đừng tan !
 « Dề lòng hoa thơm ướp ủ giàng san,
 « Tình người đẹp đượm Trăng ngàn, mây sớm ! »

*

— Rút tiếng đàn tay cầm tay mà cảm,
 Hương mê hồn còn thoang thoảng đó đây !
 Mắt nhìn nhau mà dạ ngọc như say
 Tiếng trong vắt rộn lòng này mãi mãi :

*

— « Máy âm dương, xin Trời xanh hãm lại
 « Dề mặc người ân ái với mê ly,
 « Dề mặc người tha thiết với tình-si,
 « Mặc núng nịu và dề mê cho thỏa ! »

*

— Ôi ! Ai ngờ đời nhạc thơ mộng cả,
 Mới cùng nhau mà phút đã chia lìa !
 Ấm êm xưa nay nghĩ lại còn gì,
 Thơ với đàn dề dăm đĩa lệ túi !

*

— Đàn với thơ khóc tình duyên ngắn ngủi,
 Duyên đã may, ai ngờ rút, Trời ơi !
 Hương thơm xưa còn ướp ủ hồn ai !
 Nhớ êm ấm lại khóc đời dâu bể !

NẤU BÁNH CHƯNG



của Thạch-Lam

Ai cũng biết Tết không có bánh chưng không ra Tết. Mà bánh chưng không có Tết cũng không ra bánh chưng (chưa chắc đâu). Cho nên đời xưa đã có câu rằng: thiên hạ không có cũng được, chứ Tết mà không có bánh chưng không xong! Lời nói thực chí lý lắm vậy. Và trong mấy đêm ngày Tết, chỉ có đêm nấu bánh chưng là vui. Ngoài phen, đêm đông rét mướt, gió lạnh thổi vù vù. Mà trong nhà bên nồi bánh chưng ấm áp, ngồi chụm chân trên ổ rơm nhìn ngọn lửa thì còn gì thú hơn nữa. Ai có linh-hồn thơ như tôi, tất cũng biết cái thú vị của ngọn lửa những đêm đông. Trời rét mà ngọn lửa ấm như giữ không muốn cho ta đi xa, giữ ta lại để hưởng những cái thú êm ấm trong gia-đình, trong khi cả nhà ngồi xây quan-ghé

tiếng nước nóng reo mà kể chuyện cũ. Hưởng chi đêm nay bên cạnh tôi lại có cô Lan bên hàng xóm: đôi má hồng hồng, miệng tươi mà có duyên, trông xinh tề. Cô ngồi bên tôi, sửa lại mấy bông hoa thủy tiên rồi ngàng nhìn, se sẽ nói :

— Tết năm nay thế là anh thêm một tuổi rồi đấy nhỉ.

—Ừ... nhưng em cũng thêm một tuổi.

— Thành mười tám tuổi, người hơn rồi đấy!

Lan cười, tôi cũng cười. Ngọn lửa lung lay chiếu, mà Lan thêm hồng, môi Lan thêm đỏ, má Lan thêm tươi, thêm đẹp hơn lên.

THẠCH-LAM.

tiệc rượu ngoài vườn

Thời tiết thật là đẹp; không thể có một ngày nào khác đẹp hơn để lũ trẻ mở tiệc ở ngoài vườn. Trời không mây, không gió, ấm áp. Nền trời xanh chỉ nhẹ vờn một chút bụi vàng trong sáng như trong những ngày đầu hạ. Bác thợ vườn dậy từ sáng sớm để cắt cỏ, quét tước sạch sẽ. Còn hoa hồng, lũ trẻ biết rằng trong một buổi tiệc đặt ngoài vườn thì hoa hồng bao giờ cũng được người ta chú ý đến. Hàng trăm, phải nói hàng trăm thì mới đúng, hàng trăm đóa hoa đã nở trong một đêm. Những khóm cây xanh rờn cúi rạp mình xuống như có thiên thần đi ngang qua.

Mấy người phu dựng rạp đề đề ăn đã đến mà lũ trẻ vẫn chưa ăn sáng xong.

— Dựng cái rạp ở đâu bây giờ hở Má?

— Con không cần phải hỏi Má. Năm nay Má để cho các con xếp đặt mọi công việc. Hãy quên Má là mẹ của các con đi và coi Má như một người khách danh dự thôi.

Nhưng Meg không thể đi trông nom bọn phu được vì trước khi ăn sáng nàng đã gội đầu, và bây giờ nàng đang quấn cái khăn trên đầu, ngồi uống cà-phê, tóc dính hết vào má. Jose, con bướm lúc nào cũng mặc váy lụa và áo Nhật ngắn, bảo Laura :

— Laura, em phải đi coi bọn thợ đi, em là nghệ-sỹ mà.

Thế là Laura chạy vụt ra vườn, tay hãy còn cầm miếng bánh phết bơ. Có cơ để được ăn ngoài vườn thì thực là thú, vả lại nàng cũng thích xếp đặt mọi việc. Bao giờ nàng cũng cho là mình có thể thu xếp mọi việc gọn ghẽ hơn tất cả mọi người.

Bốn người thợ đang đứng trên lối đi trong vườn. Họ mang mấy cây cột lớn bọc vải, trên vai đeo túi đựng dụng cụ.

Laura muốn cất miếng bánh phết bơ đi nhưng chẳng có chỗ nào có thể để được cả, chẳng lẽ lại vứt đi. Nàng thẹn đỏ cả mặt cố làm ra vẻ nghiêm nghị và lúc đến gần bọn thợ, nàng lại vờ như bị cận thị không trông thấy họ.

Nàng bắt chước giọng Má nói : « Chào các bác ». Nhưng giọng nàng ngập ngừng như giọng một đứa trẻ nghe buồn cười đến nỗi nàng phát xấu hổ :

— Ở... a... các bác là... có phải các bác đến để dựng rạp không ?

Một người gầy, mặt đầy tàn nhang cao nhất bọn sọc lại túi đồ trên lưng, hất cái mũ rơm ra phía sau đầu nhìn nàng cười :

— Thưa cô vâng. Chúng tôi đến làm việc ấy.

Nụ cười dễ dàng, thân mật của người thợ làm Laura bình tĩnh lại. Mắt anh chàng ấy đẹp ghê, nhỏ nhưng mà xanh. Laura ngàng nhìn những người khác, họ cũng đang cười. Nụ cười của bọn thợ như bảo thầm nàng : « Kia chúng tôi không cần cô đâu. » Bọn thợ này tử tế ghê. Buổi sáng đẹp lạ. Nhưng Laura không để ý đến buổi sáng, nàng phải làm ra vẻ quan trọng.

— Bây giờ các bác dựng rạp ở bên khóm huệ kia kia. Đề ở đấy trông có được không ?

Nàng giờ bàn tay không cầm bánh chỉ về phía khóm huệ. Bọn thợ nhìn theo. Một người béo lùn bệu mòi ra, anh thợ cao cau nói :

— Đứng cô ạ. Đề ở đấy coi không rõ. Theo tôi thì rạp phải đề ở chỗ nào đập vào mắt mọi người.

Laura ngạc nhiên không hiểu một người thợ mà dùng câu « đập vào mắt » để nói với nàng thì có lẽ phép không. Nhưng nàng lại hoàn toàn theo ý anh ta. Nàng đề nghị :

— Hay đề ở góc sân quần vợt vậy. Nhưng ban nhạc phải ngồi ở một góc rồi.

Một người thợ khác nói :

— Có cả ban nhạc nữa cơ à ?

Người này trông xanh xao và khi bác ta đưa mắt ngắm sân quần vợt thì trông mặt bác ta có vẻ mệt mỏi. Không hiểu bác ta nghĩ gì nhỉ ?

Laura nhẹ nhàng trả lời :

— Chỉ có một ban nhạc nhỏ thôi mà.

Ban nhạc có thực nhỏ đi nữa có lẽ bác ta cũng chẳng bận tâm.

Người thợ cao nói xen vào :

— Đây, chỗ này cô ạ, bên cạnh mấy cây này. Quá ra kia một chút. Đẹp lắm.

Dựng rạp ở bên mấy cây « karakas ». Nếu vậy thì rạp sẽ che lấp những cây ấy mất. Và cây « karakas » lại đẹp quá. Lá cây to, xanh bóng, quả vàng kết thành chùm. Cây « karakas » trông giống như những cây bạn tưởng tượng mọc trên hoang đảo, kiêu hãnh, có độc, vươn lá, quả dưới ánh mặt trời một cách yên lặng, hùng vĩ. Vậy có nên để chúng bị rạp che đi không ?

Đành thế vậy. Bọn thợ đã vác mấy cái cột lên vai và sửa soạn làm việc. Chỉ còn có anh thợ cao đứng lại. Anh ta cúi xuống bấm một dây oải hương rồi cho hai ngón tay vào lỗ mũi người. Khi Laura thấy cử chỉ của người thợ, nàng quên hết mọi chuyện về cây « karakas » và ngạc nhiên không hiểu tại sao anh ta lại để ý đến những vật như vậy — đề ý đến mùi oải hương — Trong những người nàng quen biết, đã có mấy người có thể làm những cử chỉ như vậy. Ồ, những người thợ này dễ chịu ghê. Sao nàng lại không làm bạn với những người thợ này có phải hơn những cậu ngốc nghếch nàng vẫn khiêu vũ hay những cậu vẫn đến nhà nàng ăn cơm tối cuối nhật không ? Với những người như thế, nàng cảm thấy dễ chịu hơn nhiều.

Thấy người thợ về một cái gì ở mặt sau cái bao thợ, một cái gì người ta dùng để đeo, đề phân chia giai cấp một cách vô lý, nàng quả quyết rằng tất cả tội lỗi là ở đây. Nhưng đối với nàng, nàng không nghĩ gì đến sự phân chia ấy, nàng, không nghĩ đến một chút nào, một mảy may nào cả...

Tiếng vỗ đống đinh vang lên lộc cộc. Mấy người thợ, người thì thổi sáo, người thì hát.

— Đàng ấy có ở đấy không ?

«Đằng ấy»... tiếng gọi nghe sao mà thân mật thế, nghe nó... nó... Đễ tổ là mình sung sướng, để tổ cho người thợ cao biết là mình tự nhiên và rất ghét những kiểu cách quý phái. Laura vừa cắn một miếng bánh phết bơ thực to vừa ngắm bức hình của người thợ vẽ. Nàng cảm thấy mình đúng y như một cô thợ con.

Có tiếng người ở trong nhà gọi ra:

— Laura, Laura đâu? Có điện thoại gọi.

— Đến ngay đây.

Laura chạy lướt trên bãi cỏ lên tới con đường đi, tới những bậc thềm, qua hàng hiên tới cửa. Trong phòng, cha nàng và Laurie đang chải mũ sắp sửa đi làm.

Laurie vội nói thực nhanh:

— Laura, anh bảo này: Em nhớ xem hộ cái áo của anh có phải là không nhớ!

— Vâng.

Bỗng dừng, không thể tự hãm mình lại được, nàng chạy lại ôm lấy Laurie, hôn nhẹ lên má anh một cái và hấp tấp nói:

— Trời ơi! Em thích mở tiệc quá! Anh có thích không?

— Hơi thích thôi. Laurie trả lời, giọng như giọng trẻ con, ấm áp. Chẳng cũng hôn lại em rồi khẽ đẩy ra:

— Thôi đi trả lời điện thoại đi cô.

Laura chạy ra cầm lấy ống điện thoại:

— Vâng, vâng, à vâng. Kitty đấy hả? Đến đây ăn cơm trưa chứ? Thôi, đến đi. Dĩ nhiên là vui rồi. Ăn cơm thường thôi mà. Có cùi bánh mì này, vụn bánh ngọt này và những đồ ăn thừa này. Thế hả.

sáng nay vui lắm hả? Cái áo trắng của Kitty ấy à? Dĩ nhiên rồi. Đợi tý nhớ — Má đương gọi gì.

Laura ngồi xuống.

— Gì thế Má? Con không nghe rõ.

Tiếng bà Sheridan từ trên gác vọng xuống: «Bảo cô ấy đợi cái nón xinh xinh chủ nhật trước ấy».

— Này Kitty, Má bảo Kitty đợi cái nón xinh xinh chủ nhật trước ấy... Ờ, một giờ đến đây nhớ.

Laura đề ống nghe lên máy. Nàng vung hai cánh tay trên đầu hít một hơi thật dài đuổi thẳng hai cánh tay ra rồi buông thõng xuống, đứng vội lên, yên lặng nghe ngóng. Hình như tất cả các cửa trong nhà đều mở. Căn nhà nhộn nhịp với những bước chân nhanh nhẹn, những tiếng nói vội vàng. Cánh cửa xanh thong xuống bập bật mở rồi xập ngay lại, rồi có tiếng cụng cục kéo dài. À, người ta đang đẩy cái dương-cầm lan trên mấy bánh xe con của nó. Nhưng còn không khí, có phải lúc nào không khí cũng thế này không nhỉ? Từng cơn gió nhẹ đuổi nhau chạy qua cửa sổ vào trong phòng rồi chạy qua cửa ra ngoài sân. Và có cả hai đốm mặt trời nữa, một đốm trên lọ mực, một đốm trên cái khung ảnh bằng bạc cũng đang đùa rơn. Những điểm ánh sáng đang yêu quá. Nhất là cái đốm trên lọ mực, trông nó ấm áp lạ, Đùng là một ngôi sao bạc. Nếu có thể hôn nó được thì Laura cũng hôn rồi.

Chuông cửa réo lên, có tiếng gấu vấy hoa in của Sadie quét sợi soạt trên cầu thang. Có tiếng đàn ông khẽ nói và Sadie lờ lững trả lời:

— Quả thực tôi không biết. Bác đợi một tý để tôi hỏi bà Sheridan xem.

Laura bước vào phòng khách:

— Gi thế hở Sadie?

— Thưa cô người hàng hoa đấy ạ.

Đúng rồi. Trong bọc cửa có một giỏ vuông lớn đầy hoa ly-lan hồng. Toàn là hoa ly-lan hồng, chẳng lẫn một thứ nào khác ngoài ly-lan cả. Những bông hoa lớn nở rộng, tươi mơn mớn gần như mong manh trên những cành đỏ thắm.

Laura nói, giọng như người rên khe khẽ :

— Ô, chị Sadie ơi!

Nàng ngồi thụp xuống như định sờu bên những bông hoa màu tươi ảm áp. Nàng cảm thấy từng cánh hoa trên đầu ngón tay, trên môi, trên ngực nàng.

Nàng khẽ nói :

— Nhảm to rồi chị Sadie ạ. Có ai lại đặt mua nhiều hoa như thế này bao giờ đâu. Chị gọi Má ra đây đi.

Nhưng đúng lúc đó, bà Sheridan bước vào, thản nhiên nói :

— Không làm đâu con ạ. Má mua đấy. Đẹp không con?

Bà bóp chặt tay Laura nói tiếp :

— Hôm qua Má đi qua hiệu bán hoa thấy họ bày trong tủ, tự nhiên Má nghĩ rằng trong đời Má, phải có một lần Má mua thật nhiều ly-lan. Và bữa tiệc ở ngoài vườn hôm nay là một cơ chính đáng để Má mua.

Laura nói :

— Thế mà con cứ tưởng Má bảo Má không can dự gì vào bữa tiệc.

Sadie đã vào nhà trong. Người bán hoa vẫn ở ngoài xe. Laura quàng tay qua cổ mẹ rồi âu yếm, hết sức âu yếm, cẩn nhẹ vào tay mẹ.

— Con gái mẹ, con không thích một người mẹ có óc tính toán quá

phải không? Thôi đi nào. Người bán hoa vào kia kia.

Người hàng hoa lại mang thêm một giỏ đầy ly-lan vào.

Bà Sheridan nói :

— Bác chất thoải thoải ở hai bên phía trong cửa này cho tôi. Thế nào, con có bằng lòng không Laura?

— Ô! Có chứ Má.

Trong phòng khách, Meg, Jose và chú Hans, người làm công, đã kê xong chiếc dương cầm.

Jose nói :

— Nào, bây giờ mình kê cái trường kỷ sát vào tường, ghế thì để lại, còn bao nhiêu đồ vật khác thì cho sang phòng bên, được không?

— Được.

Jose thích sai bảo người làm trong nhà, và người làm cũng thích nghe lời Jose vì nàng luôn luôn làm cho họ tưởng như họ đang đóng kịch.

— Hans, đem cái bàn này sang phòng bên kia rồi lấy cái chổi quét tẩm thảm đi... À, nhưng gượng đi, đi mời Bà và cô Laura sang ngay đây.

— Thưa cô vâng.

Jose quay lại nói với Meg :

— Em muốn thử lại cái dương-cầm xem sao để nhớ chiều nay khách có yêu cầu em hát thì em còn liệu. Đề em thử bài « Đời dang chán » nhớ.

Pom! Ta-ta-ta. Tỳ-ta. Cái dương-cầm vang lên quuyến rũ đến nỗi nét mặt Jose đổi hẳn đi. Nàng chấp tay lại, rầu rĩ, bị ảnh hưởng mẹ và Laura bước vào :

*Đời sao đáng chán đáng buồn
Đời là giọt lệ sầu tuôn ai hoài
Đời là một tiếng thở dài
Một tình yêu đã đổi đời éo le
Đời là một cuộc chia ly !...*

Nhưng đến chữ « chia ly », tuy cái dương-cầm vang lên một cách tuyệt vọng hơn bao giờ hết, miệng Jose lại nở một nụ cười tươi đáng sợ. Nàng hờn-hở hỏi :

— Giọng con có hay không Má ?

*Đời là một chuỗi khóc than
Bao nhiêu ước vọng tiêu tan ở đời
Đời là một giấc mộng dài
Tình ra mới biết trần ai cơ cầu...*

Nhưng Sadie vào ngắt ngay câu hát.

Bà Sheridan hỏi :

— Gì thế Sadie ?

— Thưa bà chị Bép bảo con lên hỏi bà đã có tờ ghi các thứ bánh kẹp phải làm chưa ạ ?

Bà Sheridan mơ màng nhắc lại :

— Tờ ghi các thứ bánh kẹp à ?

Trông mặt bà, lữ trẻ biết ngay là bà chưa định gì cả. Bà bảo Sadie, giơng quả quyết :

— Được rồi, bảo chị ấy là mười phút nữa tôi sẽ đưa cho.

Sadie đi khỏi. Bà vội bảo con gái :

— Laura, vào trong này với Má. Má đã biên tên các thứ bánh ở mặt sau một cái phong bì bỏ đầu đó. Con vào tìm rồi biên lại cho Má. Meg, lên ngay trên gác bỏ cái khăn ướt ở trên đầu ra. Jose, đi mặc áo đi. Nhanh lên không có tối hôm nay Ba về Má mách Ba cho mà xem. Còn... còn Jose, nếu có vào bếp thì con đổ ngọt chị Bép mấy câu nhờ. Sáng hôm nay Má kinh cái mặt chị ấy quá rồi.

Laura tìm mãi mới thấy cái phong bì sau cái đồng hồ treo trong

phòng ăn. Bà Sheridan nghĩ mãi cũng không hiểu tại sao nó lại ở đấy được.

— Chắc lại đùa nào ăn cắp cái phong bì của Má ở trong ví, Má nhớ rõ ràng... kem pho mát, kem chanh.. Con đã viết chưa ?

— Con viết rồi Má ạ.

— Trúng và... (Bà Sheridan giơ cái phong bì ra xa)... Hay là chuột tha, chẳng có lẽ nào chuột lại tha được có phải không ?

— Và dầu ô-liu. Laura quay cổ lại nói tiép.

— Ừ, phải rồi, dầu ô-liu. Trúng và ô-liu, nghe cái món ấy nó thế nào ấy nhỉ ?

Ghi xong tên các thứ bánh, Laura đem vào bếp. Nàng thấy Jose đang an ủi chị Bép mà trông chị Bép thì lại chẳng có vẻ gì đáng an ủi cả.

Jose suýt xoa :

— Em chưa bao giờ thấy bánh kẹp ngon như thế này cả. Có bao nhiêu thứ tất cả hở chị Bép ? Mười lăm thứ có phải không ?

— Thưa cô vâng.

— À, chị Bép khéo quá, tôi khen chị đấy.

Chị Bép toét miệng cười, cầm con dao dài cắt cùi bánh gạt sang một bên.

Sadie ở trong phòng để thức ăn thấy người hàng bánh đi ngang qua cửa sổ chạy ra nói :

— Người nhà ông Godber đến kia rồi.

Người nhà ông Godber đến thì có nghĩa là kem đến. Ông Godber nổi tiếng là làm kem ngon. Không có ai nghĩ đến việc làm lấy cả.

Chị Bép bảo Sadie :

— Chị đem kem để lên bàn này hộ tôi một tý.

Sadie đem kem vào rồi lại ra cửa. Dĩ nhiên là Laura và Jose đã lớn, không còn để ý đến món kem ấy lắm, nhưng cả hai chị em vẫn không thể nào trông thấy món ấy mà không thèm. Thèm lắm. Chị Bếp bày món kem lên bàn, bỏ bớt đường thừa đi.

Laura nói:

— Không biết nhìn đĩa kem này có làm cho người ta nhớ lại tất cả những bữa tiệc trước không nhỉ?

Jose — tinh không bao giờ thích nhớ lại một cái gì cả — trả lời:

— Có lẽ có chứ. Trông nó bóng mượt đẹp như tơ ấy nhỉ.

Chị Bếp bảo hai người bằng một giọng rất dễ chịu:

— Mỗi cô ăn một cái đi. Má không biết đâu.

— Ồ, không được. Ai lại vừa ăn sáng xong mà đã ăn kem. Cứ nghĩ đến cũng lạnh cả người.

Hai phút sau, Jose và Laura đã mút ngón tay mà mắt thì hãy còn sáng lên nhìn mấy đĩa kem.

Laura rủ chị:

— Minh ra vườn đi, chuẩn lời sau. Em muốn xem bọn thợ dựng rạp đến đâu rồi? Bọn họ tử tế ghê lắm cơ!

Nhưng ở cửa sau lại có chị Bếp, Sadie, người nhà ông Godber và Hans đứng chắn mất lối đi rồi.

— Có chuyện gì đấy?

Chị Bếp tặc lưỡi tục tục như một con gà mái đang cuống lên vì sợ hãi. Sadie thì hai tay ôm lấy má như người bị đau răng. Còn Hans thì đứng thộn mặt ra để nghe cho thủng câu chuyện. Chỉ có người nhà hàng Godber là có vẻ khoái chí, chuyện của anh ta kể mà.

— Cái gì thế? Chuyện gì thế?

Chị Bếp trả lời:

— Vừa có một tai nạn khủng khiếp, một người chết.

— Người chết hả. Ở đâu? Bao giờ? Làm sao?

Anh chàng giao hàng không trả lời ngay lại thủng thính:

— Cô có biết cái dãy nhà nhỏ ở dưới kia không?

— Biết, thì dĩ nhiên là biết rồi.

— Đấy, ở đấy có một anh phu xe tên là Scott. Sáng nay anh ta đánh xe đến đầu phố Hawke gặp một cái máy kéo hạng nặng, son ngựa của anh ta sợ quá lỏng lẻo, anh ta ngã đập gáy xuống đất. Chết tươi!

Laura trợn mắt hỏi lại người giao hàng:

— Chết à?

Anh này khoái chí trả lời:

— Chết. Lúc người ta nâng nó dậy thì nó chết. Lúc tôi đến đấy thì người ta đang khiêng xác nó về nhà.

Rồi quay lại chị Bếp, anh ta nói tiếp:

— Nó có một vợ vói lại năm đứa con còn nhỏ.

— Jose, lại đây em bảo.

Laura nắm cánh tay áo chị lồi qua bếp, sang tận phía bên kia cánh cửa xanh rồi nói bằng một giọng sợ hãi:

— Chúng mình có nên ngưng lại không?

Jose ngạc nhiên, sững sờ hỏi lại:

— Ngưng lại à? Ngưng cái gì?

— Ngưng đãi tiệc ấy.

Tại sao Jose lại giả vờ không hiểu?

Nhưng Jose vẫn ngăn người ra :

— Ngưng mở tiệc à ? Laura ơi, đừng vô lý thế. Minh không thể làm gì được, có ai cầu minh đâu. Đứng có yên như vậy.

— Nhưng tiệc tùng làm sao được khi có một người vừa chết ngay trước cửa nhà mình.

Cứ kể thế thì yên thực, vì dãy nhà nhỏ ấy ở ngay đầu dốc đi lên nhà. Đứng rồi, dãy nhà ấy ở gần quá. Trông những căn nhà nhỏ nghèo nàn sơn nâu ấy thực chướng mắt. Trong vườn chỉ có cuống bắp cải, gà ốm và ống cà chua hộp. Cả đến khói tỏa trên nóc những căn nhà ấy trông cũng nghèo nàn thực khác xa với những làn mây bạc ở ống khói nhà Sheridan tỏa ra. Trong xóm toàn là những thợ giặt, thợ quét ống khói, thợ chữa giầy với lại một người mà trước cửa nhà toàn là lông chim. Trẻ con nhiều như ong. Các trẻ nhà Sheridan khi còn nhỏ đều bị cấm đặt chân đến đây vì Bà Má sợ các con học phải những tiếng tục tằn, những cử chỉ xấu xa của dân xóm. Nhưng từ khi Laura và Laurie lớn lên chơi đi săn, chúng hay đi qua đó. Xóm ấy bần thiếu và ghê tởm quá. Mỗi lần ở trong đó chui ra là hai đứa lại run như cày sậy. Nhưng ai mà chẳng phải đi đây đi đó, quan sát mọi vật. Vì vậy, chúng vẫn cứ đi.

Laura nói :

— Chị thử nghĩ xem, khi nghe thấy âm nhạc âm ỹ thì vợ của anh kia thấy thế nào.

— O, Laura. (Jose bắt đầu bối rối thực sự) nếu cứ mỗi lần có tai nạn là em lại bắt ban nhạc ngưng lại

thì đời em sẽ ra làm sao ? Chị cũng buồn về câu chuyện ấy như em vậy Chị có cảm tình với bọn họ.

Mặt nàng đành lại, nàng nhìn em y như những lúc bà đưa đánh nhau, nói tiếp :

— Em không thể nào cảm động để làm cho một người thợ say rượu sống lại được.

Laura tức giận nhìn lại chị :

— Say. Ai bảo chị là người ấy say ? Đề tôi lên nói với má.

Laura nói bằng một giọng nàng vẫn dùng khi cãi nhau.

Jose giọng nàng mỉa mai :

— Ừ, lên bảo Má đi em.

Laura vừa mở cửa phòng bà Sheridan vừa hỏi :

— Má, con vào được không Má ?

— Được. Có chuyện gì thế con ? Sao mặt con lại tái đi thế ?

Bà Sheridan đang đội thử cái mũ mới trước bàn trang điểm quay lại.

— Má ạ. Có một người vừa chết. Bà Sheridan ngắt lời :

— Ấy, không phải ở trong vườn nhà ta chứ ?

— Không, không.

Bà Sheridan thở dài một cái như vừa cất được gánh nặng, bỏ mũ ra đặt lên đầu gối :

— Con làm Má hoảng hồn.

Laura hờn hèn kể lại câu chuyện rừng rợn rồi kết luận :

— Vậy dĩ nhiên là mình không mở tiệc được có phải không Má ? Ban nhạc và khách sắp đến. Vợ con người ấy sẽ thấy mình vui đùa chứ. Họ gần như là hàng xóm của mình cơ mà.

Laura ngạc nhiên thấy mẹ cũng xử sự giống Jose. Thế này thì không thể chịu được, vì hình như Má còn coi như là chuyện đùa. Má coi Laura không ra gì cả.

— Con cứ bình tĩnh mà nghĩ xem. Mình chỉ tỉnh cờ nghe thấy chuyện ấy thôi. Cho dầu trong xóm ấy có người chết một cách thông thương đi nữa... mà Má cũng không hiểu tại sao họ lại có thể sống trong những cái hũ nút ấy được... Chúng mình vẫn cứ đãi tiệc như thường chứ, có phải không con!

Laura phải trả lời « Vâng » nhưng nàng vẫn cảm thấy làm như vậy là lảm. Nàng ngồi xuống ghế dài của Má, tay vặn vẹo cái mép gối tua:

— Má ạ, mình làm như vậy có nhẫn tâm quá không?

— Con Má.

Bà Sheridan tiến lại gần nàng, tay cầm cái mũ đội lên đầu nàng. Laura không kịp cản lại. Bà nói tiếp:

— Của con đấy. Cái mũ này con đội hợp hơn Má. Má lớn tuổi quá. Má chưa bao giờ thấy con xinh như thế này cả, trông đẹp như tranh, thấy thử soi gương mà xem.

Bà cầm cái gương nhỏ giơ lên.

— Không, Má.

Laura không thể nào nhìn vào gương được, nàng quay mặt đi.

Lần này bà Sheridan hết kiên nhẫn y như Jose lúc nãy. Bà lạnh lùng nói:

— Con vô lý lắm, Laura ạ. Những người như vậy có cần mình hy-sinh cho họ đâu. Con làm mọi người mất vui như vậy thực không đáng yêu một chút nào cả.

— Con không hiểu gì cả.

Nàng vừa nói vừa bước nhanh về phòng nàng. Vào đến phòng,

thực may mắn không ngờ nàng trông ngay thấy một thiếu-nữ duyên dáng ở trong gương, đầu đội cái mũ đen viền hoa cúc vàng và một dải nhung đen. Chưa bao giờ Laura có thể ngờ nàng lại có thể xinh đẹp đến thế. Nàng nghĩ thầm: Hay Má nói đúng. Hay là mình điên? Có lẽ mình điên. Trong một giây, nàng thoáng thấy hình ảnh của người đàn bà bất hạnh và lũ con thơ, hình ảnh của cái xác đang được khiêng về nhà. Nhưng tất cả những hình ảnh ấy tựa như lu mờ, không thực, không khác gì hình ảnh in trên một tờ báo. Laura tự nhủ: Thôi để xong bữa tiệc rồi mình sẽ nghĩ lại xem ra làm sao. Dù sao thì như thế là hơn hết..

Đến một giờ rưỡi thì xong bữa cơm trưa. Đến hai giờ rưỡi thì mọi người đã sửa soạn xong tiệc. Ban nhạc áo xanh đã đến đương thu xếp ngồi ở một góc sân đánh quần.

Kitty Maitland nói lớn:

— Các chị ạ, Bọn nhạc sĩ này trông chẳng khác gì đàn cóc cả. Đáng lẽ các chị phải xếp cho họ ngồi quanh một cái ao và để ông nhạc trưởng ngồi giữa một chiếc lá mới phải.

Laurie đi làm về, đưa tay chào mọi người rồi chạy đi thay áo. Vừa thấy Laurie, Laura lại nhớ đến tai nạn vừa qua. Nàng muốn kể cho Laurie biết chuyện. Nếu Laurie cũng đồng ý với mọi người thì tức là mọi người đúng lý. Nàng liền chạy theo vào trong nhà gọi Laurie.

— Gì thế, Laura?

Laurie đã lên đến nửa cầu thang, quay lại thấy Laura, chàng bỗng phòng má trợn mắt lên nói tiếp:

— Ô Laura. Đẹp quá. Cái mũ của em đẹp quá !

Laura khẽ nói :

— Thế à ?

Rồi nàng cười với Laurie và không nói được thêm câu gì nữa.

Trong chốc lát, khách khứa lũ lượt kéo nhau tới. Ban nhạc bắt đầu lên tiếng. Bọn bồi bàn mượn đến làm giúp chạy đi chạy lại từ nhà đến rạp, từ rạp vào nhà. Nhìn chỗ nào cũng thấy từng cặp một lững thững đi quanh vườn, cúi xuống ngửi hoa, chào hỏi nhau. Trông họ như những con chim đẹp chiều hôm ấy ở đầu bay đến hạ cánh xuống vườn nhà Sheridan để đi... đi đâu ? À, được ở bên những con người sung sướng để bắt tay nhau, áp má nhau, cười vào tận mắt nhau, còn gì sung sướng bằng.

— Hôm nay Laura xinh quá ?

— Cái mũ của Laura đẹp quá !

— Trông Laura như người Tây-ban-nha ấy. Chưa bao giờ Laura đẹp như hôm nay cả.

Và Laura thì đỏ mặt lên, dịu dàng đáp:

— Chị đã dùng trà chưa ? Anh có cần lấy thêm nước đá không ? Kem trái cây đặc biệt lắm kia đấy.

Laura lại chạy đến bên cha năn nỉ:

— Ba ơi, Ba cho ban nhạc cái gì uống chứ.

Và buổi chiều rực-rỡ ấy dần dần chín, dần dần nở và những cánh hoa dần dần tàn.

— Không có bữa tiệc nào vui như hôm nay...

— Bữa tiệc hôm nay thành công lớn...

— Thực là tuyệt...

Laura giúp mẹ chào khách. Hai người đứng hai bên cửa cho đến khi khách về hết.

Bà Sheridan nói :

— Chà xong cả rồi, xong cả rồi, may quá. Laura, gọi tất cả mọi người lại uống cà-phê đi. Má một quá. Hôm nay mọi việc đều mỹ mãn ! Nhưng trời ơi ! chỉ tiệc, tiệc thế ! Sao trẻ con các con thích tiệc thế !

Mọi người nhà tới ngồi trong rạp.

— Ba xoi một chiếc bánh kẹp đi này. Em nghĩ các món ăn đấy.

— Cảm ơn em.

Ông Sheridan cầm một miếng hết cả chiếc bánh. Ông ăn thêm một chiếc nữa rồi nói :

— Hình như ở nhà hôm nay không ai biết có tai nạn gì xảy ra nhỉ ?

Bà Sheridan giơ tay lên trả lời chồng :

— Có. Chỉ một tý nữa thì bỏ cả bữa tiệc. Laura cứ đòi bỏ đi mãi.

Laura sợ mọi người chế mình, năn nỉ với mẹ :

— Thôi, mẹ cứ nói mãi.

Ông Sheridan nói :

— Tai nạn khiếp quá. Anh ta đã có vợ con rồi. Ở ngay dưới xóm kia kia. Người ta bảo anh ta để lại một người vợ và đến nửa tá con ấy.

Mọi người yên lặng khó thở. Bà Sheridan ngượng ngập nâng tách cà-phê lên. Cái ông này thực chẳng lịch thiệp một tý nào...

Chợt bà ngưng lên. Trên bàn la liệt những bánh kẹo, bánh ngọt, bánh kem chưa ai ăn và sẽ bỏ phí. Bà hồng nảy ra một ý:

— Này, hay mình lấy giỏ xếp một ít đồ ăn này gửi cho họ vậy. Dù sao thì cũng là một sự an ủi đối với lũ trẻ. Mọi người đồng ý không? Chắc thế nào chẳng có hàng xóm láng giềng đến thăm bà ta. Có đồ ăn sẵn sàng thế này thực tiện quá.

Rồi bà đứng lên gọi:

— Laura, lấy cho Má cái giỏ lon trong tủ bát ra đây.

Laura nói:

— Nhưng làm như vậy có được không má?

Lạ thực, lại một lần nữa nàng nghĩ khác mọi người. Lấy bánh thừa đem cho người ta, không biết người ta có thực tâm bằng lòng không?

— Ô kìa Laura. Hôm nay con làm sao thế? Lúc nãy con vừa đòi mọi người phải tỏ ra có cảm tình với người ta, bây giờ con lại... Ờ, thôi được. Laura chạy đi lấy giỏ. Má chất đủ cả các thức ăn vào giỏ.

— Laura, con đem giỏ sang bên ấy đi. Này, đợi tý, đem cả hoa ly-lan sang nữa này. Họ thấy ly-lan chắc phải cảm kích lắm.

Jose thiết thực bảo:

— Này cảnh hoa làm bản hết áo Laura bây giờ đây.

Đùng thế. May Jose lại nói ra kịp.

— Thôi vậy. À này Laura...

Bà Sheridan vừa nói vừa theo Laura ra khỏi rạp.

— Dấu sao con cũng dừng...

— Đừng gì cơ má?

— Không, không nên để trẻ con biết những điều ấy.

— Không, thôi đi đi.

Laura ra khỏi công vườn thì trời bắt đầu sấm sấm tới.

Một con chó chạy bên nàng như một cái bóng. Con đường Laura đi mờ mờ trắng trắng và ở dưới kia thăm thẳm dãy nhà nhỏ lần trong bóng tối. Nàng đang đi xuống dưới đồi, chỗ có một người nằm chết mà không nghĩ ra. Tại sao nàng lại không nghĩ ra? Laura ngừng lại. Hình như những cái hôn, những tiếng nói, những tiếng cười, tiếng dao dĩa chạm nhau, mùi cỏ bị giẫm nát đã chiếm hết tâm trí nàng. Nàng không còn nghĩ gì đến việc khác được nữa. Lạ chưa. Laura nhìn lên bầu trời xám, tất cả ý nghĩ của nàng chỉ là: «Ồ, bữa tiệc hôm nay vui ghê».

Nàng đã đi qua con đường lớn, bắt đầu vào cái ngõ khói mù và tối om. Đàn bà quàng khăn hay đội mũ vải của đàn ông hấp tấp đi lại. Đàn ông thì đứng tựa vào hàng rào: trẻ con chơi đùa ngoài ngõ. Trong những căn nhà tối tàn vọng ra một âm thanh ri rầm. Ở vài nhà có le lói một ánh sáng yếu ớt và một bóng người đi ngang như ở bên trong cửa sổ. Laura cúi đầu rào bước. Nàng ước ao giá lúc này mà có một cái áo choàng để khoác vào người. Chiếc áo nàng đương mặc mỏng quá; lại còn cái mũ viền nhung nữa chứ — giá nàng đội cái mũ khác có phải hơn không? Không biết có ai nhìn nàng không nhỉ? Chắc là có. Nàng đi đến đây thực dại quá, nàng biết nàng dại. Hay là quay về vậy?

Không được, chậm quá rồi. Tôi nhà đây rồi. Đứng rồi, có một đàn người đứng đen ngịt ở ngoài cửa. Một bà già chống nạnh ngồi bên cửa nhìn ra, chân đặt lên tờ báo. Thấy Laura đến, mọi người đều yên lặng. Đám đông rẽ lối cho nàng vào như thể họ đang đợi nàng, họ biết trước là nàng sẽ đến.

Laura run quá. Nàng hất đầu cho cái nhung vất lên vai rồi hỏi người đàn bà đứng bên :

— Có phải đây là nhà của bà Scott không ạ ?

Người đàn bà cười một cách lạ lùng, trả lời :

— Phải đấy cô ạ.

Trời ơi, ước gì mình ra khỏi chỗ này được. Nàng bước vào lối đi nhỏ gõ cửa và nói thầm : « Lạy trời phù hộ cho con ». Làm thế nào để trốn khỏi những con mắt soi mói này, hay là ẩn vào một cái gì, ẩn vào một cái khăn quàng của một người đàn bà nào gần đấy cũng được. Nàng nghĩ bụng : « Minh chỉ để cái giỏ lại rồi chuẩn ngay, không cần đợi lấy giỏ về nữa ».

Cửa mở, một người đàn bà bé nhỏ mặc áo đen hiện ra trong bóng tối.

Laura hỏi :

— Thưa, có phải nhà bà Scott đây không ạ ?

Nhưng nàng hoảng lên thấy bà ta nói : « Mời cô vào đây ».

Nàng trả lời :

— Thôi ạ. Tôi chỉ xin gửi cái giỏ này. Má tôi bảo...

Người đàn bà nhỏ bé đứng trong lối đi tối om hình như không nghe thấy và nói bằng một giọng khàn khàn :

— Mời cô vào lối này.

Laura theo bà ta vào và thấy mình ở trong một cái bếp đồ nát bên ngọn đèn dầu bốc khói ngùn ngụt. Có một người đàn bà khác ngồi bên ngọn lửa. Người dẫn nàng vào gọi :

— Emma, cô ấy đây này.

Rồi quay lại phía Laura, người ấy khẽ nói :

— Thưa cô, tôi là em bà Scott. Xin cô thứ lỗi cho bà ấy.

— Ồ không, không có gì cả. Xin bà đừng làm rộn bà Scott. Tôi... tôi chỉ xin đề cái...

Nhưng lúc đó, người đàn bà ngồi bên bếp lửa đã quay lại. Mặt bà ta sưng tím lên, mắt, môi cũng sưng lên trông đến khiếp. Bà ta như không thể hiểu tại sao Laura đến đây. Tại sao lại thế! Tại sao lại có một người lạ xách giỏ đứng ở trong bếp! Thế nghĩa là thế nào? Nét mặt đau khổ của bà ta lại nhăn nhúm lại.

Thấy vậy, người kia nói :

— Thôi được rồi chị. Đề tôi cảm ơn cô ấy.

Và quay về phía Laura nói tiếp :

— Chắc cô cũng thứ lỗi cho chị tôi.

Mặt bà này cũng thế, cũng sưng lên và bà ta cố cười lên mấy tiếng khàn khàn.

Laura chỉ muốn đi ra khỏi chỗ ấy ngay. Nàng quay trở lại lối cũ. Cửa mở, Laura bước vào ngay căn phòng ngủ có người chết nằm.

Người đàn bà hỏi Laura :

— Cô có muốn nhìn qua anh ấy một chút không?

Bà ta tiến lại phía giường, vạt áo sát vào người Laura :

— Đừng sợ cô ạ...

Lúc này giọng bà ta nghe triu mến và e lệ. Bà ta âu yếm kéo tấm khăn phủ mặt người chết bảo Laura :

— Trông anh ấy như một bức hình vậy. Chẳng có gì tỏ ra là anh ấy bị nạn cả. Mời cô lại đây.

Laura bước lại.

Trên giường, một người đàn ông trẻ tuổi bình tĩnh nằm ngủ, ngủ say đến nỗi anh ta cách biệt, cách biệt hai người xa, ô thực là xa xôi, thực là yên tĩnh. Anh ta đang mơ và không bao giờ tỉnh nữa. Đầu anh ta lún trên gối, hai mắt nhắm nghiền, triền miên trong giấc mộng. Không biết bữa tiệc vui, giỏ bánh ngon, vạt áo đẹp có nghĩa lý gì đối với anh ta không nhỉ? Anh ta xa cách những vật ấy quá. Trông anh ta đẹp lạ. Trong khi Laura và mọi người cười nói, trong khi ban nhạc hoà tấu thì người trai trẻ này đã về đến đây. Nét mặt ngủ ấy như nói rằng: «Sung sướng... hạnh phúc... Mọi việc đều êm đẹp. Mọi việc phải xảy ra như thế nào thì đã xảy ra đúng như vậy. Tôi rất hài lòng».

Nhưng tất cả người ta, ai mà chẳng phải khóc. Laura không thể nào đi ra khỏi phòng mà không nói với anh ta. Nàng nức nở phur một đứa trẻ :

— Tôi xin lỗi đã đợi mãi.

Và lần này, chẳng đợi ai cả, nàng tự tìm lấy lối ra cửa, xuống dưới đường, qua mặt tất cả bọn người đứng xúm đen như mực.

Đến đầu ngõ, nàng gặp Laurie.

Laurie ở trong bóng tối bước ra hỏi :

— Laura đây à ?

— Vâng.

— Má bắt đầu sốt ruột đấy. Xong rồi chứ ?

— Vâng.

Nàng cầm lấy tay Laurie và dí sát vào người anh.

— Em khóc đấy à ?

Laura lắc đầu. Chính nàng đang khóc.

Laurie quàng tay lên vai em Âu yếm nói :

— Đừng khóc, nín đi em, sợ làm hỏng hả ?

Laura nức nở :

— Không, em không sợ, đẹp lắm, anh ạ. Nhưng...

Nàng đứng lại nhìn anh người ngừng hỏi :

— Đợi là thế... có phải đợi là thế...

Nhưng đợi là thế nào, nàng không giãi giải được. Cũng chẳng cần, anh nàng đã hiểu rồi; chàng nói :

— Có phải thế không em ?

Tô-Hoàng dịch.

CÁC BẠN MUỐN CÓ

ĐỦ BỘ

VĂN-HÓA NGÀY-NAY

XIN HỎI TẠI

NAM-CƯỜNG

Nguyễn-Thái-Học Saigon.